

Giáo trình

Bảo hiểm xã hội

CHƯƠNG I: ĐỐI TƯỢNG VÀ NỘI DUNG MÔN HỌC



I. Sự cần thiết của bảo hiểm:

Trong đời sống hàng ngày con người có thể gặp những rủi ro, do những nguyên nhân:

- Do tự nhiên. Ví dụ: lũ lụt, động đất, bão, sóng thần...
- Do con người. Ví dụ: Tai nạn lao động, tai nạn rủi ro, tai nạn giao thông.

Hậu quả: tạo ra mất cân đối trong quá trình sản xuất – xã hội. Những rủi ro đó gây ra cho con người rất nhiều khó khăn trong cuộc sống, phá hoại nhiều tài sản, làm ngưng trệ quá trình sản xuất kinh doanh.

Và để giải quyết hậu quả đó thì:

- Bản thân người gặp rủi ro phải tự giải quyết.
- Trợ giúp của người thân, gia đình, bạn bè, đồng nghiệp.
- Trợ giúp của cộng đồng xã hội.

☐ Do tự nguyện nên không bền vững.

☐ Do đó hệ thống bảo hiểm là sự trợ giúp bền vững, là sự trợ giúp tốt nhất trong việc giải quyết các hậu quả rủi ro.

Các loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thương mại (sẽ tìm hiểu sâu ở chương II).

Lưu ý: BHYT vẫn nằm trong hệ thống BHXH nhưng được quy định ở các văn bản riêng mà không nằm trong luật BHXH.

II. Đối tượng :

2.1. Cách tiếp cận 1: dựa vào mối quan hệ giữa các yếu tố:

- **Giữa người chủ sử dụng lao động và người lao động:** người chủ SDLĐ sử dụng sức lao động của người lao động, hay nói cách khác là người lao động bán sức lao động của mình và người chủ SDLĐ trả công cho sức lao động đó. Nhưng người chủ SDLĐ còn phải đóng góp phí BHXH cho người lao động để khi người lao động gặp trường hợp không may hay kết thúc quá trình lao động thì bản thân họ hoặc người nhà của họ sẽ được nhận các khoản trợ cấp từ quỹ tài chính BHXH.

+ Hiện nay (2010-2011) thì hàng tháng người chủ SDLĐ sẽ trích đóng 17% tổng quỹ lương của người lao động, và bản thân người lao động sẽ đóng 7% LCCĐ BHXH.

Phân tích như sau:

+ Người lao động : 6% bao gồm Hưu trí và Tử tuất (tăng 1%)

+ Người chủ SDLĐ : 16% bao gồm:

- 3% Ốm đau thai sản;
- 1% Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;
- 12% Hưu trí và Tử tuất (tăng 1%);

+ Và nếu đủ điều kiện theo Luật thì cả NLĐ và NSDLĐ bắt buộc phải đóng thêm 1% cho BH thất nghiệp.

□ Vậy tổng cộng là: $(6\%+1\%) + (16\% + 1\%) = 7\% + 17\% = 24\%$.

- **Giữa người chủ SDLĐ, người lao động và nhà nước:**

+ Tổ chức BHXH là cơ quan đại diện cho nhà nước và nhà nước tạo ra khung pháp lý điều hành hệ thống BHXH.

- **Giữa bên BHXH và người lao động đóng góp phí BHXH:**

+ Bên BHXH : Nhà nước, Trung Ương □ Tỉnh, Thành phố □ Quận, huyện.

+ Phí BHXH : theo quy định từng giai đoạn cụ thể. Hàng tháng, BHXH sẽ để lại một tỷ lệ % quỹ đóng BHXH cho doanh nghiệp dự phòng để doanh nghiệp kịp chi trả khi có rủi ro bất ngờ xảy ra cho người lao động. Trước khi có Luật BHXH: có nhiều bất cập về phí đóng BHXH và mức trợ cấp, ví dụ như người lao động trong khu vực liên doanh nước ngoài và lương trả bằng ngoại tệ nên lương người lao động rất cao nhưng chỉ trích đóng % BHXH theo tỷ lệ quy định và khi về hưu những người lao động này có $L_{hưu}$ rất cao nên có sự phân hóa rất lớn giữa những người hưởng $L_{hưu}$.

+ Chính vì thế khi Luật BHXH ra đời quy định như sau:

Mức đóng phí BHXH cao nhất = $20 \times L_{\text{minchung}}$

Ví dụ: NLĐ có mức lương tháng 02/2010 là 20,000,000 VNĐ. Mức đóng phí BHXH cao nhất vào tháng 02/2010 là $20 \times 650,000 = 13,000,000$ VNĐ. Vì lương hàng tháng của NLĐ này vượt quá mức tối đa nên khi tính phí đóng BHXH phải tính dựa trên $20 \times L_{\text{minchung}}$. Cụ thể NLĐ sẽ đóng $7\% \times 13,000,000$ và NSDLĐ sẽ đóng $17\% \times$ Tổng quỹ lương NLĐ.

- Giữa bên BHXH và người hưởng BHXH:

+ Chỉ có những người lao động đóng phí BHXH thì mới được nhận trợ cấp BHXH, nhưng không phải tất cả những người lao động đóng phí BHXH đều được nhận trợ cấp BHXH mà trợ cấp BHXH chỉ phát sinh khi có những rủi ro xảy ra (sẽ tìm hiểu trong bài học sau).

- Giữa thu nhập và mức đóng:

+ Đối với NLĐ làm việc ở khu vực ngoài nhà nước thì tiền lương, tiền công đóng BHXH hàng tháng được xác định dựa trên HĐLĐ. Luật LĐ quy định: tất cả các khoản tiền không ghi trên HĐLĐ thì sẽ không được hạch toán trong chi phí (tiêu cực: trốn phí BHXH và trốn thuế).

+ Đối với NLĐ làm việc ở khu vực nhà nước, khi tính tiền lương, tiền công đóng BHXH hàng tháng chỉ xét :

- Thang bảng lương nhà nước (Lương ngạch, bậc □ HSL).
- Phụ cấp chức vụ (nếu có).
- Phụ cấp thâm niên vượt khung.
- Phụ cấp thâm niên nghề: áp dụng đối với những ngành nghề đặc biệt, có quy định. Ví dụ: Công An, LLVT làm việc lâu năm, công việc cơ yếu như về mảng tài liệu mật vụ.
- ~~Thu nhập thêm (phúc lợi).~~
- ~~Phụ cấp ưu đãi nghề.~~
- ~~Phụ cấp công việc.~~
- ~~Tiền thưởng (A, B, C).~~

- Giữa mức lương và mức hưởng:

+ Mức hưởng trợ cấp hàng tháng của người được trợ cấp BHXH luôn nhỏ hơn mức lương hàng tháng của họ nhằm mục đích động viên, khuyến khích người lao động trở lại làm việc để tránh những tiêu cực xảy ra và đồng thời bảo đảm không bội chi quỹ tài chính BHXH.

Ví dụ: Lương của NLD là 100.000 VNĐ/ngày. Nếu mức trợ cấp BHXH ≥ 100.000 VNĐ/ngày thì NLD sẽ không muốn đi làm. Nếu trợ cấp BHXH < 100.000 VNĐ/ngày thì sẽ khuyến khích NLD đi làm.

- **Giữa những người lao động tham gia BHXH với nhau:** chia sẻ rủi ro, lấy số đông bù cho số ít.

- **Giữa chế độ BHXH và chính sách tiền lương:** chế độ BHXH từ khi thành lập cho đến nay đã có nhiều thay đổi sâu sắc. Có một thời kỳ người lao động không hoàn toàn đóng phí BHXH nhưng vẫn được trợ cấp khi có rủi ro xảy ra. Theo lộ trình hiện nay thì chính sách tiền lương sẽ tách rời khỏi chính sách BHXH và tiến tới hệ thống BHXH phải tự trang trải các khoản trợ cấp.

2.2. Cách tiếp cận 2:

- Trợ cấp BHXH nhằm **bù đắp** hoặc **thay thế** một phần thu nhập **bị giảm** hoặc **bị mất** do tai nạn rủi ro hoặc các trường hợp khác nảy sinh. (ví dụ)

III. Nội dung môn học và các đề tài liên quan:

1. Nội dung môn học:

- Gồm 5 chương:

Chương I: Đối tượng và nội dung môn học.

Chương II: Một số lý luận cơ bản về BHXH.

Chương III: Các chế độ BHXH.

A. Chế độ BHXH bắt buộc:

1. Chế độ ốm đau.
2. Chế độ thai sản.
3. Chế độ tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
4. Chế độ hưu trí.
5. Chế độ tử tuất.
6. Chế độ BH thất nghiệp.

B. Chế độ BHXH tự nguyện (hưu trí và tử tuất).

Chương IV: Quỹ tài chính BHXH.

Chương V: Quản lý tổ chức BHXH.

2. Các đề tài liên quan:

- HIV/AIDS.
- Nạo, phá thai.
- Trẻ em lang thang cơ nhỡ.
- Xóa đói giảm nghèo.
- Chính sách đối với người có công.

IV. Chương trình môn học (Syllabus): Tài liệu đính kèm 1.

CHƯƠNG II

MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI



I. Lịch sử hình thành và phát triển của BHXH:

1.1. Thế giới:

- *Thời cổ đại*: con người đã xuất hiện những rủi ro, nhưng chưa có tổ chức BHXH. Do đó, khi có rủi ro thì người lao động sẽ tự cứu lấy mình hoặc có sự cứu trợ của người thân, gia đình và cộng đồng.

- *Thời kỳ có sự phân công về lao động trong xã hội*: thời kỳ này cộng đồng xã hội phát triển hơn. Các tổ chức về tôn giáo hoạt động rất mạnh mẽ. Giai cấp cầm quyền cũng đã tiến hành làm các việc từ thiện để an dân.

- *Thời kỳ công nghiệp hình thành*: thời kỳ này nông dân rời nông thôn và trở thành thị dân với các hoạt động thủ công hay các công việc khác, từ đó đã xuất hiện các nghiệp đoàn nhằm mục tiêu bảo vệ quyền lợi công nhân.

- *Thời kỳ công nghiệp phát triển*: những ông chủ tích lũy vốn, mua sắm máy móc, thuê nhân công. Người lao động sẽ bán sức lao động cho người chủ sử dụng lao động và người chủ sử dụng lao động sẽ trả lương trả công cho người lao động.

+ Ban đầu, khi lực lượng lao động xuất hiện những rủi ro thì cách giải quyết cũng chỉ là tự cứu lấy mình hay nhờ vào người thân, cộng đồng xã hội nhỏ với phương thức tự phát.

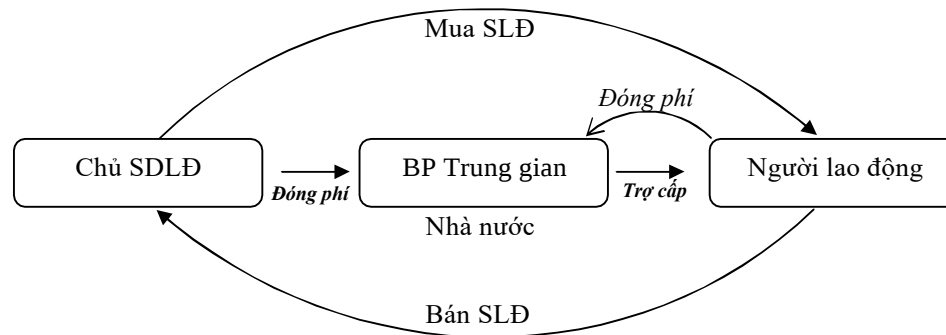
+ Nhưng sau đó dưới tác động của nghiệp đoàn, những người lao động đã liên kết lại với nhau đấu tranh buộc người chủ sử dụng lao động phải có trách nhiệm với người lao động. Họ đã tổ chức những cuộc biểu tình, đình công, bãi công. Lúc đầu người chủ sử dụng lao động làm ngơ nhưng sau đó trước áp lực của người lao động và nghiệp đoàn quá mãnh liệt nên người chủ sử dụng lao động chấp nhận trợ cấp. Nhưng bản thân họ cũng không lường trước được sự cố xảy ra với hàng loạt người lao động do vậy họ lại tiếp tục từ chối.

+ Người lao động lại tiếp tục đấu tranh mạnh mẽ hơn bằng cách đập phá xưởng... Trước tình trạng này, Nhà nước phải nhảy vào cuộc và đóng vai trò trung gian bằng cách yêu

cầu chủ sử dụng lao động phải đóng một khoản phí cho bộ phận này và khi có sự cố phát sinh thì chính bộ phận này sẽ xem xét và chi trả một khoản trợ cấp cho người lao động. Từ đó BHXH được hình thành. Lúc đó người lao động không phải đóng một khoản phí nào cho bộ phận BHXH này.

+ Đến 1952 Tổ chức Lao động (ILO) hình thành, công ước 102 đề cập đến những vi phạm tối thiểu về an sinh xã hội, đặc biệt là BHXH, sau đó là các công ước 118, 121, 128, 130, 157,... đã ra đời đều có liên quan đến vấn đề an sinh xã hội.

+ Đức là quốc gia đầu tiên hình thành BHXH, sau đó đến Pháp rồi các nước Châu Âu, Châu Á, Châu Phi và toàn thế giới.



1.2. Việt Nam:

BHXH đã hình thành từ năm 1945 và trải qua nhiều giai đoạn cho đến nay. Có 5 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1(2/9/1945 - 26/12/1961):

Có nhiều văn bản liên quan đến BHXH về ưu đãi BHXH và bảo trợ xã hội như:

- Sắc lệnh số 54/SL ngày 1/11/1945.
- Sắc lệnh số 105/SL ngày 14/6/1946.
- Sắc lệnh số 29/SL ngày 12/3/1947.
- Sắc lệnh số 76/SL ngày 22/5/1950.
- Sắc lệnh số 77/SL ngày 22/5/1950.
- Sau Hiệp định Genève, tháng 11/1954 chế độ lương hưu và chế độ thương tật được hình thành.

- ND 980/TTg ngày 27/7/1956 điều lệ ưu đãi thương binh quân nhân, du kích, thanh niên xung phong bị thương tật và điều lệ ưu đãi gia đình liệt sĩ.

- ND 523/TTG ngày 6/12/1958 quy định chế độ trợ cấp dài hạn cho quân nhân tình nguyện đã phục viên sau hoà bình lập lại mang bệnh kinh niên tái phát, không còn khả năng lao động, được hội đồng giám định y khoa xác nhận

Đặc điểm giai đoạn này:

- Văn bản rời rạc, nhiều chính sách... không đồng nhất.
- Mức trợ cấp thấp.
- Có quy định đóng nhưng rất ít người đóng.
- Chưa có quỹ BHXH.

+ Giai đoạn 2(27/12/1961 - 8/1985):

Một số các nghị định, quyết định liên quan đến BHXH:

- ND 218/CP ngày 27/12/1961 (quan trọng trong giai đoạn này) : ban hành điều lệ tạm thời chế độ BHXH đối với công nhân viên chức nhà nước (có 6 chế độ). Quỹ BHXH chính thức được thành lập, người SDLĐ đóng phí, người LĐ không phải đóng.

+ Có 6 chế độ: - Ốm đau.

- Thai sản.

- TNLĐ & BNN.

- Hưu trí.

- Tử tuất (tử: chết, tuất: trợ cấp chết).

- Mất SLĐ (có trường hợp còn gọi là hưu non).

Ví dụ: một người LĐ bị TN rủi ro cụt 2 chân nên không đi làm, người lao động được 30 tuổi có đủ số năm đóng BHXH quy định được Nhà nước giải quyết Mất sức lao động từ 30t đến chết (hưu non). Không giải quyết hưu trí.

- Quyết định 31/ CP ngày 20/3/1963 quy định Bộ nội vụ và Tổng Công đoàn Việt Nam đối với công tác BHXH:

+ Bộ nội vụ quản lý 3 chế độ: mất sức lao động, hưu trí và tử tuất.

+ Tổng Công đoàn Việt Nam quản lý 3 chế độ: ốm đau, thai sản, tai nạn lao động.

- ND 161/CP ngày 30/10/1964 ban hành chế độ đãi ngộ quân nhân.

- ND 163/CP ngày 14/7/1974 sửa đổi bổ sung một số chế độ như trợ cấp mất sức lao động , trợ cấp tiền tuất.
- ND 10/CP ngày 18/6/1976 ban hành chế độ đãi ngộ công nhân viên chức nhà nước và quân nhân cách mạng khi về hưu, nghỉ mất sức lao động, khi từ trần.
- ND 186/CP ngày 25/9/1976 qui định trách nhiệm của chủ tư nhân các cơ sở sản xuất kinh doanh công thương nghiệp, tư bản tư doanh khi công nhân bị ốm đau , sinh đẻ , tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp , thôi việc , bị chết.

Đặc điểm của giai đoạn này:

- Có thêm chế độ BHXH đối với khu vực ngoài quốc doanh.
- Thành lập quỹ tài chính BHXH thuộc ngân sách nhà nước.
- Người lao động không đóng BHXH.
- Người sử dụng lao động đóng phí BHXH. Tuy nhiên, trong giai đoạn này NSDLĐ đa số là thuộc KV Nhà nước (bao cấp) chính vì thế trong thực tế NSDLĐ đóng phí ở đây chính là nhà nước và quỹ tài chính BHXH lấy từ thuế để hình thành.

+ Giai đoạn 3(9/1985-3/1993):

- ND 236/HĐBT ngày 18/9/1985 bổ sung sửa đổi một số chính sách , như:
 - + Trợ cấp hưu trí thay bằng “lương hưu”.
 - + Thời gian công tác quy đổi theo hệ số là cơ sở để tính “lương hưu”.
- ND 299/HĐBT ngày 15/8/1992 ban hành điều lệ BHYT.

+ Giai đoạn 4(4/1993-2006):

Nghị định liên quan đến BHXH:

- ND 43/CP ngày 22/6/1993 Chính phủ qui định tạm thời chế độ BHXH:
 - + Nội dung cải cách:
 - * Xoá bỏ tư duy bao cấp, y lại trong BHXH.
 - * Thực hiện cơ chế đóng góp phí BHXH đối với người được bảo hiểm.
 - * Tách quỹ BHXH ra khỏi NSNN và chỉ được nhà nước hỗ trợ thêm.
 - * Qui định 5 chế độ trợ cấp, xoá chế độ trợ cấp mất sức. Lý do xoá chế độ mất sức lao động là vì có trường hợp tiêu cực xảy ra. Lúc đầu khi đưa chế độ mất SLĐ với mục đích tốt cho NLĐ nhưng do có những quy định không chặt chẽ (ví dụ: người lao

động chỉ giám định 1 lần và được nhận trợ cấp mà không có kiểm tra định kỳ) dẫn đến người lao động lợi dụng để hưởng.

* Thống nhất cách tổ chức quản lý BHXH trong cả nước.

* Điều đặc biệt trong giai đoạn này là cơ chế BHXH được chế định thành một chương trong Bộ luật lao động thông qua ngày 23/6/1994, được cụ thể hoá trong điều lệ BHXH kèm ND12/CP ngày 26/1/1995.

Đặc điểm của giai đoạn này:

- Do có nhiều yếu tố khác nhau nên ND 43/CP ban hành nhưng thực tế khó áp dụng được. Chính vì thế khi Bộ Luật LĐ ra đời thì ND 43/CP được cụ thể thành chương XII trong Bộ Luật LĐ. Và Chính phủ lại ban hành ND 12/CP để hướng dẫn chương XII trong Bộ Luật LĐ và áp dụng 01/1995. Nếu xem xét kỹ thì ND 12/CP về nội dung cơ bản chính là ND 43/CP. Và quỹ BHXH có thực tế từ 1995. Những lao động nghỉ hưu trước 1995 và có tham gia BHXH thì lương hưu do ngân sách nhà nước chi trả.

+ **Giai đoạn 5 (01/01/2007 đến nay):** 1/1/2007 Luật BHXH có hiệu lực.

- Theo Luật BHXH quy định:

+ 5 chế độ BHXH bắt buộc từ 2007 (các GD trước đều là BHXH BB).

+ 2 chế độ BHXH tự nguyện (từ 2008).

+ BH thất nghiệp (từ 2009).

Đặc điểm:

- Quỹ BHXH độc lập với ngân sách.

- Người LĐ và SDLĐ tham gia đóng phí BHXH.

- Chế độ BHXH thay đổi để phù hợp với nhu cầu BHXH.

- Dựa vào những văn bản của Nhà nước có tác động sâu sắc đến BHXH ở từng thời kỳ, đặc biệt là chế độ tiền lương gắn với BHXH.

II. Khái niệm và tính chất của BHXH:

2.1. Khái niệm:

- Theo ILO: “BHXH là thuật chia sẻ rủi ro và tài chính làm cho BHXH đạt hiệu quả và trở thành một hiện thực ở tất cả các nước trên thế giới”.

- Trong tác phẩm “Một số vấn đề về chính sách đảm bảo XH ở nước ta hiện nay”:

“BHXH chính là một quá trình tổ chức và sử dụng một quỹ tiền tệ tập trung được tích lũy dần do sự đóng góp của người SDLĐ và người LĐ dưới sự điều tiết của nhà nước, nhằm đảm bảo một phần thu nhập để thỏa mãn những nhu cầu sinh sống thiết yếu của người LĐ và gia đình họ khi gặp phải những biến cố làm giảm hoặc mất khả năng thu nhập theo lao động”.

- Theo giáo trình Kinh tế BH của ĐHKT quốc dân: *“BHXH là sự đảm bảo đời sống cho người LĐ và gia đình họ khi bị giảm , bị mất khả năng LĐ hoặc mất việc làm , trên cơ sở san sẻ trách nhiệm đóng góp vào quỹ BHXH”.*

- Trong từ điển BKVN tập 1: *“BHXH là sự thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập cho người LĐ khi họ bị mất hoặc giảm thu nhập do ốm đau, thai sản, TNLĐ & BNN, tàn tật thất nghiệp , tuổi già, tử tuất dựa trên cơ sở một quỹ tài chính do sự đóng góp của các bên tham gia BHXH có sự bảo hộ của nhà nước theo pháp luật nhằm đảm bảo an toàn đời sống cho người LĐ và gia đình họ , đồng thời góp phần đảm bảo an toàn XH”.*

- Theo Luật BHXH số 71/2006/QH11 ngày 12/07/2006 : *“BHXH là một tổ chức của Nhà nước nhằm sử dụng một quỹ tiền tệ tập trung do sự đóng góp của người chủ sử dụng lao động, người lao động và có sự hỗ trợ của Nhà nước nhằm bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH. Khoản trợ cấp này giúp cho người lao động và gia đình họ sống ổn định, điều này còn tác động đến cả an sinh xã hội”.*

Từ những khái niệm trên, có thể hiểu ngắn gọn về BHXH là:

- Bảo hiểm xã hội là sự đảm bảo **thay thế hoặc bù đắp** một phần thu nhập của người lao động khi họ **bị giảm hoặc mất** thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng vào quỹ BHXH.

Các đặc trưng của BHXH:

- Bảo hiểm cho người lao động trong và sau quá trình lao động.

- Thay thế thu nhập bị mất hay bị giảm nhằm ổn định cuộc sống cho người lao động và gia đình.

- Người lao động muốn được quyền hưởng trợ cấp BHXH phải có nghĩa vụ đóng BHXH. Người chủ sử dụng lao động cũng phải có nghĩa vụ đóng BHXH cho người lao động mà mình thuê mướn.

- Quỹ BHXH dùng để chi trả các trợ cấp khi có các nhu cầu phát sinh về BHXH.

2.2. Tính chất BHXH:

BHXH mang *tính tất yếu khách quan, tính kinh tế, tính xã hội và tính dịch vụ*.

- *Tính tất yếu khách quan*: là những đặc điểm bị tác động bởi những yếu tố bên ngoài và không phụ thuộc vào suy nghĩ của con người. Sở dĩ BHXH mang tính tất yếu khách quan vì nó là nhu cầu thiết yếu của người lao động (nhu cầu an toàn trong tháp nhu cầu của Maslow). Nhu cầu an toàn là nhu cầu được BHXH.

- *Tính kinh tế*: hàng tháng người lao động chỉ đóng một khoản phí nhỏ, như vậy có thể đó là những khoản tiết kiệm nhưng khi có rủi ro xảy ra người lao động này có thể nhận được các khoản trợ cấp từ BHXH tùy từng trường hợp, thậm chí cả đời.

Quỹ BHXH nhân rồi là một kênh tài chính quan trọng để phát triển quốc gia: đối với các quốc gia có hệ thống BHXH phát triển tốt, cân đối thu chi tài chính hiệu quả thì nguồn quỹ BHXH nhân rồi là một kênh tài chính quan trọng góp phần phát triển đất nước. Khi nguồn quỹ nhân rồi được đầu tư hiệu quả để phát triển đất nước thì phần lãi từ sự đầu tư này sẽ góp phần cho quỹ BHXH không ngừng tăng lên, và như vậy trợ cấp BHXH cũng tăng lên.

- *Tính xã hội*: các khoản trợ cấp về BHXH là một khoản tiền thay thế cho thu nhập bị mất hay bị giảm khi người lao động gặp những rủi ro hoặc ốm đau, thai sản hay hưu trí... thì sẽ giúp cho bản thân người lao động và gia đình của họ được ổn định đời sống.

Nếu mỗi người lao động, mỗi gia đình có cuộc sống ổn định thì cũng có nghĩa là vấn đề an sinh xã hội được thiết lập.

- *Tính dịch vụ (chính là tính trung gian)*: cơ quan BHXH sẽ

+ Thu phí BHXH của các đối tượng : người sử dụng lao động và người lao động.

+ Bảo quản quỹ tài chính BHXH.

+ Chi trả các khoản trợ cấp cho người lao động khi có các rủi ro, tình huống xảy ra.

III. Chức năng và nguyên tắc của BHXH:

3.1. Chức năng:

- Ổn định đời sống cho người lao động

+ Bản thân người lao động khi gặp những rủi ro thì có thể họ sẽ không tiếp tục lao động và không nhận tiền lương, tiền công. Do vậy khoản trợ cấp BHXH nhằm thay thế một phần thu nhập bị mất hay bị giảm giúp người lao động ổn định cuộc sống.

- + BHXH là công cụ phân phối và phân phối lại thu nhập giữa những người lao động tham gia BHXH.
- + BHXH là thuật chia sẻ rủi ro lấy số đông bù cho số ít.
- + Động viên khuyến khích người lao động (khía cạnh vật chất).
- + Tái sản xuất sức lao động.

3.2. Nguyên tắc BHXH:

- Nguyên tắc của Bảo hiểm: “lấy số đông bù cho số ít”.
- Mức hưởng BHXH được tính trên cơ sở : mức đóng, thời gian đóng BHXH và có chia sẻ giữa những người tham gia BHXH thông qua quỹ tài chính BHXH. Ví dụ: mức lương hưu.
- Mức đóng BHXH bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp được tính trên cơ sở tiền lương, tiền công của người lao động. Mức đóng BHXH tự nguyện được tính trên cơ sở mức thu nhập do người lao động lựa chọn nhưng mức thu nhập này không thấp hơn mức lương tối thiểu chung.

Mức đóng phí BHXH cao nhất = 20 x ML_{TT} chung

- Người lao động vừa có thời gian đóng BHXH bắt buộc vừa có thời gian đóng BHXH tự nguyện được hưởng chế độ hưu trí và chế độ tử tuất trên cơ sở thời gian đã đóng BHXH của cả hai giai đoạn.
- Quỹ tài chính BHXH : là một quỹ độc lập và được quản lý thống nhất, dân chủ, công khai, minh bạch, được sử dụng đúng mục đích.
- Việc thực hiện BHXH phải đơn giản, dễ dàng, thuận tiện, đảm bảo kịp thời và đầy đủ quyền lợi của người tham gia BHXH.

3.3. Đối tượng tham gia BHXH:

- Nhóm đối tượng áp dụng BHXH bắt buộc
- Nhóm đối tượng áp dụng BHXH tự nguyện

3.4. Các chế độ BHXH:

- BHXH bắt buộc bao gồm các chế độ :
 - + Hưu trí.
 - + Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.
 - + Ốm đau.

- + Thai sản.
- + Tử tuất.
- + **BH thất nghiệp.**
- BHXH tự nguyện bao gồm:
 - + Hưu trí.
 - + Tử tuất.

IV. Bảo hiểm xã hội và Bảo hiểm thương mại:

4.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại bảo hiểm thương mại:

4.1.1. Khái niệm:

Bảo hiểm thương mại (BHTM) là hoạt động bảo hiểm được thực hiện bởi các tổ chức kinh doanh bảo hiểm trên thị trường BHTM. BHTM chỉ những hoạt động mà ở đó các doanh nghiệp BH trên cơ sở người được BH đóng một khoản tiền gọi là phí BH để doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường hay trả tiền BH khi xảy ra các rủi ro đã thỏa thuận trên hợp đồng.

4.1.2. Đặc điểm của BHTM:

- Hoạt động BHTM hầu hết là một hoạt động thỏa thuận.
- Sự tương hỗ trong BHTM được thực hiện trong một cộng đồng có giới hạn.
- BHTM cung cấp dịch vụ đảm bảo không chỉ cho các rủi ro về bản thân mà còn cho cả rủi ro về tài sản trách nhiệm.

4.1.3. Phân loại BHTM:

- *Phân loại theo đối tượng bảo hiểm:*

Căn cứ vào đối tượng bảo hiểm thì toàn bộ các loại hình nghiệp vụ bảo hiểm được chia thành ba nhóm: bảo hiểm tài sản, bảo hiểm con người và bảo hiểm trách nhiệm dân sự:

- + Bảo hiểm tài sản: là loại bảo hiểm lấy tài sản làm đối tượng bảo hiểm. Khi xảy ra rủi ro tổn thất về tài sản như mất mát, hủy hoại về vật chất, người bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm căn cứ vào giá trị thiệt hại thực tế và mức độ đảm bảo thuận tiện hợp đồng;
- + Bảo hiểm con người: đối tượng của các loại hình này, chính là tính mạng, thân thể, sức khỏe của con người. Người ký kết hợp đồng bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm để thực hiện mong muốn nếu như rủi ro xảy ra làm ảnh hưởng tính mạng, sức khỏe của người

được bảo hiểm thì họ hoặc một người thụ hưởng hợp pháp khác sẽ nhận được khoản tiền do người bảo hiểm trả. Bảo hiểm con người có thể là bảo hiểm nhân thọ hoặc bảo hiểm tai nạn – bệnh.

+ Bảo hiểm trách nhiệm dân sự: đối tượng bảo hiểm là trách nhiệm phát sinh do ràng buộc của các quy định trong luật dân sự, theo đó, người được bảo hiểm phải bồi thường bằng tiền cho người thứ 3 những thiệt hại gây ra do hành vi của mình hoặc do sự vận hành của tài sản thuộc sở hữu của chính mình. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự có thể là bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp hoặc bảo hiểm trách nhiệm công cộng.

- Phân loại theo kỹ thuật bảo hiểm:

Theo cách phân loại này các loại hình bảo hiểm được chia ra làm 2 loại: loại dựa trên kỹ thuật "phân bổ" và loại dựa trên kỹ thuật "tồn tích vốn".

+ Các loại bảo hiểm dựa trên kỹ thuật phân bổ: là các loại bảo hiểm đảm bảo cho các rủi ro có tính chất ổn định (tương đối) theo thời gian và thường độc lập với tuổi thọ con người (nên gọi là bảo hiểm phi nhân thọ). Hợp đồng bảo hiểm loại này thường là ngắn hạn (một năm).

+ Các loại bảo hiểm dựa trên kỹ thuật tồn tích vốn: là các loại bảo hiểm đảm bảo cho các rủi ro có tính chất thay đổi (rõ rệt) theo thời gian và đối tượng, thường gắn liền với tuổi thọ con người (nên gọi là bảo hiểm nhân thọ). Các hợp đồng loại này thường là trung và dài hạn (10 năm, 20 năm, trọn đời...).

- Phân loại theo tính chất của tiền bảo hiểm trả:

+ Các loại bảo hiểm có số tiền bảo hiểm trả theo nguyên tắc bồi thường: theo nguyên tắc này, số tiền mà người bảo hiểm trả cho người được bảo hiểm không bao giờ vượt quá giá trị thiệt hại thực tế mà anh ta đã phải gánh chịu. Các loại bảo hiểm này gồm có: bảo hiểm tài sản và bảo hiểm trách nhiệm dân sự (gọi chung là bảo hiểm thiệt hại). Với loại bảo hiểm này, về nguyên tắc, người mua bảo hiểm không được ký hợp đồng trên giá hoặc bảo hiểm trùng .

+ Các loại bảo hiểm có số tiền bảo hiểm trả theo nguyên tắc khoán: người được bảo hiểm sẽ nhận được số tiền khoán theo đúng mức mà họ đã thỏa thuận trước trên hợp đồng bảo hiểm với người bảo hiểm tùy thuộc và phù hợp với nhu cầu cũng như khả năng đóng phí. Đây chính là các loại bảo hiểm nhân thọ và một số trường hợp của bảo hiểm tai nạn, bệnh tật. Với loại bảo hiểm này, về nguyên tắc, người mua bảo hiểm có thể cùng một lúc ký nhiều hợp đồng bảo hiểm cho một đối tượng và không bị hạn chế số tiền bảo hiểm.

- Phân loại theo phương thức quản lý:

Với cách phân loại này, các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại được chia làm 2 hình thức: bắt buộc và tự nguyện

+ Bảo hiểm tự nguyện: là những loại bảo hiểm mà hợp đồng được kết lập dựa hoàn toàn trên sự cân nhắc và nhận thức của người được bảo hiểm. Đây là tính chất vốn có của bảo hiểm thương mại khi nó có vai trò như là một hoạt động dịch vụ cho sản xuất và sinh hoạt con người.

+ Bảo hiểm bắt buộc: được hình thành trên cơ sở luật định nhằm bảo vệ lợi ích của nạn nhân trong các vụ tổn thất và bảo vệ lợi ích của toàn bộ nền kinh tế - xã hội. Các hoạt động nguy hiểm có thể dẫn đến tổn thất con người và tài chính trầm trọng gắn liền với trách nhiệm dân sự nghề nghiệp thường là đối tượng của sự bắt buộc này. Ví dụ: bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới, trách nhiệm dân sự của thợ săn... Tuy nhiên, sự bắt buộc chỉ là bắt buộc người có đối tượng mua bảo hiểm chứ không bắt buộc mua bảo hiểm ở đâu. Tính chất tương thuận của hợp đồng bảo hiểm được ký kết vẫn còn nguyên vì người được bảo hiểm vẫn tự do lựa chọn nhà bảo hiểm cho mình.

- Phân loại theo quy định hiện hành:

- + Bảo hiểm nhân thọ;
- + BH y tế tự nguyện và BH tai nạn con người;
- + BH tài sản và BH thiệt hại;
- + BH vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông...
- + BH thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu;
- + BH trách nhiệm chung;
- + BH hàng không;
- + BH xe cơ giới;
- + BH cháy;
- + BH tín dụng và rủi ro tài chính;
- + BH thiệt hại và kinh doanh;
- + BH nông nghiệp;
- + Các nghiệp vụ BH khác...

4.2. So sánh sự khác nhau giữa hai loại hình Bảo hiểm:

NỘI DUNG	BHXH	BHTM
1. Đối tượng	- Con người (người lao động) theo luật BHXH.	- Con người, tài sản, trách nhiệm dân sự.
2. Quan hệ bảo hiểm	- Dài lâu, ổn định mối quan hệ tồn tích dần	- Chủ yếu là ngắn hạn. Ví dụ: một chuyến hàng, một chuyến bay...
3. Hình thức	- BHXH bắt buộc - BHXH tự nguyện	- Đa số là không bắt buộc, nhưng số ít có bắt buộc. Ví dụ: xe máy, xe hơi...
4. Mức phí bảo hiểm	Tỷ lệ % dựa trên lương cơ bản của người lao động hoặc theo mức ấn định.	Theo mức đảm bảo đã chọn, thỏa thuận theo hợp đồng bảo hiểm.
5. Nguồn quỹ hình thành	- Phí đóng góp của người chủ sử dụng lao động và người lao động, có sự hỗ trợ của nhà nước và đầu tư sinh lời, các nguồn khác...	- Phí đóng góp được ký kết trên hợp đồng; nguồn vốn được đóng góp; lợi nhuận do kinh doanh.
6. Tính chất	- An toàn xã hội, an sinh xã hội thông qua các khoản trợ cấp.	- Thương mại, lợi nhuận, hạch toán lời lỗ, tìm kiếm lợi nhuận nhưng cũng mang đặc điểm an sinh xã hội.
7. Mục đích chi	- Các khoản chi trả trợ cấp. - Chi cho quản lý (TW – Tỉnh, Thành phố – Quận, huyện). - Chi cho dự phòng.	- Chi cho các hợp đồng khi có rủi ro xảy ra. - Chi cho quản lý. - Chi cho dự phòng. - Đóng thuế. - Chi để giảm thiểu rủi ro.
8. Hệ thống tổ chức	BHXH TW ☐ Tỉnh, TP ☐ Quận, huyện.	Tổng công ty ☐ Công ty ☐ Chi nhánh, đại lý.

V. Các mức lương tối thiểu qua các thời kỳ ở Việt Nam:

- Tháng 04/1993 – 12/1996 : 120,000 đ
- Tháng 01/1997 – 12/1999 : 144,000 đ
- Tháng 01/2000 – 12/2000 : 180,000 đ
- Tháng 01/2001 – 12/2002 : 210,000 đ
- Tháng 01/2003 – 09/2005 : 290,000 đ
- Tháng 10/2005 – 09/2006 : 350,000 đ
- Tháng 10/2006 – 12/2007 : 450,000 đ
- Tháng 01/2008 – 04/2009 : 540,000 đ
- Tháng 05/2009 – 04/2010 : 650,000 đ
- Tháng 05/2010 – 04/2012 : 730,000 đ
- Tháng 05/2011 – 04/2012 : 830,000 đ
- Tháng 05/2012 – nay : 1,050,000 đ

Ví dụ: Xác định các mức lương tối thiểu chung được áp dụng cho các giai đoạn sau:

1. Tính từ ngày 01/12/2002 đến 31/01/2003.
 2. Tính từ ngày 01/05/1993 đến 30/11/1996.
 3. Tính từ tháng 03/2005 đến 02/2007.
 4. Tính từ 12/2002 đến 05/2009.
 5. Tính từ 08/2006 đến 01/2010.
 6. Tính từ tháng 04/2010 đến 10/2010.
-

CHƯƠNG III

CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI



A. BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

- **Bảo hiểm xã hội bắt buộc** là loại hình bảo hiểm xã hội mà *người lao động* và *người sử dụng lao động* phải tham gia.
- **Người lao động** tham gia BHXH bắt buộc là công dân Việt Nam bao gồm:
 - + Người làm việc theo hợp đồng không xác định thời hạn, hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên.
 - + Cán bộ, công chức, viên chức;
 - + Công nhân quốc phòng, công nhân công an;
 - + Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan; hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân;
 - + Hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân và hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn;
 - + Người làm việc có thời hạn ở nước ngoài mà trước đó đã đóng BHXH bắt buộc.
- **Người sử dụng lao động** tham gia BHXH bắt buộc bao gồm:
 - + Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân;
 - + Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội – nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội khác;
 - + Cơ quan, tổ chức nước ngoài, tổ chức quốc tế hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam;
 - + Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác, tổ chức khác và cá nhân có thuê mướn, sử dụng và trả công cho người lao động.

A.1. CHẾ ĐỘ ỐM ĐAU

I. Khái niệm:

- Chế độ ốm đau là chế độ trợ cấp bằng tiền nhằm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập bị mất hoặc bị giảm, giúp cho người lao động trang trải cho các chi tiêu khi ốm đau, nghỉ việc mà không được nhận lương.
- Chế độ ốm đau bao gồm: người lao động bị ốm đau (ốm đau cần chữa trị dài ngày hoặc ốm thông thường), tai nạn rủi ro và nghỉ việc để chăm sóc con ốm.
- Trong thời gian nghỉ ốm đau thì người lao động sẽ không đóng BHXH, không tính thời gian đóng BHXH và không được trả lương.
- Lưu ý:
 - + Chế độ ốm đau # Bảo hiểm y tế.
 - + Tai nạn rủi ro là tai nạn do những sinh hoạt hàng ngày gây ra.

II. Ý nghĩa:

- Giúp người lao động ổn định đời sống.
- Giúp người lao động an tâm điều trị bệnh để nhanh chóng phục hồi sức khỏe và quay trở lại làm việc.
- Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và người chủ SDLĐ.

III. Điều kiện được hưởng chế độ ốm đau:

- Bị ốm đau, tai nạn rủi ro phải nghỉ việc và có xác nhận của cơ sở y tế:
 - + Nếu nằm viện điều trị nội trú phải có giấy ra viện;
 - + Nếu điều trị ngoại trú phải có giấy chứng nhận của Bác sĩ có thẩm quyền.
- Có con dưới bảy tuổi bị ốm đau, phải nghỉ việc để chăm sóc con và có xác nhận của cơ sở y tế.
- **Lưu ý:** các trường hợp ốm đau, tai nạn nhưng không được hưởng chế độ do:
 - + Ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do tự hủy hoại sức khỏe;
 - + Ốm đau, tai nạn phải nghỉ việc do say rượu, sử dụng ma túy, chất gây nghiện.

- Ví dụ:

Ông A đăng ký đóng BHXH ở Thủ Đức, TPHCM. Đầu tháng 05/2008, ông A bị bệnh và gia đình đã đưa ông đi cấp cứu ở BV Chợ Rẫy, sau đó nhập viện và điều trị trong 10 ngày. Hỏi ông A có được hưởng trợ cấp ốm đau do BHXH chi trả không ?

Trả lời:

- Chi phí cấp cứu sẽ được chi trả.

- Chi phí nằm nội trú ở BV Chợ Rẫy sẽ không được chi trả vì không đúng tuyến BV. Phải điều trị đúng tuyến mới được chi trả.

IV. Thời gian hưởng chế độ ốm đau:

Phụ thuộc:

+ Thời gian đóng BHXH;

VD: Một người đóng BHXH 40 năm sẽ được nghỉ ốm đau nhiều hơn người đóng BHXH 2 năm.

+ Tính chất công việc (bình thường, nặng nhọc độc hại, rất nặng nhọc độc hại);

- Công việc bình thường : nhân viên văn phòng,....
- CV NN ĐH NH: khai thác hầm lò, bốc vác, tài xế xe bus, công nhân may công nghiệp,...., thủ quỹ đếm tiền trong ngân hàng,....
- CV đặc biệt NN ĐH NH: người canh giữ nhà xác ở bệnh viện, thợ mỏ khai thác than trong hầm lò...

+ Môi trường làm việc (thể hiện qua hệ số phụ cấp khu vực: 0.1; 0.2; 0.3; 0.4; 0.7; 1).

+ Tùy theo loại bệnh.

4.1. Thời gian hưởng chế độ ốm đau trong 1 năm đối với ốm đau thông thường, tai nạn rủi ro (theo Luật BHXH): (ốm đau ngắn ngày)

Thời gian đóng BHXH (t)	Điều kiện làm việc bình thường (1)	Công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc nơi có PCKV ≥ 0.7 (2)
$t < 15$ năm	30 ngày	40 ngày
$15 \text{ năm} \leq t < 30$ năm	40 ngày	50 ngày
$t \geq 30$ năm	60 ngày	70 ngày

(So sánh với ND 12/CP thì Luật BHXH tăng thêm 10 ngày khi $t \geq 30$ năm)

+ Khi tính t không tính tháng lẻ.

+ Khi tính thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp BHXH đối với ốm đau thông thường, tai nạn rủi ro **không tính** những ngày nghỉ Lễ, Tết và nghỉ hàng tuần.

+ Nghỉ hàng tuần: BHXH mặc định là ngày Chủ nhật, nếu công ty, doanh nghiệp có quy định khác thì phải đăng ký trước với BHXH.

- Ví dụ:

1. Bà A ốm đau thông thường, nghỉ việc từ 06/03/2010 đến 26/03/2010. Tính số ngày nghỉ được trợ cấp của bà. Ngày nghỉ hàng tuần là chủ nhật. Biết trong năm 2010 bà chưa nghỉ hưởng ốm đau. Bà đóng BHXH

Trả lời:

+ Từ 26/03/2010 – 06/03/2010: 21 ngày

+ Số ngày nghỉ hàng tuần: 3 ngày (7,4,21/03/2010)

□ Số ngày nghỉ được trợ cấp: $21 - 3 = 18$ ngày.

2. Chị B làm việc tại Khu CN Tân Bình TP.HCM. Vào ngày nghỉ cuối tuần, chị về thăm gia đình ở Tiền Giang không may bị tai nạn giao thông. Chị phải nằm viện trong 4 tháng tại đúng tuyến đăng ký BV từ tháng 04/2008 đến 07/2008. Sau khi điều trị ổn định chị được BHXH quận Tân Bình trợ cấp tương ứng 30 ngày nghỉ. Không đồng tình với cách giải quyết trên chị gửi thắc mắc lên báo chí nhờ giúp. Anh chị hãy giải quyết giúp chị ?

Trả lời:

- Đây là tai nạn rủi ro, xét trong điều kiện làm việc bình thường (1).

- Phải xem xét lại thời gian đóng phí BHXH (t_B) của chị B:

+ Nếu $t_B < 15$ năm : hưởng 30 ngày □ BHXH hợp lý.

+ Nếu $15 \text{ năm} \leq t_B < 30 \text{ năm}$: hưởng 40 ngày □ BHXH phải xem xét lại.

+ Nếu $t_B \geq 30$ năm : hưởng 50 ngày □ BHXH phải xem xét lại.

4.2. Thời gian hưởng chế độ ốm đau trong 1 năm đối với ốm đau cần chữa trị dài ngày (theo Luật BHXH): (ốm đau dài ngày)

- Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành như sau:

1. Bệnh Lao các loại.
2. Bệnh tâm thần.
3. Bệnh sang chấn hệ thần kinh; động kinh.
4. Suy tim mãn, tâm phế mạn.
5. Bệnh phong (cùi).
6. Thấp khớp mạn có biến chứng phần xương cơ khớp.
7. Ung thư các loại ở tất cả các phủ tạng.
8. Các bệnh về nội tiết.
9. Di chứng do tai biến mạch máu não.
10. Di chứng do vết thương chiến tranh.
11. Di chứng do phẫu thuật và tai biến điều trị.
12. Suy nhược cơ thể do bị tra tấn tù đày trong hoạt động Cách mạng.

- Thời gian nghỉ quy định:

+ Tối đa 180 ngày/năm.

+ Sau 180 ngày nếu vẫn tiếp tục điều trị thì sẽ được nghỉ tiếp nhưng hưởng trợ cấp ở mức thấp.

- Khi tính thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp BHXH đối với ốm đau cần chữa trị dài ngày **tính cả** những ngày nghỉ Lễ, Tết và nghỉ hàng tuần.

4.3. Thời gian hưởng chế độ khi người lao động có con bị ốm đau:

- Các trường hợp:

tuổi con < 3 tuổi : *nghỉ 20 ngày*

3 tuổi ≤ tuổi con < 7 tuổi : *nghỉ 15 ngày*

tuổi con ≥ 7 tuổi : *không được nghỉ*

- Nếu cha và mẹ đều tham gia BHXH thì sau khi người thứ nhất **nghỉ hết thời hạn** thì người thứ hai tiếp tục nghỉ như người thứ nhất.

Ví dụ:

1. Con nhỏ hơn 3 tuổi và nằm viện 35 ngày. Người mẹ đã nghỉ 25 ngày. Thời gian còn lại người cha có được xét nghỉ và hưởng BHXH không ?

Trả lời: Người cha được xét nghỉ thêm 10 ngày.

2. Cũng TH trên nhưng mẹ chỉ nghỉ 15 ngày. Thời gian còn lại người cha có được xét nghỉ và hưởng BHXH không ?

Trả lời: Không xét vì người mẹ nghỉ chưa hết thời hạn. Nhưng thực tế vẫn xét.

- Nếu trong cùng một thời gian người lao động có từ 2 con trở lên dưới 7 tuổi bị ốm đau thì thời gian nghỉ được tính bằng thời gian thực tế người lao động nghỉ để chăm sóc con ốm đau. Mức thời gian tối đa được tính riêng cho mỗi con.

Ví dụ: Bà H có 2 con dưới 7 tuổi bị ốm đau, đứa thứ 1 bị ốm từ 14/10/2008 đến 20/10/2008, đứa thứ 2 bị ốm từ 17/10/2008 đến 21/10/2008. Trong tuần bà chỉ được nghỉ ngày chủ nhật. Thời gian hưởng trợ cấp của bà tính từ 14/10/2008 đến 21/10/2008 là 7 ngày (trừ 1 ngày nghỉ hàng tuần) và hồ sơ thanh toán phải có giấy khám bệnh của cả hai con.

- Khi tính thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp BHXH đối với người lao động có con bị ốm **không tính** những ngày nghỉ Lễ, Tết và nghỉ hàng tuần

V. Mức hưởng chế độ ốm đau:

5.1. Trợ cấp ốm đau thông thường, tai nạn rủi ro, con ốm:

$$\text{Trợ cấp 1 ngày} = 75\% \times \frac{\text{LCCĐBHXH tháng trước khi nghỉ}}{26}$$

- Trường hợp mới vào làm việc và tháng đầu tiên người lao động nghỉ ốm và đã đóng BHXH thì LCCĐBHXH được tính trợ cấp ốm đau sẽ lấy ngay tháng đó.

- Ý nghĩa của việc chia 26 ngày:

+ 26 ngày là thời gian làm việc theo chế độ nghỉ ngày Chủ nhật hàng tuần.

+ Trường hợp:

Công ty A một tháng nghỉ hàng tuần T7, CN : làm việc 22 ngày.

Công ty B một tháng nghỉ hàng tuần $\frac{1}{2}$ T7, CN: làm việc 24 ngày.

Công ty C một tháng nghỉ hàng tuần CN: làm việc 26 ngày.

□ Tất cả đều phải chia 26 ngày theo mức chung.

Giải thích: Nếu chia cho 22 hoặc 24 thì sẽ không công bằng đối với những người lao động làm việc 26 ngày/tháng và những người lao động làm việc 22 hoặc 24 ngày/tháng sẽ có lợi vì trong tháng những người làm 22 hoặc 24 ngày đã nhàn rỗi hơn, có thời gian nghỉ ngơi nhiều hơn 26 ngày mà khi được trợ cấp lại hưởng cao hơn.

- Ý nghĩa của 75% : theo nguyên tắc trợ cấp < tiền lương tháng trước khi nghỉ để bù đắp một phần.

- Tháng trước khi nghỉ ốm : nếu ốm vào ngày 01/08 thì xét lương tháng 07, nếu nghỉ vào ngày 31/08 cũng vẫn xét lương tháng 07.

Ví dụ:

Bà A nghỉ ốm từ 01/01/2010 đến 30/01/2010. Bà A đóng BHXH 25 năm. Biết HSL của tháng liền kề trước khi bà nghỉ là 4.98, có PC chức vụ 0.6 và PC vượt khung là 12%. Tính tổng tiền trợ cấp mà bà A được hưởng ?

Trả lời:

Tính thời gian nghỉ:

+ Từ 01/01/2010 đến 30/01/2010 : có 30 ngày, trong đó số ngày nghỉ Lễ, Tết và nghỉ cuối tuần là 10 ngày. Như vậy tổng số ngày hành chính = $30 - 10 = 20$ ngày.

+ Bà A đóng BHXH 25 năm, số ngày nghỉ ốm được hưởng của bà là 40 ngày/năm .

+ Như vậy bà được hưởng thời gian trợ cấp ốm đau là $t = 20$ ngày hành chính bà đã nghỉ. Và còn lại $40 - 20 = 20$ ngày nghỉ ốm thường trong năm 2010.

Tính trợ cấp:

+ Trợ cấp 1 ngày = $75\% \times (L_{CCĐ BHXH 12/2009} / 26)$

$$L_{CCĐ BHXH 12/2009} = HSL_{12/2009} \times L_{minchung 12/2009}$$

$$\text{Mà } HSL_{12/2009} = 4.98 + 0.6 + (12\% \times 4.98) = 6,1776$$

$$L_{minchung 12/2009} = 650,000 \text{ VNĐ}$$

$$\square L_{CCĐ BHXH 12/2009} = 6.1776 \times 650,000$$

$$= 4,015,440 \text{ VNĐ}$$

$$\square \text{ Trợ cấp 1 ngày} = 0.75 \times (4,015,440 / 26) \\ = 115,830 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{Vây Tổng trợ cấp còn lại} = 20 \times \text{Trợ cấp 1 ngày} \\ = 20 \times 115,830 \\ = 2,316,600 \text{ VNĐ}$$

5.2. Trợ cấp ốm đau đối với người lao động mắc bệnh cần chữa trị dài ngày:

5.2.1. Theo Thông tư 03/2007/TT-BLĐTBXH:

$$\text{Trợ cấp 1 ngày} = r \times \frac{L_{\text{CCĐBHXH tháng trước khi nghỉ}}}{26}$$

Trong đó:

- Nếu ốm 180 ngày đầu trong năm thì $r = 75\%$
- Từ ngày 181 trở đi thì r tính căn cứ theo thời gian đóng BHXH (t):

$$t_{\text{BHXH}} < 15 \text{ năm} : r = 45\%$$

$$15 \text{ năm} \leq t_{\text{BHXH}} < 30 \text{ năm} : r = 55\%$$

$$t_{\text{BHXH}} \geq 30 \text{ năm} : r = 65\%$$

Ví dụ:

1. Chị H bị lao phổi phải nghỉ việc từ 01/03/2007 đến 16/05/2008. Biết

$$L_{\text{CCĐ BHXH}} = 2,600,000 \text{ VNĐ}$$

Hãy tính trợ cấp của chị ?

Hướng dẫn:

$$\Sigma \text{ ngày nghỉ} = 77 \text{ ngày}$$

$$\text{Trợ cấp} = (2,600,000 / 26) \times 75\% \times 77 \\ = 5,775,000 \text{ VNĐ}$$

2. Chị K nghỉ việc do ốm đau từ 10/04/07 đến 15/11/2007. Biết

$$L_{CCĐ\ BHXH} = 2,000,000 \text{ VNĐ}$$

$$t_{BHXH} = 16 \text{ năm}$$

Hãy tính trợ cấp của chị ?

Hướng dẫn:

$$\Sigma \text{ ngày nghỉ} = 220 \text{ ngày}$$

$$\begin{aligned} \text{Trợ cấp } 180 \text{ ngày đầu} &= (2,000,000 / 26) \times 75\% \times 180 \\ &= 10,384,615 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

$$\text{Còn } 220 - 180 = 40 \text{ ngày}$$

$$t_{BHXH} = 16 \text{ năm} \square r = 55\%$$

$$\begin{aligned} \text{Trợ cấp } 40 \text{ ngày còn} &= (2,000,000 / 26) \times 55\% \times 40 \\ &= 1,692,307 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

$$\text{Vậy } \Sigma \text{ Trợ cấp} = 10,384,615 + 1,692,307 = 12,076,922 \text{ VNĐ}$$

3. Chị H bị ốm dài ngày, nghỉ việc từ 16/05/2007 đến 30/01/2008. Biết

$$L_{CCĐ\ BHXH} = 1,500,000 \text{ VNĐ}$$

$$t_{BHXH} = 6 \text{ năm}$$

Hãy tính trợ cấp của chị ?

Hướng dẫn:

Có 2 giai đoạn thuộc năm 2007 và năm 2008

$$t_{BHXH} = 6 \text{ năm} \square r = 45\% \text{ nếu nghỉ sau 180 ngày.}$$

+ Giai đoạn: 16/05/2007 đến 31/12/2007: 230 ngày = (180 ngày + 50 ngày)

$$\begin{aligned} TC_{180 (2007)} &= (1,500,000 / 26) \times 75\% \times 180 \\ &= 7,778,461 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} TC_{50 (2007)} &= (1,500,000 / 26) \times 45\% \times 50 \\ &= 1,298,076 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

+ Giai đoạn: 01/01/2008 đến 30/01/2008: 30 ngày (trong 180 ngày của năm 2008)

$$\begin{aligned}TC_{30(2008)} &= (1,500,000 / 26) \times 75\% \times 30 \\ &= 1,298,076 \text{ VNĐ}\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{Vậy } \Sigma \text{ Trợ cấp} &= 7,778,461 + 1,298,076 + 1,298,076 \\ &= 10,384,614 \text{ VNĐ}\end{aligned}$$

4. Chị H bị ung thư từ 17/04/2009 đến 08/05/2009. Biết

Lương theo hệ số : 2.67

$t_{BHXH} = 10$ năm

Hãy tính trợ cấp của chị theo Thông tư 03/2007 ?

Hướng dẫn:

Thời gian nghỉ:

17/04/2009 – 30/04/2009 : 14 ngày

01/05/2009 – 08/05/2009 : 8 ngày

$$\begin{aligned}TC_{22(2008)} &= (L_{CCĐ\text{ BHXH } 03/2009} / 26) \times 75\% \times \text{số ngày nghỉ} \\ &= \{[(540,000 \times 2.67)/26] \times 75\% \times 14\} + \\ &\quad \{[(650,000 \times 2.67)/26] \times 75\% \times 8\} \\ &= 582,265 + 400,500 \\ &= 982,765 \text{ VNĐ}\end{aligned}$$

Lưu ý: $L_{CCĐ\text{ BHXH}}$ đối với KVNN chỉ lấy Hệ số, $L_{minchung}$ phải điều chỉnh hợp lý, vì trợ cấp phải tính trượt giá cho người lao động.

5.2.2. Theo Thông tư 19/2008/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ tháng 10/2008:

Tổng trợ cấp theo tháng = $r \times L_{CCĐ\text{ BHXH}}$ tháng trước khi nghỉ $\times$ Số tháng nghỉ việc ốm đau (N)

Trong đó:

+ Số tháng nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau (N):

- N tính theo tháng dương lịch và tròn tháng.
- Nếu trường hợp có ngày lẻ (n) thì tính thêm mức hưởng chế độ ốm đau cho những ngày lẻ như sau:

$$\text{Tổng trợ cấp ngày lễ} = r \times \frac{L_{\text{CCĐBHXH tháng trước khi nghỉ}}}{26} \times \text{Số ngày lễ nghỉ việc ốm đau (n)}$$

+ r : tỷ lệ hưởng chế độ ốm đau (%) và được xác định như sau:

- 180 ngày đầu trong năm thì r = 75%.
- Từ ngày 181 trở đi:

$$t_{\text{BHXH}} < 15 \text{ năm} : r = 45\%$$

$$15 \text{ năm} \leq t_{\text{BHXH}} < 30 \text{ năm} : r = 55\%$$

$$t_{\text{BHXH}} \geq 30 \text{ năm} : r = 65\%$$

- Lưu ý:

+ Người lao động mắc bệnh cần chữa trị dài ngày, sau 180 ngày vẫn tiếp tục điều trị mà khi tính trợ cấp có mức hưởng chế độ ốm đau trong tháng < L_{minchung} thì tính = L_{minchung} .

+ Nếu nghỉ hai năm liên tục trong các trường hợp trên thì phải tính ngày nghỉ và trợ cấp cho từng năm.

+ Xác định năm nhuận: 2 số cuối của năm cần xác định chia cho 4 ra số chẵn là năm nhuận. (ví dụ: 1996; 2000; 2004; 2008; 2012; 2016...)

Ví dụ:

1. Ông A ốm từ 01/03/200X đến 31/05/200X. Biết

$$L_{\text{CCĐ BHXH}} = 2,000,000 \text{ VNĐ}$$

$$t_{\text{BHXH}} = 3 \text{ năm}$$

Hãy tính trợ cấp của ông theo TT03/3007 với X = 8 và TT19/2008 với X = 9 ?

Hướng dẫn:

+ Thông tư 03: X = 8

$$01/03/2008 - 31/05/2008 : 92 \text{ ngày trong 180 ngày}$$

$$\text{Trợ cấp} = (2,000,000 / 26) \times 75\% \times 92 = 5,307,692 \text{ VNĐ}$$

+ Thông tư 19: $X = 9$

01/03/2009 – 31/05/2009 : 3 tháng

$$\text{Trợ cấp} = 2,000,000 \times 75\% \times 3 = 4,500,000 \text{ VNĐ}$$

2. Ông B ốm từ 01/03/200X đến 31/08/200X. Biết

$$L_{\text{CCĐ BHXH}} = 2,000,000 \text{ VNĐ}$$

$$t_{\text{BHXH}} = 3 \text{ năm}$$

Hãy tính trợ cấp của ông theo TT03/3007 với $X = 8$ và TT19/2008 với $X = 9$?

Hướng dẫn:

$$t_{\text{BHXH}} = 3 \text{ năm} \square r = 45\% \text{ sau 180 ngày hoặc 6 tháng}$$

+ Thông tư 03: $X = 8$

01/03/2008 – 31/08/2008 : 184 ngày = 180 ngày + 4 ngày

$$\begin{aligned} \text{Trợ cấp} &= (2,000,000 / 26) \times 75\% \times 180 + (2,000,000 / 26) \times 45\% \times 4 \\ &= 10,523,077 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

+ Thông tư 19: $X = 9$

01/03/2009 – 31/08/2009 : 6 tháng

$$\text{Trợ cấp} = 2,000,000 \times 75\% \times 6 = 9,000,000 \text{ VNĐ}$$

3. Xác định số tháng và ngày lẻ theo TT19 trong các trường hợp nghỉ dài ngày sau:

- Từ 01/03/200X đến 31/10/200X
- Từ 16/03/200X đến 28/06/200X
- Từ 01/03/200X đến 12/09/200X
- Từ 08/02/200X đến 20/05/200X

Hướng dẫn:

a. 8 tháng

b. 16/03 – 28/06

16/03 – 15/04 : 1 tháng.

16/04 – 15/05 : 1 tháng.

16/05 – 15/06 : 1 tháng.

16/06 – 28/06 : 13 ngày lễ.

c. 01/03 – 12/09

01/03 – 31/08 : 6 tháng.

01/09 – 12/09 : 12 ngày lễ.

d. 08/02 – 20/05

08/02 – 07/03 : 1 tháng.

08/03 – 07/04 : 1 tháng.

08/04 – 07/05 : 1 tháng.

08/05 – 20/05 : 13 ngày

VI. Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe:

- Người lao động sau thời gian nghỉ hưởng chế độ ốm đau mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. (Xem chế độ TNLĐ và BNN)

PHẦN BÀI TẬP

Bài 1: Bà H bị TN rủi ro và nghỉ từ 24/02/2010 đến 30/03/2010. Tính trợ cấp BHXH bà được hưởng. Biết:

$$L_{CCĐ BHXH} = 1,300,000 \text{ VNĐ}$$

Công việc bình thường, ngày nghỉ hàng tuần là CN.

$$t_{BHXH} = 6 \text{ năm } 4 \text{ tháng.}$$

Hướng dẫn:

$$t_{BHXH} = 6 \text{ năm } 4 \text{ tháng} < 15 \text{ năm} \square \text{ được nghỉ tối đa} = 30 \text{ ngày}$$

$$24/02/2010 - 30/03/2010 : 35 \text{ ngày}$$

$$\text{Nghỉ Lễ, Tết, hàng tuần} : 5 \text{ ngày}$$

$$\text{Được trợ cấp } 35 - 5 = 30 \text{ ngày}$$

$$\text{Trợ cấp} = 1,125,000 \text{ VNĐ.}$$

Bài 2: Ông K bị ốm thông thường nghỉ việc từ 26/02/2010 đến 23/03/2010. Biết

$$\text{Lương theo hệ số: } 2.34$$

$$\text{Ngày nghỉ hàng tuần T7, CN.}$$

$$t_{BHXH} = 29 \text{ năm}$$

Hướng dẫn:

$$t_{BHXH} = 29 \text{ năm} < 30 \text{ năm} \square \text{ được nghỉ tối đa} = 40$$

$$\text{ngày } 26/02/2010 - 23/03/2010 : 26 \text{ ngày}$$

$$\text{Nghỉ Lễ, Tết, hàng tuần} : 8 \text{ ngày}$$

$$\text{Được trợ cấp } 26 - 8 = 18 \text{ ngày}$$

$$L_{\text{minchung } 01/2010} = 650,000 \text{ VNĐ}$$

$$\text{Trợ cấp} = 789,750 \text{ VNĐ.}$$

Bài 3: Bà N bị ốm thông thường nghỉ việc từ 06/03/2010 đến 18/03/2010. Biết:

Lương hệ số : 4.98

Phụ cấp chức vụ: 0.4

Phụ cấp thâm niên vượt khung : $10\% \times HSL$

Phụ cấp ưu đãi nghề : 35%.

Các phúc lợi A,B,C : 800,000 VNĐ/tháng.

Ngày nghỉ hàng tuần là CN.

$t_{BHXH} = 25$ năm.

Hướng dẫn:

$t_{BHXH} = 25$ năm < 30 năm $\square$ được nghỉ tối đa = 40

ngày 06/03/2010 – 18/03/2010 : 13 ngày

Nghỉ Lễ, Tết, hàng tuần : 2 ngày

Được trợ cấp $13 - 2 = 11$ ngày

$L_{minchung\ 02/2010} = 650,000$ VNĐ

Trợ cấp = 1,212,337 VNĐ.

Bài 4: Ông B ốm từ 14/03/200X đến 29/08/200X. Biết

$L_{CCĐ\ BHXH} = 2,000,000$ VNĐ

$t_{BHXH} = 16$ năm

Hãy tính trợ cấp của ông theo TT03/3007 với $X = 8$ và TT19/2008 với $X = 9$?

CHƯƠNG III

A. BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

A.2. CHẾ ĐỘ THAI SẢN



I. Khái niệm:

- Chế độ thai sản là chế độ trợ cấp bằng tiền nhằm thay thế hoặc bù đắp những khoản thu nhập bị giảm hay bị mất trong các trường hợp người lao động nghỉ việc để đi khám thai, sinh con, nuôi con, thực hiện các biện pháp KHHGĐ, sảy thai, điều hòa kinh nguyệt, nạo hút thai, thai chết lưu.
- Khoản trợ cấp do quỹ tài chính BHXH chi trả cho những người lao động có tham gia đóng phí BHXH.

II. Ý nghĩa:

- Giúp người lao động ổn định đời sống.
- Giúp người lao động an tâm dưỡng sức để nhanh chóng phục hồi sức khỏe và quay trở lại làm việc.
- Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và người chủ SDLĐ.

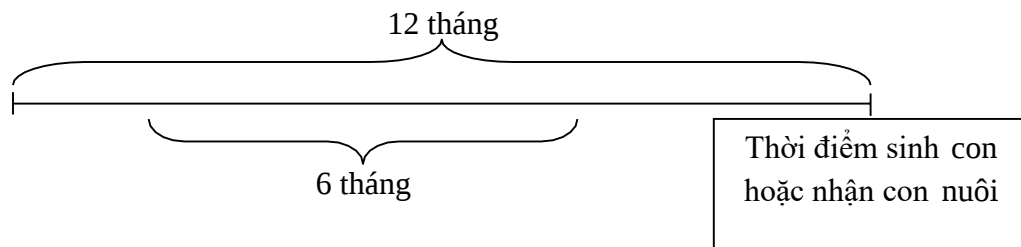
III. Các trường hợp được nghỉ chế độ thai sản:

- Khám thai;
- Sinh con;
- Sảy thai, nạo thai, hút thai, thai chết lưu;
- Thực hiện các kỹ thuật nhằm tránh thai (đặt vòng, triệt sản);
- Nuôi con sơ sinh hợp pháp.

(Hậu quả của nạo, hút thai: vô sinh, tử vong, mang thai ngoài dạ con, sinh non...)

IV. Điều kiện hưởng chế độ thai sản:

- Người lao động nữ sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi phải đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 6 tháng trở lên trong thời gian 12 tháng trước khi sinh con hoặc nhận con nuôi.



+ Mục tiêu của việc quy định thời gian đóng BHXH đối với người lao động nữ sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi để:

- Tránh việc người chủ sử dụng lao động chấm dứt HĐLĐ khi người lao động sinh con.
Ví dụ: Chị C đến tháng 09/2009 sinh con, nhưng HĐLĐ đã kết thúc vào tháng 06/2009. Như vậy nếu không quy định theo Luật thì người chủ SDLĐ sẽ chấm dứt HĐLĐ với chị C và quyền lợi của chị sẽ mất đến khi sinh con.
- Tránh thâm hụt quỹ tài chính BHXH.
Ví dụ: Chị D mang thai tháng thứ 08 và do có quen biết thân tình với một công ty TNHH nên chị đã ký HĐLĐ với mức lương 4 triệu tháng. Chính vì thế đến lúc sinh chị D chỉ có đóng 2 tháng phí BHXH mà lại được hưởng 4 tháng lương tiền trợ cấp.

- Các trường hợp **thai sản khác** thì người lao động phải **đang đóng BHXH**.

V. Thời gian được nghỉ hưởng chế độ thai sản:

- Thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản được tính là thời gian đóng BHXH. Trong khoảng thời gian này người lao động và người chủ SDLĐ không phải đóng phí BHXH.
- Chỉ có đi khám thai là không tính ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ hàng tuần. Còn các trường hợp còn lại đều tính cả.
- Thời gian người lao động nghỉ việc và hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì cả NLĐ và NSDLĐ không phải đóng phí BHXH trong tháng đó và vẫn được tính là thời gian có đóng phí BHXH.

5.1. Khám thai:

- Điều kiện bình thường :

Nghỉ 5 lần □ mỗi lần 1 ngày.

- Trong trường hợp xa cơ sở y tế, mang thai có bệnh lý, thai không bình thường:

Nghỉ 5 lần □ mỗi lần 2 ngày.

- Thời gian nghỉ tính theo ngày làm việc, không tính ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ hàng tuần.

5.2. Sảy thai, nạo, hút, thai chết lưu:

- Thời gian:

10 ngày	Thai < 1 tháng
20 ngày	1 tháng ≤ Thai < 3 tháng
40 ngày	3 tháng ≤ Thai < 6 tháng
50 ngày	Thai ≥ 6 tháng

- Thời gian nghỉ việc cho TH này tính cả ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ hàng tuần.

(“Một lần sảy = bảy lần sinh”)

5.3. Thực hiện các biện pháp tránh thai:

- Triệt sản : 15 ngày (kể cả nam và nữ)

+ Triệt sản: dứt hẳn việc sinh sản.

+ Đối với nam: thắt ống dẫn tinh.

+ Đối với nữ: thắt buồng trứng (vì buồng trứng tạo ra hoocmon cho cả quá trình sinh sống của người phụ nữ nên không cắt)

- Đặt vòng : 7 ngày

- Thời gian nghỉ việc cho TH này tính cả ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ hàng tuần.

5.4. Khi sinh con:

- Thời gian nghỉ việc cho TH này tính cả ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ hàng tuần.

(Hỏi: Một người phụ nữ sau thời gian bao lâu mới phục hồi sức khỏe sau khi sinh con ?
Nghiên cứu cho thấy sau khoảng 2 tháng)

5.4.1. Sau khi sinh con, mẹ và con vẫn bình thường:

- Thời gian:

4 tháng (~120 ngày)	Công việc trong điều kiện lao động bình thường
5 tháng (~150 ngày)	CV nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; 3 ca; làm việc thường xuyên ở nơi có hệ số PCKV ≥ 0.7 (sinh sống tại KV này đủ 6 tháng trở lên trong vòng 12 tháng trước khi sinh) hoặc là nữ quân nhân, nữ công an nhân dân.
6 tháng (~180 ngày)	Lao động nữ là người tàn tật (Mất SLĐ $\geq 21\%$ do chính tai nạn đó gây ra tàn tật đó)
Thêm 30 ngày +	Khi sinh đôi trở lên, cứ mỗi con được nghỉ thêm 30 ngày

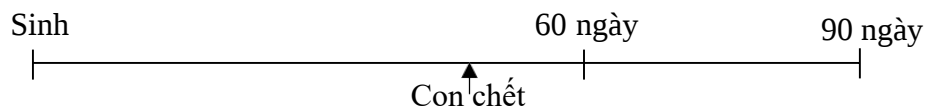
- Ví dụ: Một phụ nữ làm việc 3 ca và sinh 2 con. Yêu cầu xác định thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản?

Trả lời: Được nghỉ 6 tháng (trong đó 5 tháng quy định và 30 ngày nghỉ thêm).

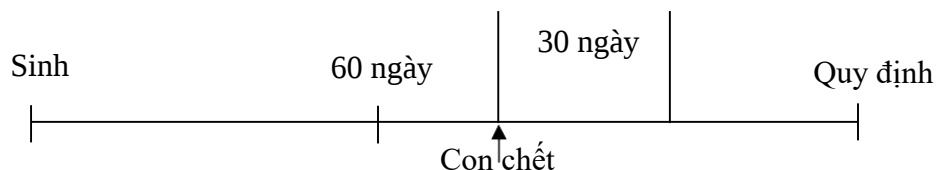
5.4.2. Các trường hợp đặc biệt sau khi sinh con:

a. Sau khi sinh, con bị chết:

- Nếu con dưới 60 ngày tuổi thì người mẹ được nghỉ 90 ngày kể từ ngày sinh.



- Nếu con chết từ 60 ngày tuổi trở lên thì mẹ được nghỉ thêm 30 kể từ khi con chết, nhưng không được vượt quá thời gian quy định tại mục 5.4.1.



b. Sau khi sinh, mẹ bị chết:

- Nếu cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ đều tham gia đóng BHXH mà mẹ bị chết sau khi sinh thì cha hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng được hưởng trợ cấp cho đến khi con được 4 tháng tuổi.

5.5. Nhận con nuôi (nuôi con sơ sinh hợp pháp):

- Người lao động nhận con nuôi hợp pháp dưới 4 tháng tuổi thì được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản cho đến khi con đủ 4 tháng tuổi.

Lưu ý: Chỉ có thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản khi khám thai là **không tính** ngày nghỉ Lễ, Tết, nghỉ hàng tuần. Còn lại các chế độ thai sản khác đều **tính cả**.

VI. Mức trợ cấp chế độ thai sản:

6.1. Trợ cấp 1 lần (trợ cấp tá lết):

- Áp dụng cho lao động nữ sinh con hoặc người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi. Mức hưởng = $(2 \times L_{\text{minchung}})$ cho mỗi con.
- Trường hợp chỉ có cha tham gia BHXH mà mẹ chết sau khi sinh con thì cha được hưởng trợ cấp 1 lần. Mức hưởng = $(2 \times L_{\text{minchung}})$ cho mỗi con.
- Mức L_{minchung} tính tại tháng người lao động sinh con hoặc nhận con nuôi.

6.2. Trợ cấp thai sản theo thời gian nghỉ hưởng chế độ:

6.2.1. Sảy thai, nạo thai, hút thai, thai chết lưu, triệt sản, đặt vòng:

$$\text{Trợ cấp 1 ngày} = \frac{L_{\text{BQCCĐBHXH}} \text{ 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc}}{26} \times 100\%$$

- Trên thực tế nếu người lao động đóng chưa đủ 6 tháng thì tính trên tổng số tháng thực tế đã đóng.

Ví dụ:

Chị A bắt đầu tham gia BHXH từ 02/2010. Sau đó chị đi đặt vòng tránh thai vào 20/02/2010. Mức tiền lương tháng 02/2010 là 2,000,000 VNĐ. Như vậy chị A được lấy mức lương tháng 02/2010 để làm cơ sở tính trợ cấp thai sản.

6.2.2. Sinh con hoặc nuôi con nuôi:

Trợ cấp = $L_{BQCCĐBHXXH}$ 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc x Số tháng nghỉ

Trong đó:

$L_{BQCCĐBHXXH}$ 6 tháng liền kề trước khi nghỉ việc. Nếu người lao động thuộc khu vực Nhà nước thì tính $L_{minchung}$ tại thời điểm của tháng bắt đầu hưởng chế độ và **tính trượt giá**.

- Nếu người lao động nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi có đủ điều kiện nhưng không nghỉ việc thì **chỉ** được nhận trợ cấp tá lết, không được nhận trợ cấp thai sản theo thời gian nghỉ hưởng chế độ.

Ví dụ:

1. Chị B sinh con vào ngày 14/02/2010. Yêu cầu xác định 12 tháng trước khi sinh.

	02/09	03/09	04/09	05/09	06/09	07/09	08/09	09/09	10/09	11/09	12/09	01/10	
	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	sinh

Từ 02/2009 đến 01/2010. Do duy định đóng BHXH từ ngày 15 đến cuối tháng nên tháng 02/2009 chị B vẫn chưa đóng BHXH.

2. Chị C sinh con vào ngày 15/02/2010. Yêu cầu xác định 12 tháng trước khi sinh.

	03/09	04/09	05/09	06/09	07/09	08/09	09/09	10/09	11/09	12/09	01/10	02/10	
	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	sinh

Từ 03/2009 đến 03/2010.

3. Chị D sinh con vào ngày 15/02/2010. Yêu cầu xác định 12 tháng trước khi sinh. Biết rằng chị không đóng BHXH tháng 06,07,08/2009.

Lưu ý: Trường hợp không đóng phí BHXH liên tục thì lấy mốc sinh tính ngược về trước 12 tháng trước khi sinh, bỏ qua các tháng không đóng BHXH.

6.3. Trường hợp lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn nghỉ khi sinh con:

6.3.1. Có đủ các điều kiện sau:

- Đã nghỉ 60 ngày kể từ ngày sinh con;
- Có xác nhận của cơ sở y tế về việc đi làm sớm không có hại cho sức khỏe của người lao động.
- Phải báo trước 1 tuần và được người sử dụng lao động đồng ý.

6.3.2. Quyền lợi:

- Ngoài tiền lương tiền công của những ngày làm việc, lao động nữ đi làm trước khi hết thời hạn thì ngoài trợ cấp tá lết họ vẫn được nhận trợ cấp thai sản theo thời gian nghỉ hưởng chế độ và tiền lương của họ.

VII. Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe:

- Người lao động sau thời gian nghỉ hưởng chế độ thai sản mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe. (Xem chế độ TNLĐ và BNN)

PHẦN BÀI TẬP:

Bài 1: Chị Mai sinh con vào ngày 02/03/2010. Diễn biến tiền lương đóng BHXH các tháng trước khi sinh của chị như sau:

09/2009 đến 12/2009: 2,000,000 VNĐ

01/2010 đến 02/2010: 3,500,000 VNĐ

Yêu cầu tính trợ cấp thai sản của chị Mai khi chị nghỉ sinh con ?

Hướng dẫn:

+ Trợ cấp tá lết = 2 x L_{min} chung 03/2010 = 2 x 650,000 = 1,300,000 VNĐ

+ Chị Mai làm việc trong điều kiện bình thường □ Trợ cấp 4 tháng.

□ 6 tháng liền kề trước khi sinh: 09/2009 đến 02/2010.

$L_{BQ\ 6\ tháng} = [(3,500,000 \times 2) + (2,000,000 \times 4)] / 6 = 2,500,000 VNĐ$

$$\square \text{ Trợ cấp 4 tháng} = 2,500,000 \times 4 = 10,000,000 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{Vây } \Sigma \text{ Trợ cấp} = 1,300,000 + 10,000,000 = 11,300,000 \text{ VNĐ}$$

Bài 2: Chị Đào sinh con vào ngày 02/03/2010. Diễn biến tiền lương đóng BHXH các tháng trước khi sinh của chị như sau:

09/2009 đến 12/2009 có HSL: 2.34

01/2010 đến 02/2010 có HSL: 2.67

Hãy tính tổng trợ cấp thai sản khi sinh con của chị Đào ?

Hướng dẫn:

$$+ \text{Trợ cấp tả lót} = 2 \times L_{\text{minchung}} 03/2010 = 2 \times 650,000 = 1,300,000 \text{ VNĐ}$$

+ Chị Đào làm việc trong điều kiện bình thường $\square$ Trợ cấp 4 tháng (03;04;05;06/2010)

$\square$ 6 tháng liền kề trước khi sinh: 09/2009 đến 02/2010.

$$\text{HSL BQ 6 tháng} = [(2.34 \times 4) + (2.67 \times 2)] / 6 = 2.45$$

$\square$ Trợ cấp 4 tháng:

$$\text{TC } 03;04/2010 = 2.45 \times 650,000 \times 2 = 3,185,000 \text{ VNĐ}$$

$$\text{TC } 05;06/2010 = 2.45 \times 730,000 \times 2 = 3,577,000 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{Vây } \Sigma \text{ Trợ cấp} = 1,300,000 + 3,185,000 + 3,577,000 = 8,602,000 \text{ VNĐ}$$

Lưu ý: Mức L_{minchung} phải tính trượt giá.

Bài 3: Chị Nga sinh con vào ngày 02/05/2010. Diễn biến tiền lương đóng BHXH của chị như sau:

01/2009 đến 02/2010 : 2.34

03/2010 đến 04/2010 : 2.67

Hãy tính tổng trợ cấp thai sản khi sinh con của chị Nga ?

Hướng dẫn:

$$+ \text{Trợ cấp tả lót} = 2 \times L_{\text{minchung}} 05/2010 = 2 \times 730,000 = 1,460,000 \text{ VNĐ}$$

+ Chị Đào làm việc trong điều kiện bình thường $\square$ Trợ cấp 4 tháng (05;06;07;08/2010)

□ 6 tháng liền kề trước khi sinh: 01/2009 đến 02/2010.

$$\text{HSL}_{\text{BQ 6 tháng}} = [(2.34 \times 4) + (2.67 \times 4)] / 6 = 2.45$$

□ Trợ cấp 4 tháng:

$$\text{TC}_{05;06;07;08/2010} = 2.45 \times 730,000 \times 4 = 7,154,000 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{Vây } \Sigma \text{ Trợ cấp} = 1,460,000 + 7,154,000 = 8,614,000 \text{ VNĐ}$$

Bài 4: Chị H làm việc ở công ty Liên doanh MBC. Chị sinh con vào tháng 02/04/2010. Diễn biến tiền lương của chị như sau:

$$01/2009 \text{ đến } 06/2009 : L = 15,000,000 \text{ VNĐ/tháng}$$

$$07/2009 \text{ đến } 02/2010 : L = 18,000,000 \text{ VNĐ/tháng}$$

Sau đó, do quá mệt nhọc do mang thai nên chị đã xin nghỉ việc không hưởng lương.

Theo anh (chị), chị H có đủ điều kiện nhận trợ cấp của chế độ thai sản không? Tại sao?
Nếu có hãy tính trợ cấp cho chị?

Hướng dẫn:

+ Đủ điều kiện nhận chế độ vì chị đã làm việc 12 tháng (01/2009 đến 02/2010) và có thời gian đóng BHXH ≥ 6 tháng.

$$+ \text{Trợ cấp tá lết} = 2 \times L_{\text{minchung}}_{04/2010} = 2 \times 650,000 = 1,300,000 \text{ VNĐ}$$

+ Chị H làm việc trong điều kiện bình thường □ Trợ cấp 4 tháng (04;05;06;07/2010)

□ 6 tháng liền kề trước khi sinh: 09/2009 đến 02/2010.

□ Vì Lương của chị trong 6 tháng liền kề $> 20 \times L_{\text{minchung}}$ nên phải đưa về mức tối đa.

$$L_{\text{BQ 6 tháng}} = 20 \times L_{\text{minchung}} = 20 \times 650,000 = 13,000,000 \text{ VNĐ}$$

□ Trợ cấp 4 tháng:

$$\text{TC} = 13,000,000 \times 4 = 52,000,000 \text{ VNĐ}$$

$$+ \text{Vây } \Sigma \text{ Trợ cấp} = 1,300,000 + 52,000,000 = 53,300,000 \text{ VNĐ.}$$

CHƯƠNG III

A. BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

A.3. CHẾ ĐỘ TAI NẠN LAO ĐỘNG VÀ BỆNH NGHỀ NGHIỆP



I. Khái niệm về Tai nạn lao động (TNLĐ) và Bệnh nghề nghiệp (BNN):

1.1. Tai nạn lao động:

- Là tai nạn xảy ra gắn liền với công việc được phân công trong giờ làm việc, tại nơi làm việc hoặc ngoài giờ làm việc, ngoài nơi làm việc có ý kiến của người chủ sử dụng lao động hoặc tai nạn xảy ra trên đường từ nhà đến cơ quan làm việc và ngược lại trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.

- Cụ thể như sau:

+ *Tai nạn xảy ra trong giờ làm việc, tại nơi làm việc:*

- Trong lao động và gắn với công việc, nhiệm vụ được phân công.

Ví dụ:

- CN thợ hàn đang làm việc ở xưởng đóng tàu và trong giờ làm việc bị tai nạn làm bỏng 1 bàn tay □ là TNLĐ.

- Một công nhân làm việc phòng tài chính, lên phòng kế toán chơi trong giờ làm việc và bị tai nạn □ không phải TNLĐ.

- Trong lúc ngừng việc giữa giờ đã được chế độ, nội quy quy định (ĐMLĐ).

- Trong lúc giải lao, ăn giữa ca, ăn bồi dưỡng hiện vật, chuẩn bị hoặc kết thúc công việc.

Ví dụ:

- NLĐ trong giờ giải lao, bị trượt té là TNLĐ.

- Công nhân tăng ca: ăn giữa ca bị tai nạn là TNLĐ.

- Ăn bồi dưỡng hiện vật: áp dụng cho những nghề quy định.

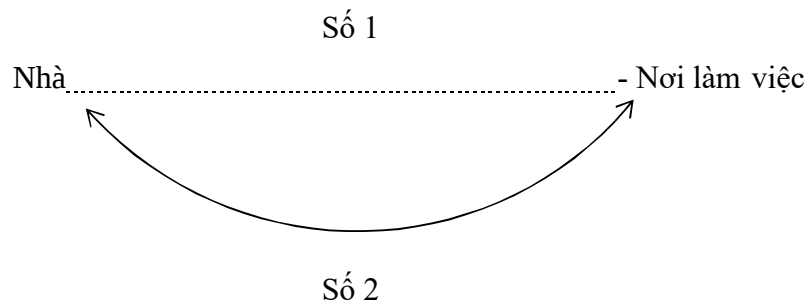
+ Tai nạn xảy ra ngoài giờ làm việc, ngoài nơi làm việc theo yêu cầu của NSDLĐ (và nhiệm vụ đó phải liên quan đến công việc được thể hiện trong HDLĐ).

Ví dụ: Một công ty có 1 công nhân kế toán. Công ty có khách, giám đốc yêu cầu chị này mua cà phê giúp. Chị qua đường bị tai nạn giao thông. Đó không phải là TNLĐ mà là TNRR vì công việc đó không có trong HDLĐ đối với nhân viên kế toán.

+ Tai nạn xảy ra trên tuyến đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc hoặc ngược lại trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý (**theo thống kê thì TNLĐ loại này chiếm 60%**).

- Thời gian hợp lý: đi một mạch xuyên suốt không gián đoạn, đi và về thuần túy.
- Tuyến đường hợp lý: ngắn nhất, thuận tiện nhất và NLĐ thường xuyên đi.

Ví dụ:



- NLĐ đi đường số 2 bị tai nạn giao thông. Hỏi có phải là TNLĐ không? Tại sao?

- ☐ Nếu con đường số 1 vẫn bình thường thì TH này không hợp lý và không phải là TNLĐ. Nếu con đường số 1 bị kẹt xe mà NLĐ rất gấp thì phải có giấy xác nhận của Công an về tình hình kẹt xe thì BHXH mới xét. Thực tế khó thực hiện.

(Hỏi: Khi thử việc, người SDLĐ có đóng BHXH cho NLĐ không? NSDLĐ không đóng nhưng trong lương của NLĐ thì NSDLĐ phải chuyển các khoản BHXH và BHYT vào để NLĐ nếu muốn thì họ tự đi đóng)

Ví dụ minh họa:

1. Chị N làm việc tại máy dệt ở công ty A. Chị N có nhu cầu ra ngoài. Anh K là thợ sửa điện của công ty A. Anh đến phòng chị N và chị N nhờ anh đứng trông giúp dùm máy. Anh bị con thoi của máy bay vọt vào mắt và anh bị mù. Hỏi đây có phải là TNLĐ ?

Trả lời: K

Không phải là TNLĐ mà là TNRR vì anh K đã làm công việc khác không thuộc chuyên môn và không được người chủ SDLĐ yêu cầu.

2. Anh B làm việc ở KCN Tân Bình. Trong thời gian nghỉ phép đã đi từ Sài Gòn về An Giang để thăm gia đình, chẳng may trên đường đi anh bị tai nạn giao thông. Hỏi đây có phải là TNLĐ không ?

Trả lời: K

Trường hợp này không phải là tai nạn lao động.

3. Bà X đang trên đường đi làm với thời gian và đoạn đường hợp lý thì tìm mạch có vấn đề nên bà bị té và bị tai nạn giao thông trên đường đi. Hỏi có phải là TNLĐ không ?

Trả lời: K

Không được gọi là tai nạn lao động vì bà bị tim và té trước khi bị xe đâm vào. Lưu ý rằng TNLĐ phát sinh từ nguyên nhân bên ngoài.

4. Một người trên đường đi làm về bị một ông tâm thần ném đá vào đầu nên té và bị TNGT. Hỏi đây có phải là TNLĐ không ?

Trả lời: C

Đây là TNLĐ vì NLĐ bị té do tác nhân bên ngoài.

5. Anh D làm việc ở Sài Gòn và được cử đi công tác ở Đà Lạt. Buổi chiều sau khi đã kết thúc giờ làm việc anh ra đường đi dạo và mua một ít vật dụng cá nhân. Chẳng may, anh bị một nhánh cây to rơi xuống đầu và anh bị chấn thương sọ não. Hỏi đây có phải là TNLĐ không ? Tại sao ?

Trả lời: C

Là tai nạn lao động vì thời gian và không gian hợp lý, anh đang đi công tác theo yêu cầu của công ty.

6. Lúc tan sở, chị H trên đường về nhà đã tiện ghé qua trường học để đón con của mình, chẳng may khi đưa con qua đường chị đã bị tai nạn giao thông. Hỏi đây có phải là TNLĐ không ? Tại sao ?

Trả lời: K

Không phải vì thời gian bị gián đoạn.

7. Trong lúc đang làm việc, ông D thấy sức khỏe có vấn đề nên xin phép về sớm. Không may ông đã chết tại nhà. Hỏi đây có phải là TNLĐ không ?

Trả lời: K

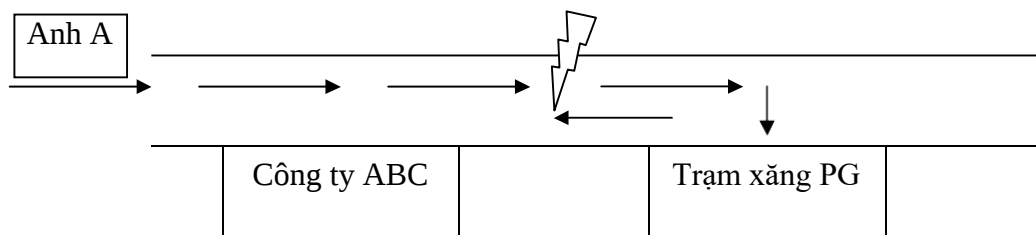
Đây không phải là TNLĐ vì ông chết do bệnh. Ông được xét Tử tuất.

8. Anh H là kỹ sư điện, được ký HĐLĐ sửa chữa sự cố điện trong công ty. Một hôm anh đang trực ca thấy điện công ty bị hư và anh sửa, không may bị điện giật chết. Hỏi đây có phải là TNLĐ không? Tại sao?

Trả lời: **Tùy**

Phải căn cứ vào nhiệm vụ của anh H được người chủ công ty phân công như thế nào? (24/24,...). Xem xét khi sửa chữa điện anh H có mang dụng cụ bảo hộ lao động không? Đây là một trường hợp phải xem xét thật kỹ và tùy vào kết quả xem xét mới kết luận.

9. Xem tình huống trong hình sau:



Hỏi đây có phải là TNLĐ không? Tại sao?

Trả lời: **Không**. Đây là TNRR do tuyến đường không hợp lý.

1.2. Bệnh nghề nghiệp:

- Là bệnh do những yếu tố độc hại, những điều kiện lao động bất lợi của ngành nghề tác động từ từ vào trong cơ thể người lao động và gây bệnh (yếu tố nghề nghiệp gây ra).

- Ví dụ:
- Công nhân bốc vác bị bệnh lao ☐ Không phải BNN.
 - Giáo viên dạy học ☐ Không phải BNN.
 - BS trực tiếp chăm sóc người bệnh Lao và BS bị Lao ☐ Là BNN.

(Phân biệt bệnh nghề nghiệp và ốm đau dài ngày?)

- Và Bệnh thuộc danh mục do Bộ Y tế và Bộ LĐ quy định: có 25 bệnh nghề nghiệp.

Danh mục 25 Bệnh nghề nghiệp được Bảo hiểm

STT	Tên các bệnh phân theo nhóm	Ban hành tại văn bản
	Nhóm I: Các bệnh bụi phổi và phế quản	
1	1. Bệnh bụi phổi – Silic nghề nghiệp (BP-Silic) – <i>Thạch cao</i>	TT 08
2	2. Bệnh bụi phổi Atbet (Amiăng) (BP-amiăng) – <i>Xi măng</i>	TT 08
3	3. Bệnh bụi phổi bông (BP-bông) – <i>Dệt</i>	TT 29
4	4. Bệnh viêm phế quản mạn tính nghề nghiệp (Viêm PQ - NN)	QĐ 167
5	5. Bệnh hen phế quản nghề nghiệp.	QĐ 27

	Nhóm II: Các bệnh nhiễm độc nghề nghiệp	
6	1. Bệnh nhiễm độc chì và các hợp chất chì – <i>SX Acquy</i>	TT 08
7	2. Bệnh nhiễm độc Benzen và các hợp chất đồng đẳng của Benzen – <i>SX hương liệu như: nước hoa, nước xả...</i>	TT 08
8	3. Bệnh nhiễm độc thủy ngân và các hợp chất thủy ngân.	TT 08
9	4. Bệnh nhiễm độc mangan và các hợp chất của mangan.	TT 08
10	5. Bệnh nhiễm độc TNT (Tri-nitro Toluen).	TT 29
11	6. Bệnh nhiễm độc Asen và các hợp chất Asen nghề nghiệp.	QĐ 167
12	7. Bệnh nhiễm độc Nicotin nghề nghiệp.	QĐ 167
13	8. Bệnh nhiễm độc hóa chất trừ sâu nghề nghiệp.	QĐ 167
14	9. Bệnh nhiễm độc Cacbonmonoxit nghề nghiệp.	QĐ 27
	Nhóm III: Các bệnh nghề nghiệp do yếu tố vật lý	
15	1. Bệnh do tia X và các chất phóng xạ - <i>Thủ y, chế biến da</i>	TT 08
16	2. Bệnh điếc do tiếng ồn. (điếc NN)	TT 08
17	3. Bệnh rung chuyển nghề nghiệp.	TT 29
18	4. Bệnh giảm áp mãn tính nghề nghiệp.	QĐ 167
	Nhóm IV: Các bệnh da nghề nghiệp	
19	1. Bệnh sạm da nghề nghiệp.	TT 29
20	2. Bệnh loét da, loét vách ngăn mũi, viêm da, chàm tiếp xúc.	TT 29
21	3. Bệnh nốt dầu nghề nghiệp.	QĐ 27
22	4. Bệnh viêm loét da, viêm móng và xung quang móng nghề nghiệp.	
	Nhóm V: Các bệnh nhiễm khuẩn nghề nghiệp	
23	1. Bệnh lao nghề nghiệp.	TT 29
24	2. Bệnh viêm gan virus nghề nghiệp.	TT 29
25	3. Bệnh do xoắn khuẩn Leptospira nghề nghiệp.	TT 29

II. Ý nghĩa:

- Chế độ TNLĐ & BNN là chế độ nhằm đảm bảo quyền và quyền lợi của người lao động khi họ bị TNLĐ & BNN.
- Đảm bảo ổn định cuộc sống cho người lao động khi họ bị TNLĐ & BNN dẫn đến suy giảm khả năng lao động.
- Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, người sử dụng lao động đối với NLĐ.

III. Những điều kiện và chính sách hưởng chế độ TNLĐ và BNN:

3.1. Những điều kiện được hưởng:

3.1.1. Tai nạn lao động:

- Bị tai nạn thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - + Tại nơi làm việc và trong giờ làm việc.
 - + Ngoài giờ làm việc, ngoài nơi làm việc có ý kiến của người chủ sử dụng lao động.
 - + Tai nạn xảy ra trên đường từ nhà đến cơ quan làm việc và ngược lại trong khoảng thời gian và tuyến đường hợp lý.
- Và chỉ xét khi người lao động bị mất SLĐ từ 5% trở lên.

3.1.2. Bệnh nghề nghiệp:

- Bị bệnh thuộc danh mục nghề nghiệp do Bộ tế và Bộ Lao động – Thương binh Xã hội ban hành khi làm việc trong môi trường hoặc nghề có yếu tố độc hại.
- Và chỉ xét khi người lao động bị mất SLĐ từ 5% trở lên

3.2. Các chính sách:

3.2.1. Trong thời gian điều trị, cấp cứu:

- Chi phí điều trị do NSDLĐ trả.
- NLĐ được NSDLĐ chi trả lương. Phí BHXH vẫn đóng.

- Ví dụ:

1. Một người lao động đóng phí BHXH 3 năm, bị tai nạn cắt tay và phải điều trị 8 tháng. Hỏi trong thời gian điều trị chi phí như thế nào ?

+ Nếu là TNLĐ :

- 8 tháng điều trị :
 - Chi phí điều trị do NSD LĐ trả.
 - NLĐ được NSDLĐ trả lương.
 - Được nhận trợ cấp BHXH sau 8 tháng.

+ Nếu là TNRR, ốm đau:

- 8 tháng điều trị :
 - $t_{\text{BHXH}} = 3$ năm sẽ được trợ cấp 30 ngày.
 - NSD LĐ không chi trả lương và chi phí điều trị.

2. Một người lao động bị TNLĐ và phải điều trị cả đời. Hỏi chi phí như thế nào ?

Doanh nghiệp phải trả lương và chi phí điều trị cho người lao động cả đời. Quy định như thế là công bằng để buộc NSD LĐ phải gắn kết trách nhiệm chăm lo cho chế độ làm việc, môi trường làm việc cho NLĐ.

3.2.2. Sau khi điều trị ổn định:

- Sau khi điều trị ổn định thì NLĐ sẽ được người SDLĐ giới thiệu để giám định mức suy giảm khả năng lao động trước HĐGD Y khoa (mỗi tỉnh thường chỉ có 1 HĐGD YK).

- Sau khi giám định có kết quả, nếu:

$5\% \leq \text{Mất SLĐ} \leq 30\%$: trợ cấp 1 lần.

$\text{Mất SLĐ} \geq 31\%$: trợ cấp hàng tháng (cả đời, về hưu hưởng cả hai khoản)

- Các khoản trợ cấp:

A. Mức trợ cấp cơ bản:

☐ **Theo ND 12/CP (1995):**

a. *Trợ cấp 1 lần ($5\% \leq \text{Mất SLĐ} \leq 30\%$) :*

5% - 10% : TC 1 lần = 4 tháng L_{minchung}

11% - 20% : TC 1 lần = 8 tháng L_{minchung}

21% - 30% : TC 1 lần = 12 tháng L_{minchung}

b. *Trợ cấp hàng tháng ($\text{Mất SLĐ} \geq 31\%$) :*

31% - 40% : TC = 0.4 x L_{minchung}

41% - 50% : TC = 0.6 x L_{minchung}

51% - 60% : TC = 0.8 x L_{minchung}

61% - 70% : TC = 1.0 x L_{minchung}

71% - 80% : TC = 1.2 x L_{minchung}

81% - 90% : TC = 1.4 x L_{minchung}

91% - 100% : TC = 1.6 x L_{minchung}

Nhân xét:

- Những vấn đề còn bất cập của NĐ 12/CP:

- + t_{BHXH} khác nhau nhưng trợ cấp như nhau (40 năm cũng như 1 tháng).
- + Mức trợ cấp theo khoảng là vô lý. (71% cũng như 80%).
- + Đóng phí BHXH theo lương nhưng khi tính trợ cấp lại tính trên $L_{minchung}$

Như vậy BHXH chưa thực hiện đúng nguyên tắc “đóng nhiều hưởng nhiều, đóng ít hưởng ít”

- Tuy còn bất cập nhưng NĐ 12/CP cũng có rất nhiều cải tiến so với NĐ 31 trước đó là:

- + Biên độ % mất SLĐ (31% - 40%) đã rút ngắn lại còn 10% thay vì 20% (21% - 40%) theo NĐ 31.
- + Khoản trợ cấp có tăng thêm.

□ **Luật BHXH ra đời có nhiều cải tiến:(từ 01/01/2007 đến nay) – áp dụng**

- Trợ cấp TNLĐ & BNN đều tính trên các yếu tố đó là:

- + Tính trên mức suy giảm khả năng lao động. Ký hiệu : m
- + Tính theo thời gian đóng phí BHXH. Ký hiệu : t
- + Căn cứ trên $L_{minchung}$ và $L_{CCĐBHXH}$

Tổng trợ cấp = Trợ cấp theo mức suy giảm KNLĐ + Trợ cấp theo số năm đóng BHXH



M

=



M1

+



M2

a. Trợ cấp 1 lần ($5\% \leq \text{Mất SLĐ} \leq 30\%$) :

□ **Khoản M1:**

$$M1 = [5 \times L_{minchung} + (m - 5) \times 0.5 \times L_{minchung}]$$

Hay

$$M1 = L_{minchung} \times [5 + (m - 5) \times 0.5]$$

- + Cứ mất SLD 5% thì được hưởng 5 tháng $L_{minchung}$
- + Sau đó cứ tăng thêm 1% thì được thêm 0.5 lần $L_{minchung}$
- + $M1$ tối thiểu = $5 \times L_{minchung}$ khi $m = 5$.

□ *Khoản M2:*

- + Cứ 1 năm đóng phí BHXH trở xuống thì được hưởng 0.5 lần $L_{CCĐBHXH}$.
- + Sau đó cứ tăng thêm 1 năm đóng phí BHXH thì trợ cấp thêm 0.3 lần $L_{CCĐBHXH}$.
- + $M2$ tối thiểu = $0.5 \times L_{CCĐBHXH}$ khi $t = 1$.

$$M2 = [0.5 \times L_{CCĐBHXH} + (t - 1) \times 0.3 \times L_{CCĐBHXH}]$$

Hay

$$M2 = L_{CCĐBHXH} \times [0.5 + (t - 1) \times 0.3]$$

$$\square \text{Trợ cấp 1 lần} = M_{1lần} = M1 + M2$$

□ *Áp dụng:*

1. Hãy cố định thời gian t và rút ra quy luật tiền trợ cấp 1 lần khi m thay đổi ?

$$m = 6 \square M_{1lần} = 0.5 \times L_{minchung} + (\text{các yếu tố cố định})$$

$$m = 7 \square M_{1lần} = 1.0 \times L_{minchung} + (\text{các yếu tố cố định})$$

$$m = 8 \square M_{1lần} = 1.5 \times L_{minchung} + (\text{các yếu tố cố định})$$

$$\square \square m = 1 \text{ thì } \square M_{1lần} = 0.5 \times L_{minchung}$$

Vậy quy luật là khi t cố định, m tăng 1% thì $M_{1lần}$ tăng $0.5 \times L_{minchung}$

2. Hãy cố định tỷ lệ thương tật m và rút ra quy luật tiền trợ cấp 1 lần khi t thay đổi ?

$$t = 2 \square M_{1lần} = 0.3 \times L_{CCĐBHXH} + (\text{các yếu tố cố định})$$

$$t = 3 \square M_{1lần} = 0.6 \times L_{CCĐBHXH} + (\text{các yếu tố cố định})$$

$$\square \square t = 1 \text{ thì } \square M_{1lần} = 0.3 \times L_{CCĐBHXH}$$

Vậy quy luật là khi m cố định, t tăng 1 năm thì $M_{1lần}$ tăng $0.3 \times L_{CCĐBHXH}$

b. Trợ cấp hàng tháng (cả đời) (Mất SLĐ $\geq 31\%$):

□ Khoản M1:

$$M1 = [30\% \times L_{\text{minchung}} + (m - 31) \times 2\% \times L_{\text{minchung}}]$$

Hoặc:

$$M1 = L_{\text{minchung}} \times [0.3 + (m - 31) \times 0.02]$$

+ Cứ mất SLĐ 31% thì được hưởng $30\% \times L_{\text{minchung}}$

+ Sau đó cứ tăng thêm 1% thì được thêm $2\% \times L_{\text{minchung}}$

• Khoản M2:

$$M2 = [0.5\% \times L_{\text{CCĐBHXH}} + (t - 1) \times 0.3\% \times L_{\text{CCĐBHXH}}]$$

Hoặc:

$$M2 = L_{\text{CCĐBHXH}} \times [0.005 + (t - 1) \times 0.003]$$

+ Cứ 1 năm đóng phí BHXH trở xuống thì được hưởng $0.5\% \times L_{\text{CCĐBHXH}}$.

+ Sau đó cứ tăng thêm 1 năm đóng phí BHXH thì trợ cấp thêm $0.3\% \times L_{\text{CCĐBHXH}}$.

$$\square \text{ Trợ cấp hàng tháng} = M_{\text{hàngtháng}} = M1 + M2$$

Lưu ý chung:

+ L_{minchung} : tính bù trượt giá và xác định **tại thời điểm hưởng** cụ thể nếu điều trị nội trú thì lấy vào thời điểm ra viện ;nếu điều trị ngoại trú thì được tính ở thời điểm ra Hội đồng giám định y khoa để giám định. Đối với **giám định lần 2** thì L_{minchung} xác định lúc thời điểm giám định lại.

+ $L_{\text{CCĐBHXH}}$: tính vào thời điểm của **tháng liền kề** trước khi xảy ra TNLĐ.

+ t : thời gian đóng phí BHXH nếu:

$t \leq 12$ tháng : làm tròn thành 12 tháng (VD: $t = 8$ th thì tính $t = 1$ năm)

$t > 12$ tháng : không tính tháng lẻ, tính khi đủ 12 tháng (VD: $t = 4$ n8th thì tính 4n)

+ m : tỷ lệ thương tật, chú ý khi đưa vào công thức không lấy số % (VD: bị mất SLĐ 49% thì $m = 49$, không ghi %)

Ví dụ:

1. Ông A bị TNLĐ vào tháng 04/2009, sau khi điều trị ổn vào tháng 07/2009 và được xác định tỷ lệ thương tật là 20%. Thời gian đóng phí BHXH của ông là 4 năm 8 tháng và lương đóng BHXH như sau:

Từ tháng 03/2008 đến 03/2009 : hưởng lương 2,500,000 VNĐ.

Từ tháng 04/2009 ông có quyết định nâng lương lên 3,000,000 VNĐ.

Tính trợ cấp TNLĐ của ông A ?

Hướng dẫn:

- $m = 20\% < 31\%$ nên được hưởng trợ cấp TNLĐ 1 lần.

- Tính trợ cấp 1 lần = $M_{1\text{lần}} = M1 + M2$

+ M1 :

L_{minchung} được xác định vào tháng 07/2009 là 650,000 VNĐ.

$$m = 20$$

$$\begin{aligned}\square M1 &= L_{\text{minchung } 07/2009} \times [5 + (m - 5) \times 0.5] \\ &= 650,000 \times [5 + (20 - 5) \times 0.5] \\ &= \mathbf{8,125,000 \text{ VNĐ}}\end{aligned}$$

+ M2 :

$L_{\text{CCĐBHXH}}$ được xác định vào tháng liền kề trước khi bị TNLĐ tức là tháng 03/2009 là 2,500,000.

$t = 4$ năm 8 tháng $\square$ làm tròn $t = 4$

$$\begin{aligned}\square M2 &= L_{\text{CCĐBHXH } 03/2009} \times [0.5 + (t - 1) \times 0.3] \\ &= 2,500,000 \times [0.5 + (4 - 1) \times 0.3] \\ &= \mathbf{3,500,000 \text{ VNĐ}}.\end{aligned}$$

+ Trợ cấp 1 lần của ông A :

$$\begin{aligned}\square M_{1\text{lần}} &= M1 + M2 \\ &= 8,125,000 + 3,500,000 \\ &= \mathbf{11,625,000 \text{ VNĐ}}\end{aligned}$$

2. Với đề bài VD 1, đổi thành ông B và có tỷ lệ mất SLD 40%. Tính trợ cấp TNLĐ của ông B.

Hướng dẫn:

- $m = 40\% > 31\%$ nên được hưởng trợ cấp TNLĐ hàng tháng.

- Tính trợ cấp hàng tháng = $M_{\text{hàng tháng}} = M1 + M2$

+ M1 :

L_{minchung} được xác định vào tháng 07/2009 là 650,000 VNĐ.

$$m = 20$$

$$\begin{aligned}\square M1 &= [0.3 \times L_{\text{minchung } 07/2009} + (m - 31) \times 0.02 \times L_{\text{minchung } 07/2009}] \\ &= [0.3 \times 650,000 + (40 - 31) \times 0.02 \times 650,000] \\ &= [195,000 + 117,000] \\ &= \mathbf{312,000 \text{ VNĐ}}\end{aligned}$$

+ M2 :

$L_{\text{CCĐBHXH}}$ được xác định vào tháng liền kề trước khi bị TNLĐ tức là tháng 03/2009 là 2,500,000.

$$t = 4 \text{ năm } 8 \text{ tháng } \square \text{ làm tròn } t = 4$$

$$\begin{aligned}\square M2 &= [0.005 \times L_{\text{CCĐBHXH } 03/2009} + (t - 1) \times 0.003 \times L_{\text{CCĐBHXH } 03/2009}] \\ &= [0.005 \times 2,500,000 + (4 - 1) \times 0.003 \times 2,500,000] \\ &= [12,500 + 22,500] \\ &= \mathbf{35,000 \text{ VNĐ.}}\end{aligned}$$

+ Trợ cấp hàng tháng của ông B:

$$\begin{aligned}\square M_{\text{hàng tháng}} &= M1 + M2 \\ &= 312,000 + 35,000 \\ &= \mathbf{347,000 \text{ VNĐ}}\end{aligned}$$

3. Ông C bị TNLĐ vào tháng 05/2009. Sau 4 tháng điều trị thương tật, ông được HDGD Y khoa giám định suy giảm 29% KNLĐ. Biết :

- Tháng trước khi bị TNLĐ ông hưởng lương theo hệ số : 2.34
- Thời gian đóng BHXH là 10 năm 6 tháng.

Tính trợ cấp TNLĐ của ông ?

Hướng dẫn cách tính nhanh :

- Xác định tất cả các thành phần :

+ $m = 29\% < 31\%$ nên trợ cấp một lần.

+ $t = 10 \text{ n } 6 \text{ th}$ □ tính $t = 10$

+ L_{minchung} trong M1 xác định vào tháng 09/2009 là 650,000 VNĐ.

+ $L_{\text{CCĐBHXH}}$: chỉ lấy HSL tháng liền kề trước khi bị TNLĐ là tháng 04/2009 nhưng L_{minchung} tại thời điểm hưởng tính vào tháng 09/2009 theo nguyên tắc bù trượt giá là 650,000 VNĐ.

$$\begin{aligned} L_{\text{CCĐBHXH}} &= HSL_{04/2009} \times L_{\text{minchung } 09/2009} \\ &= 2.34 \times 650,000 \\ &= 1,521,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

- Tính tổng trợ cấp theo công thức :

$$\begin{aligned} M &= \text{Trợ cấp theo } m \text{ (M1)} + \text{Trợ cấp theo } t \text{ (M2)} \\ &= L_{\text{minchung } 09/2009} \times [5 + (m-5) \times 0.5] + L_{\text{CCĐBHXH}} \times [0.5 + (t-1) \times 0.3] \\ &= 650,000 \times [5 + (29-5) \times 0.5] + 1,521,000 \times [0.5 + (10-1) \times 0.3] \\ &= 15,917,200 \text{ VNĐ.} \end{aligned}$$

[Cách tính nhẩm M2: lấy $10 \times 3 = 30$, sau đó $30 + 2 = 32$ (do $5 - 3 = 2$), lấy phẩy 3.2 là KQ]

4. Tương tự VD3 nhưng sửa thành Ông D và suy giảm 31% KNLĐ. Tính trợ cấp cho ông D.

Hướng dẫn:

- Xác định tất cả các thành phần :

+ $m = 31\%$ nên trợ cấp hàng tháng.

+ $t = 10$ n 6 th □ tính $t = 10$

+ L_{minchung} trong M1 xác định vào tháng 09/2009 là 650,000 VNĐ.

+ $L_{\text{CCĐBHXH}}$: chỉ lấy HSL tháng liền kề trước khi bị TNLĐ là tháng 04/2009 nhưng L_{minchung} tại thời điểm hưởng tính vào tháng 09/2009 theo nguyên tắc bù trượt giá là 650,000 VNĐ.

$$L_{\text{CCĐBHXH}} = \text{HSL}_{04/2009} \times L_{\text{minchung } 09/2009}$$

$$= 2.34 \times 650,000$$

$$= 1,521,000 \text{ VNĐ}$$

- Tính tổng trợ cấp theo công thức :

$$M = \text{Trợ cấp theo m (M1)} + \text{Trợ cấp theo t (M2)}$$

$$= L_{\text{minchung } 09/2009} \times [0.3 + (m-31) \times 0.02] + L_{\text{CCĐBHXH}} \times [0.005 + (t-1) \times 0.003]$$

$$= 650,000 \times [0.3 + (31-31) \times 0.02] + 1,521,000 \times [0.005 + (10-1) \times 0.003]$$

$$= 243,572 \text{ VNĐ.}$$

B. Một số trợ cấp khác quy định cho TNLĐ và BNN:

B.1. Trợ cấp phục vụ:

- Người lao động bị suy giảm KNLĐ $\geq 81\%$ trở lên và

+ Bị liệt cột sống;

+ Hoặc mù 2 mắt;

+ Hoặc cụt, liệt hai chi;

+ Hoặc bị bệnh tâm thần.

- Thì ngoài mức hưởng hàng tháng còn được hưởng trợ cấp phục vụ bằng $(1 \times L_{\text{minchung}})$.

B.2. Cấp phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình (xem Luật BHXH):

- Người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà bị tổn thương các chức năng hoạt động của cơ thể thì tùy theo tình trạng thương tật, bệnh tật sẽ được cấp tiền để mua các phương tiện trợ giúp sinh hoạt và dụng cụ chỉnh hình theo chỉ định tại cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng thuộc ngành LĐ-TB-XH hoặc của bệnh viện cấp tỉnh trở lên (gọi tắt là cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng)

a. Chế độ cấp tiền mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình và niên hạn cấp:

a.1. Đối với người bị cụt chân, cụt tay, bị liệt:

- Người bị **cụt chân** được cấp tiền để mua chân giả, **niên hạn là 3 năm** (nếu cư trú ở miền núi, vùng cao thì niên hạn là 2 năm); mỗi năm được cấp thêm **170,000** đồng để mua các vật phẩm phụ.
- Người bị **mất cả bàn chân hoặc nửa bàn chân** không có khả năng lắp chân giả, hoặc bị ngắn chân, bàn chân bị lệch vẹo được **cấp tiền để mua** một đôi giày chỉnh hình, hoặc một đôi dép chỉnh hình. **Niên hạn là 2 năm.**
- Người bị **cụt tay** được cấp tiền để mua tay giả, **niên hạn là 5 năm**; mỗi năm được cấp thêm **60,000 đồng** để mua các vật phẩm phụ.
- Người bị **liệt toàn thân**, hoặc liệt nửa người, hoặc liệt 2 chân hoặc cụt cả 2 chân không còn khả năng tự di chuyển thì được cấp tiền một lần để mua một chiếc xe lăn hoặc xe lắc; mỗi năm được cấp thêm **300,000 đồng** để bảo trì phương tiện.

Mức tiền trợ cấp để mua phương tiện trợ giúp sinh hoạt, dụng cụ chỉnh hình thực hiện theo Bảng giá phương tiện trợ giúp và dụng cụ chỉnh hình.

BẢNG GIÁ PHƯƠNG TIỆN TRỢ GIÚP VÀ DỤNG CỤ CHỈNH HÌNH

(Quy định tại Thông tư liên tịch số 17/2006/TTLT-BLĐTBXH-BTC-BYT ngày 21 tháng 11 năm 2006 của liên Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Tài chính và Y tế)

Số TT	Loại dụng cụ	Số tiền (đ)/1 niên hạn được cấp
1	Chân tháo khớp hông	3.186.000
2	Chân trên	1.488.000
3	Chân tháo khớp gối	1.864.000
4	Chân tháo khớp bàn	1.165.000
5	Chân dưới dây đeo số 8	1.088.000
6	Chân dưới có bao da đùi	1.115.000
7	Nẹp hông	1.047.000
8	Nẹp đùi	603.000
9	Nẹp cẳng chân	476.000
10	Giày chỉnh hình	862.000
11	Dép chỉnh hình	504.000
12	Tay tháo khớp vai	1.884.000
13	Tay trên	1.733.000
14	Tay dưới	1.314.000

15	Xe lắc	2.738.000
16	Xe lăn tay gấp	1.945.000

a.2. Đối với người bị hỏng mắt, gãy răng, bị điếc:

- Người bị hỏng mắt được cấp tiền một lần để lắp mắt giả theo chứng từ thực tế của cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng nơi điều trị.
- Người bị gãy răng được cấp tiền để làm răng giả với mức giá 1,000,000 đồng/1 răng; niên hạn là 5 năm.
- Người bị điếc cả 2 tai được cấp 500,000 đồng để mua máy trợ thính, niên hạn là 3 năm.

b. Chế độ thanh toán tiền tàu, xe:

Người lao động quy định tại điểm a nêu trên được BHXH thanh toán một lần tiền tàu, xe đi và về theo giá quy định của Nhà nước với phương tiện giao thông như xe khách, tàu hỏa, tàu thủy từ nơi cư trú đến cơ sở chỉnh hình và phục hồi chức năng gần nhất.

B.3. Trợ cấp một lần khi chết do TNLĐ và BNN:

- Nếu NLĐ đang làm việc bị chết do TNLĐ&BNN
- Hoặc nếu chết trong thời gian điều trị lần đầu do TNLĐ&BNN

⇒ Thì thân nhân được hưởng trợ cấp 1 lần bằng (**36 x $L_{minchung}$**).

3.2.3 Trường hợp giám định lại lần 2 và bị TNLĐ mới :

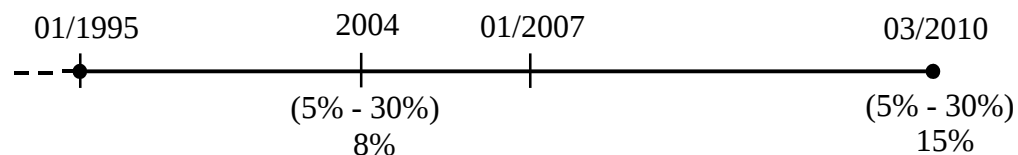
(Trích khoản 4 Thông tư 19/2008/TT-BLĐTBXH ký ngày 23 tháng 09 năm 2008)

a. Trường hợp bị TNLĐ lần 1 và giám định lần 1 trước 01/01/2007 (chưa có Luật BHXH) được trợ cấp theo ND 12/CP, sau đó tái phát và giám định lại lần 2 :

Nguyên tắc : người bị TNLĐ trong thời gian trước khi có Luật BHXH, sau đó vết thương tái phát và giám định lại thì mức trợ cấp vẫn tính theo Văn bản trước Luật (không kể thời gian giám định lại).

TH1: + Nếu giám định lần 1 □ được hưởng trợ cấp 1 lần ($5\% \leq \text{Mất SLĐ} \leq 30\%$)

+ Và giám định lần 2 □ vẫn là trợ cấp 1 lần nhưng tỷ lệ mất SLĐ cao hơn lần 1.



- Lúc đó mức trợ cấp được hưởng như bảng sau :

Giám định lần 1	Giám định lần 2	Mức trợ cấp được hưởng thêm
5% - 10% (4 tháng L_{minchung})	5% - 10%	Không hưởng trợ cấp
	11% - 20%	4 tháng L_{minchung}
	21% - 30%	8 tháng L_{minchung}
11% - 20% (8 tháng L_{minchung})	11% - 20%	Không hưởng thêm
	21% - 30%	4 tháng L_{minchung}
21% - 30% (12 tháng L_{minchung})	21% - 30%	Không hưởng thêm

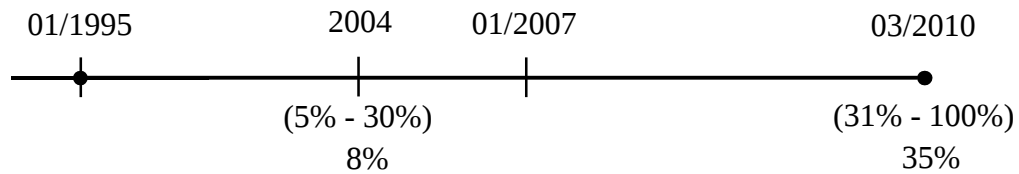
- Giải thích :

+ L_{minchung} được tính vào thời điểm giám định lại lần 2 (trượt giá).

+ Phần hưởng thêm được tính chênh lệch bằng tiền trợ cấp, không phải bằng tỷ lệ mất SLĐ. Giả sử giám định lần 1 là 7% hưởng 4 tháng L_{minchung} , sau đó giám định lại lần 2 là 18% đáng lẽ hưởng 8 tháng L_{minchung} nhưng vì lần 1 đã hưởng 4 tháng L_{minchung} trước đó nên lần 2 được hưởng thêm là $8 - 4 = 4$ tháng L_{minchung} mà thôi.

TH2: + Nếu giám định lần 1 □ được hưởng trợ cấp 1 lần ($5\% \leq \text{Mất SLD} \leq 30\%$)

+ Và giám định lần 2 □ được hưởng trợ cấp hàng tháng ($\text{Mất SLD} \geq 31\%$)



- Trường hợp này, theo Thông tư 19 sẽ bỏ trợ cấp 1 lần. Tính tỷ lệ thương tật mới dựa trên giám định lần 2 và trợ cấp hàng tháng cho tỷ lệ thương tật mới theo NĐ 12/CP.

- Ví dụ : Ông A bị TNLD vào tháng 08/2006. Ông được giám định lần 1 vào tháng 12/2006 và kết luận:

+ Suy giảm khả năng lao động 25%.

+ Và được nhận trợ cấp 1 lần khoảng tiền $M_{1\text{lần } 25\%}$

Tháng 10/2009 do thương tật tái phát ông A đi giám định lại và mức suy giảm khả năng lao động của ông là 50%.

Xác định $M_{1\text{lần } 25\%}$ và Tính trợ cấp TNLD sau khi giám định lại của ông A ?

Hướng dẫn :

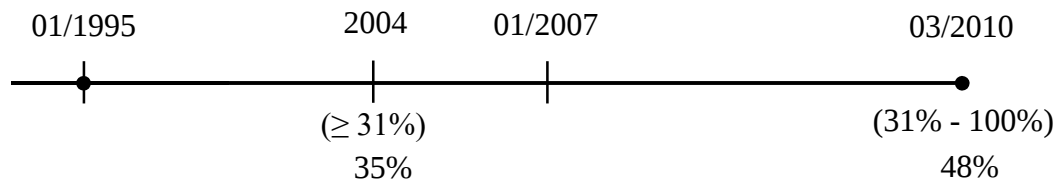
Theo NĐ 12/CP thì :

$$\begin{aligned} + M_{1\text{lần } 25\%} &= 12 \times L_{\text{minchung } 12/2006} \\ &= 12 \times 450,000 \\ &= 5,400,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

Khi giám định lại lần 2 thì $m = 50\%$ nên ông A được hưởng trợ cấp TNLD hàng tháng và khoảng trợ cấp hàng tháng của ông là :

$$\begin{aligned} + M_{\text{hàngtháng } 50\%} &= 0.6 \times L_{\text{minchung } 10/2009} \\ &= 0.6 \times 650,000 \\ &= 390,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

- TH3:** + Nếu giám định lần 1 □ được hưởng trợ cấp hàng tháng (Mất SLĐ $\geq 31\%$)
 + Và giám định lần 2 □ hưởng trợ cấp hàng tháng nhưng tỷ lệ cao hơn lần 1.



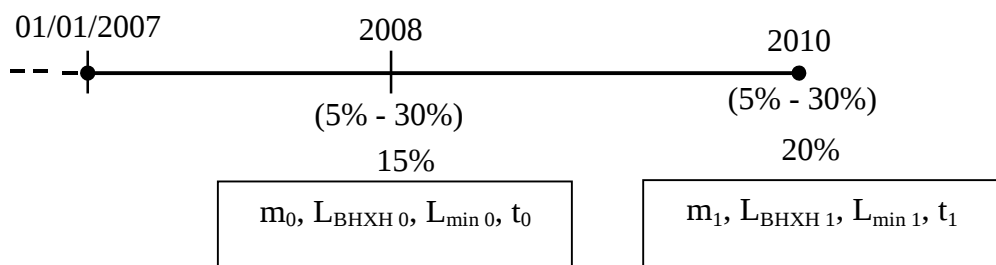
- Trường hợp này sẽ lấy tỷ lệ thương tật được giám định lần 2 để tính trợ cấp dựa trên các mức của NĐ 12/CP.

- Ví dụ :

- + Giám định lần 1 : 35% □ $M_{\text{hàng tháng } 35\%} = 0.4 \times L_{\text{minchung}}$
 + Giám định lần 2 : 55% □ $M_{\text{hàng tháng } 55\%} = 0.8 \times L_{\text{minchung}}$

b. Trường hợp bị TNLĐ lần 1 và giám định lần 1 từ ngày 01/01/2007 (có Luật BHXH) đến nay và được trợ cấp theo Luật BHXH, sau đó tái phát và giám định lại lần 2 :

- TH1:** + Nếu giám định lần 1 □ được hưởng trợ cấp 1 lần ($5\% \leq \text{Mất SLĐ} \leq 30\%$)
 + Và giám định lần 2 □ vẫn là trợ cấp 1 lần nhưng tỷ lệ mất SLĐ cao hơn lần 1.



$$2008 : M_1 \text{ lần} = L_{\text{min } 0} \times [5 + (m_0 - 5) \times 0.5] + L_{\text{BHXH } 0} \times [0.5 + (t_0 - 1) \times 0.3]$$

$$2010 : M_1 \text{ lần} = L_{\text{min } 1} \times [5 + (m_1 - 5) \times 0.5] + L_{\text{BHXH } 1} \times [0.5 + (t_1 - 1) \times 0.3]$$

- Nhưng ở trường hợp này không phải là TNLĐ mới mà là giám định lại nên không sử dụng t_1 vì bị TNLĐ tại t_0 , nếu lấy t_1 sẽ bất cập. Tương tự $L_{\text{BHXH } 1}$ cũng không

được sử dụng vì bị TNLĐ vào năm 2008. Tóm lại trợ cấp theo thời gian đóng phí BHXH là cố định.

- Lúc đó mức hưởng trợ cấp 1 lần thêm chính là hiệu số của trợ cấp lần 2 dựa trên mức suy giảm khả năng lao động mới và trợ cấp lần 1 dựa trên mức suy giảm khả năng lao động trước đó. Chênh lệch M do mức M1 thay đổi, M2 không đổi vì t không đổi.

Vậy trợ cấp 1 lần thêm :

$$M \text{ 1 lần thêm} = L_{\min 1} \times [5 + (m_1 - 5) \times 0.5] - L_{\min 1} \times [5 + (m_0 - 5) \times 0.5]$$

- Chú ý mức $L_{\min \text{chung}}$ lấy tại thời điểm giám định lần 2 để tính mức trợ cấp 1 lần thêm (theo Luật).

- Ví dụ :

Ông C bị TNLĐ vào tháng 02/2007 với mức suy giảm khả năng lao động là 20% và hưởng trợ cấp 1 lần.

Tháng 02/2009, do thương tật tái phát ông C được giám định lại, và tỷ lệ mất SLĐ là 30%. Tính trợ cấp 1 lần thêm của ông C ?

Hướng dẫn :

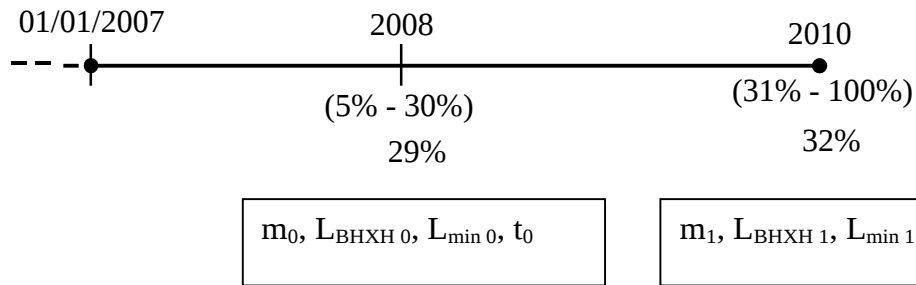
$$+ m_1 = 20 ; m_2 = 30 ; L_{\min 02/2009} = 540,000 \text{ VNĐ}$$

+ Trợ cấp 1 lần thêm của ông C :

$$\begin{aligned} M_{\text{thêm}} &= [5 \times L_{\min 02/2009} + (m_2 - 5) \times 0.5 \times L_{\min 02/2009}] \\ &\quad - [5 \times L_{\min 02/2009} + (m_1 - 5) \times 0.5 \times L_{\min 02/2009}] \\ &= [5 \times 540,000 + (30 - 5) \times 0.5 \times 540,000] \\ &\quad - [5 \times 540,000 + (20 - 5) \times 0.5 \times 540,000] \\ &= 9,450,000 - 6,750,000 \\ &= 2,700,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

TH2: + Nếu giám định lần 1 □ được hưởng trợ cấp 1 lần ($5\% \leq \text{Mất SLĐ} \leq 30\%$)

+ Và giám định lần 2 □ được hưởng trợ cấp hàng tháng ($\text{Mất SLĐ} \geq 31\%$)



- Mức trợ cấp hàng tháng sau khi giám định lần 2 như sau:

$$M \text{ hàng tháng} = L_{min\ 1} [0.3 + (m_1 - 31) \times 0.02] + L_{BHXH\ 0} [0.005 + (t_0 - 1) \times 0.003]$$

- Mức trợ cấp hàng tháng được tính bằng tổng của trợ cấp tỷ lệ thương tật lần 2 và trợ cấp tính trên thời gian đóng phí BHXH. Thời gian đóng phí BHXH và tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH căn cứ vào mức M2 đã tính hưởng trợ cấp 1 lần trước đó nhân với hệ số điều chỉnh trượt giá (HSDC).

- Ví dụ :

Bà D bị TNLĐ vào tháng 05/2007, giám định lần 1 vào tháng 08/2007 kết luận bà bị mất SLĐ 15%. Bà được hưởng trợ cấp 1 lần.

Bà D có 10 năm đóng phí BHXH và tiền lương, tiền công tháng đóng BHXH của tháng liền kề trước khi nghỉ việc để điều trị của bà là 1,500,000.

Do thương tật tái phát nên vào tháng 05/2009 bà D được giám định lại và mức suy giảm khả năng lao động là 35%.

Hãy tính mức trợ cấp một lần và hàng tháng mà bà D được hưởng ?

Hướng dẫn:

$$+ m_1 = 15\% ; m_2 = 35\% ; t = 10 ;$$

$$+ L_{CCĐ\ BHXH\ 04/2007} = 1,500,000 \text{ VNĐ}$$

$$+ L_{min\ 05/2009} = 650,000 \text{ VNĐ} ; L_{min\ 08/2007} = 450,000 \text{ VNĐ}$$

Năm 2007 : giám định lần 1

$$+ M_{1lần\ 15\%} = M1_{1lần(m=15\%)} + M2_{1lần(t=10)}$$

- Tính M1 với m = 15 :

$$\begin{aligned} M1_{(m=15\%)} &= [5 \times L_{min\ 08/2007} + (m - 5) \times 0.5 \times L_{min\ 08/2007}] \\ &= [5 \times 450,000 + (15 - 5) \times 0.5 \times 450,000] \end{aligned}$$

$$= 4,500,000 \text{ VNĐ}$$

- Tính M2 với t = 10 năm:

$$\begin{aligned} M2_{(t=10)} &= [0.5 \times L_{\text{CCĐ BHXH 04/2007}} + (t - 1) \times 0.3 \times L_{\text{CCĐ BHXH 04/2007}}] \\ &= [0.5 \times 1,500,000 + (10 - 1) \times 0.3 \times 1,500,000] \\ &= 4,800,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \square M1 \text{ lần } 15\% &= 4,500,000 + 4,800,000 \\ &= 9,300,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

Năm 2009: giám định lại :

$$+ M_{\text{hàng tháng } 35\%} = M1_{\text{hàng tháng}(m=35\%)} + M2_{\text{hàng tháng}(t=10)}$$

- Tính M1 với m = 35 :

$$\begin{aligned} M1_{(m=35\%)} &= [30\% \times L_{\text{min 05/2009}} + (m - 31) \times 2\% \times L_{\text{min 05/2009}}] \\ &= [0.3 \times 650,000 + (35 - 31) \times 0.02 \times 650,000] \\ &= 247,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

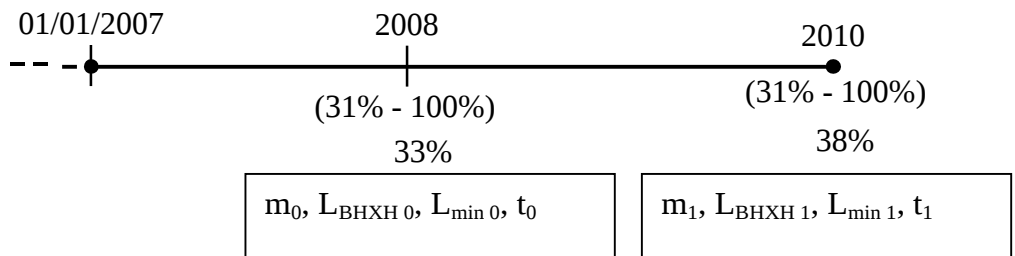
- Tính M2 với t = 10 năm:

$$\begin{aligned} M2_{(t=10)} &= [0.5\% \times L_{\text{CCĐ BHXH 04/2007}} + (t - 1) \times 0.3\% \times L_{\text{CCĐ BHXH 04/2007}}] \\ &= [0.005 \times 1,500,000 + (10 - 1) \times 0.003 \times 1,500,000] \\ &= 48,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \square M_{\text{hàng tháng } 35\%} &= 247,000 + 48,000 \\ &= 295,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

TH3: + Nếu giám định lần 1 $\square$ được hưởng trợ cấp hàng tháng (Mất SLĐ $\geq 31\%$)

+ Và giám định lần 2 $\square$ hưởng trợ cấp hàng tháng nhưng tỷ lệ cao hơn lần 1.



$$M_{\text{hàng tháng}} = L_{\min 1} [0.3 + (m_1 - 31) \times 0.02] + L_{\text{BHXH 0}} [0.005 + (t_0 - 1) \times 0.003]$$

- Trường hợp này sẽ lấy tỷ lệ thương tật được giám định lần 2 để tính trợ cấp dựa trên các mức M1 và M2.

- Mức M1 tính theo tỷ lệ mất SLĐ mới, mức M2 tính như cũ

- Ví dụ :

Lấy ví dụ trên nhưng đổi thành bà E và giám định lần 1 có kết quả là 32%.

Hãy tính mức trợ cấp hàng tháng cũ và mới ?

Hướng dẫn :

$$+ m_1 = 32\% ; m_2 = 35\% ; t = 10 ;$$

$$+ L_{\text{CCĐBHXH 04/2007}} = 1,500,000 \text{ VNĐ}$$

$$+ L_{\min 05/2009} = 650,000 \text{ VNĐ} ; L_{\min 08/2007} = 450,000 \text{ VNĐ}$$

Năm 2007 : giám định lần 1

$$+ M_{\text{hàng tháng } 32\%} = M1_{\text{hàng tháng}(m = 32\%)} + M2_{\text{hàng tháng}(t = 10)}$$

- Tính M1 với $m = 32$:

$$\begin{aligned} M1_{(m = 32\%)} &= [30\% \times L_{\min 08/2007} + (m - 31) \times 2\% \times L_{\min 08/2007}] \\ &= [0.3 \times 450,000 + (32 - 31) \times 0.02 \times 450,000] \\ &= 144,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

- Tính M2 với $t = 10$ năm:

$$\begin{aligned} M2_{(t = 10)} &= [0.5\% \times L_{\text{CCĐ BHXH 04/2007}} + (t - 1) \times 0.3\% \times L_{\text{CCĐ BHXH 04/2007}}] \\ &= [0.005 \times 1,500,000 + (10 - 1) \times 0.003 \times 1,500,000] \\ &= 48,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \square M_{\text{hàng tháng } 32\%} &= 144,000 + 48,000 \\ &= 192,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

Năm 2009 : giám định lại :

$$+ M_{\text{hàng tháng } 35\%} = M1_{\text{hàng tháng}(m = 35\%)} + M2_{\text{hàng tháng}(t = 10)}$$

- Tính M1 với $m = 35$:

$$\begin{aligned} M1_{(m = 35\%)} &= [30\% \times L_{\min 05/2009} + (m - 31) \times 2\% \times L_{\min 05/2009}] \\ &= [0.3 \times 650,000 + (35 - 31) \times 0.02 \times 650,000] \\ &= 247,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

- Tính M2 với $t = 10$ năm:

$$\begin{aligned} M2_{(t = 10)} &= [0.5\% \times L_{\text{CCĐ BHXH 04/2007}} + (t - 1) \times 0.3\% \times L_{\text{CCĐ BHXH 04/2007}}] \\ &= [0.005 \times 1,500,000 + (10 - 1) \times 0.003 \times 1,500,000] \\ &= 48,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \square M_{\text{hàng tháng } 35\%} &= 247,000 + 48,000 \\ &= \mathbf{295,000 \text{ VNĐ}} \end{aligned}$$

Lưu ý : Trợ cấp hàng tháng dù là KVNN hay KVNNN thì hàng năm theo thời gian thì mức trợ cấp sẽ được điều chỉnh tăng theo quy định của Bộ LĐTBXH (không đề cập ở đây) để thực hiện đúng quy tắc bù trượt giá. Do đó mức trợ cấp hàng năm sẽ được điều chỉnh theo Hệ số điều chỉnh hợp lý.

c. Trường hợp bị TNLĐ lần 1 và sau đó bị TNLĐ lần 2 : (trường hợp này tính mới lại giống như lần đầu không kể thời gian)

3.2.4. Nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe (Theo Luật BHXH và Thông tư 19) :

- Theo Luật BHXH, chế độ nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe là phần hậu của 3 chế độ ốm đau, thai sản, TNLĐ và BNN.

- Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe như sau :

Thời gian nghỉ	Chế độ		
	Ốm đau	Thai sản	TNLĐ&BNN
10 ngày	Ốm đau dài ngày	Sinh đôi trở lên	Mất SLD $\geq 51\%$
7 ngày	Ốm do phẫu thuật	Sinh phẫu thuật	$31\% \leq \text{Mất SLD} \leq 50\%$
5 ngày	Những TH ốm khác	Sinh khác	$15\% \leq \text{Mất SLD} \leq 30\%$

- Mức trợ cấp nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe như sau :
 - + Nghỉ tại nhà : được hưởng $(25\% \times L_{\text{minchung}})$ / 1 ngày.
 - + Nghỉ tại cơ sở tập trung : được hưởng $(40\% \times L_{\text{minchung}})$ / 1 ngày.
 - Đối với chế độ TNLD và BNN, trong khoảng thời gian **60 ngày** tính từ ngày có kết luận của Hội đồng giám định y khoa mà sức khỏe còn yếu thì người lao động được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.
 - Đối với chế độ ốm đau, khi người lao động đã hưởng chế độ ốm đau từ **đủ 30 ngày trở lên** trong năm theo quy định thì trong khoảng **thời gian 30 ngày** kể từ khi người lao động trở lại làm việc mà sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.
 - Đối với chế độ thai sản, trong khoảng **thời gian 30 ngày** tính từ thời điểm lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian hưởng chế độ khi sẩy thai, nạo, hút thai hoặc thai chết lưu **hoặc** trong khoảng **thời gian 60 ngày** tính từ thời điểm lao động nữ trở lại làm việc sau khi hết thời gian hưởng chế độ khi sinh con **mà** sức khỏe còn yếu thì được nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.
-

CHƯƠNG III

A. BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

A.4. CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ



I. Khái niệm

Chế độ hưu trí là một chế độ BHXH nhằm trợ cấp phần thu nhập bị mất cho những người lao động khi đã kết thúc quá trình lao động để đảm bảo đời sống cho chính những người lao động này.

II. Ý nghĩa:

- Chế độ hưu trí là chế độ nhằm đảm bảo quyền và quyền lợi của người lao động khi họ kết thúc quá trình công tác và về nghỉ hưu.
- Đảm bảo ổn định cuộc sống cho người lao động khi họ không còn có khả năng lao động và an dưỡng tuổi già.
- Thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, người sử dụng lao động đối với người lao động không phải chỉ khi đang làm việc mà ngay cả khi đã kết thúc quá trình lao động.
- Trên thế giới, theo ILO, năm 1981 trong 139 quốc gia có áp dụng nhiều chế độ an toàn xã hội thì 127 nước áp dụng chế độ bảo hiểm tuổi già. Như vậy chế độ hưu trí được quan tâm sau chế độ tai nạn lao động và BNN.

III. Những điều kiện được hưởng chế độ hưu trí:

3.1. Tuổi đời:

3.1.1. Tuổi đủ (tuổi tròn) và tuổi tới (tuổi đến):

- Tuổi đủ là tuổi đủ năm, tính tròn năm, được tính bằng cách lấy năm sinh + n

Ví dụ :

+ Người LĐ sinh 1/1/1950, thì thời điểm xác định người lao động nghỉ hưu là $1/1/1950 + 60 = 1/1/2010$.

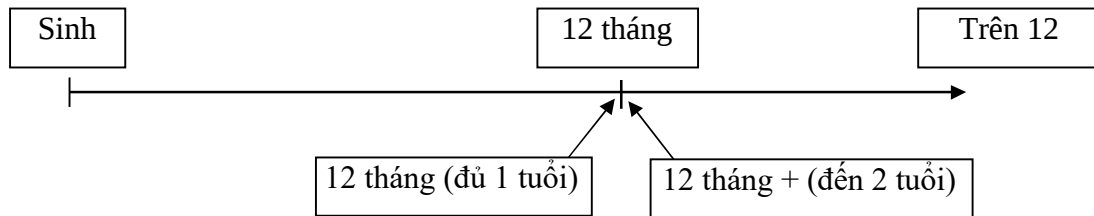
+ Tuổi bầu cử : tuổi đủ.

- Tuổi tới: là tuổi **bắt đầu**, được tính bằng cách lấy năm sinh + (n -1)

Ví dụ :

+ Người LĐ sinh 1/1/1950, thì thời điểm người lao động bước vào tuổi 60 là $1/1/1950+60-1=1/1/2009$.

+ Xét tuổi của trẻ:



3.1.2. Tuổi điểm (tuổi cứng) và tuổi khoảng (tuổi mềm):

- Tuổi điểm là tuổi chính xác ở một thời điểm nào đó

Ví dụ : nam nghỉ hưu ở tuổi đủ 60, thời điểm đủ 60 tuổi.

- Tuổi khoảng là tuổi kéo dài trong một khoảng thời gian nào đó .

Ví dụ : nam nghỉ hưu trong khoảng thời gian từ đủ 55- 60 tuổi, nữ nghỉ hưu trong khoảng thời gian từ đủ 50 – 55 tuổi

3.1.3. Ý nghĩa của tuổi đời để xác định tuổi nghỉ hưu:

- Tuổi đời rất quan trọng để xác định tuổi nghỉ hưu, bởi lẽ việc **tăng hay giảm tuổi đời** không chỉ tác dụng đối với người đang làm việc mà cả đối với người nghỉ hưu và ảnh hưởng đến xã hội, quỹ tài chính BHXH.

- *Đối với người lao động :*

+ Tuổi đời nghỉ hưu tác động đến vấn đề sử dụng lao động .

+ Nếu tuổi nghỉ hưu quá sớm thì ảnh hưởng đến thu nhập của người lao động ,nhưng nếu quá muộn thì ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ của người lao động.

+ Ngoài ra người lao động cũng rất quan tâm đến thời gian cần thiết còn phải đóng BHXH và thời điểm để nghỉ hưu.

- *Đối với người nghỉ hưu:*

+ Người nghỉ hưu quan tâm đến khoản tiền trợ cấp bằng cách tính trên tuổi thọ bình quân

- *Đối với xã hội:*

+ Khi tăng hay giảm tuổi nghỉ hưu sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến cung, cầu lao động .

- *Đối với quỹ tài chính:*

+ Nếu kéo dài tuổi nghỉ hưu, thì người lao động sẽ kéo dài thời gian đóng phí BHXH và lương hưu nhận được bị chậm lại . Do đó người lao động bị thiệt gấp 2 lần .Nếu rút ngắn tuổi nghỉ hưu n năm thì thời gian đóng phí BHXH giảm n năm và lương hưu nhận được trước n năm .Như vậy quỹ tài chính BHXH có thể bị bội chi.

3.1.4. Các yếu tố liên quan khi xác định tuổi nghỉ hưu:

- Giới tính;
- Tính chất công việc;
- Đặc điểm nơi làm việc;
- Tình trạng sức khỏe;
- Sự cống hiến trong hoạt động cách mạng;
- Dân số;
- Cung cầu lao động, đặc biệt là đối với những quốc gia có mức sinh cao.
- Quỹ tài chính BHXH ;
- Phản ánh của dư luận xã hội.

3.2. Thời gian đóng phí BHXH:

3.2.1. Khái niệm:

- Là thời gian người lao động liên tục đóng phí BHXH cho cơ quan BHXH từ khi bắt đầu công tác cho đến khi kết thúc quá trình lao động.
- Tất cả các trường hợp nghỉ hưu phải có thời gian đóng phí BHXH từ 20 năm trở lên.

3.2.2. Ý nghĩa của việc qui định thời gian đóng phí BHXH:

- Thể hiện nghĩa vụ , thời gian cống hiến sức lao động của người lao động đối với xã hội và đối với quỹ tài chính BHXH .
- Cơ sở để xác định mức chi trả sao cho hợp lý công bằng giữa những người lao động.

3.3. Các trường hợp nghỉ hưu:

3.3.1. Chế độ hưu theo ND12/ CP ngày 26/1/1995:

Loại hưu	Giới	Tuổi đời	Thời gian đóng BHXH	Các điều kiện khác
1. Bình thường	Nam	Đủ 60	Đủ 20 năm	
	Nữ	Đủ 55	Đủ 20 năm	
2. Bình thường	Nam	Đủ 55	Đủ 20 năm	Có 1 trong 3 điều kiện sau đây: + Đủ 15 năm làm nghề NN-ĐH. + Đủ 15 năm làm việc ở nơi có PCKV từ 0,7 trở lên. + Đủ 10 tham gia các chiến trường : B,C:tính đến 30/4/1975 K:tính đến 31/8/1989 Có thể cộng dồn các chiến trường để tính
	Nữ	Đủ 50	Đủ 20 năm	
1. Mức thấp	Nam	Đủ 60	Đủ 15 năm đến dưới 20	
	Nữ	Đủ 55	Đủ 15 năm đến dưới 20	
2. Mức thấp	Nam	Đủ 50	Đủ 20 năm	Bị mất 61% sức lao động trở lên.
	Nữ	Đủ 45	Đủ 20 năm	
3. Mức thấp	Nam		Đủ 20 năm	Có đủ 2 điều kiện sau đây: - Đủ 15 năm làm nghề NHĐH. - Bị mất 61% sức lao động.
	Nữ		Đủ 20 năm	

3.3.2 Các chế độ hưu theo ND bổ sung sau nghị định 12/CP

Nghị định	Giới	Tuổi đời	Thời gian đóng BHXH	Các điều kiện khác
1. ND71/CP 23/11/2000	Nam	Đủ 60 đến 65		
	Nữ	Đủ 55 đến 60		
1. ND71/CP ngày 23/11/2000	Nam	Đủ 50 tuổi	Có đủ 20 năm	Có ít nhất 15 năm làm việc khai thác hầm lò. Nhưng nếu chưa đủ thời gian đóng BHXH mà vẫn đủ sức khỏe thì vẫn tiếp tục làm việc đến khi đủ

				điều kiện nghỉ hưu nhưng tối đa không quá 55 t.
3.NĐ01/2003 CP ngày 9/1/2003	Nam	Đủ 55 đến dưới 60	Có đủ 30 năm	Làm đơn tự nguyện về hưu và không bị trừ tỷ lệ vì về trước tuổi
	Nữ	Đủ 50 đến dưới 55		

3.3.3. Chế độ hưu theo luật BHXH ký ngày 29/6/2006: (áp dụng từ khi luật BHXH có hiệu lực (01/01/2007) đến nay):

Luật BHXH	Giới	Tuổi đời	Thời gian đóng BHXH	Các điều kiện khác
1. Bình thường (BT 1)	Nam	Đủ 60	Đủ 20 năm	Không
	Nữ	Đủ 55	Đủ 20 năm	Không
2. Bình thường (BT 2)	Nam	Đủ 55 đến đủ 60	Đủ 20 năm	Có 1 trong 2 điều kiện sau: - Đủ 15 năm làm nghề nặng nhọc độc hại. - Hoặc đủ 15 năm làm việc nơi có phụ cấp khu vực ≥ 0.7 .
	Nữ	Đủ 50 đến đủ 55	Đủ 20 năm	
1. Mức thấp (MT 1)	Nam	Đủ 50	Đủ 20 năm	Bị mất 61% sức lao động trở lên
	Nữ	Đủ 45	Đủ 20 năm	
2. Mức thấp (MT 2)	Nam	Không kể tuổi	Đủ 20 năm	Có đủ 2 điều kiện sau: - Đủ 15 năm làm nghề đặc biệt nặng nhọc độc hại. - Bị mất 61% sức lao động trở lên.
	Nữ		Đủ 20 năm	

- *Chú ý cách trừ :*

+ Lấy 61% làm căn cứ.

+ Tuổi đời ở đây để xét điều kiện nghỉ hưu, r phải tính khác.

+ MT1 sẽ lấy BT1 để trừ, MT2 sẽ lấy BT2 để trừ. MT2 có tuổi nghỉ thấp nhất = 35.

- *Một số trường hợp nghỉ hưu khác theo quy định của Chính Phủ (theo NĐ 152/2006/NĐ-CP: (không bị trừ % về trước tuổi)*

+ TH 1: Lao động nam khai thác hầm lò có đủ hai điều kiện sau:

- Đủ 50 tuổi.
- Có 20 năm đóng BHXH trở lên (trong đó có 15 năm trực tiếp khai thác hầm lò).

Khai thác hầm lò, cầu cống không sử dụng lao động nữ và khai thác hầm lò tùy từng khâu, không phải khâu nào cũng nặng nhọc độc hại nguy hiểm nên phải quy định điều kiện chặt chẽ như trên.

+ TH 2: Người lao động bị nhiễm HIV có đủ hai điều kiện sau:

- Bị nhiễm HIV do Tai nạn rủi ro nghề nghiệp (không phải do TNLĐ).
- Có đủ 20 năm đóng BHXH trở lên.

3.4. Công thức - cách tính lương hưu:

Công thức tính:

$$\text{Lương hưu (LH)} = r \times \text{TLBQCCĐBHXH}$$

Trong đó:

r : tỷ lệ lương hưu.

TLBQCCĐBHXH : Tiền lương bình quân làm căn cứ đóng BHXH.

3.4.1. Tính tỷ lệ lương hưu (r) :

Chia làm các giai đoạn sau:

- **Giai đoạn 1: từ 01/1995 đến 11/1998:**

□ r được tính theo Nghị định 12/CP:

+ Không tính tháng lẻ trong thời gian đóng phí BHXH.

Ví dụ: 25 năm 11 tháng chỉ tính 25 năm.

+ Không phân biệt giới tính, nam và nữ đều tính như nhau (có 15 năm đóng phí BHXH thì được 45%, sau đó cứ mỗi năm được cộng thêm 2%).

+ Cứ đủ 1 năm (12 tháng) về trước tuổi thì bị trừ 2%.

+ **Ví dụ:**

1. Ông A về hưu vào tháng 10/1996. Tính đến lúc nghỉ hưu ông có 26 năm 11 tháng đóng BHXH. Tính tỷ lệ lương hưu của ông A ? Ông A đủ tuổi nghỉ hưu.

- Xét điều kiện nghỉ hưu: ông A đủ điều kiện.
- Ông A nghỉ hưu vào tháng 10/1996 thuộc giai đoạn 1.
- Ông có thời gian đóng BHXH là 26 năm 11 tháng : tính 26 năm.
- Cứ 15 năm đóng BHXH $\square$ 45%.
- $$(26 - 15) = 11 \text{ năm} \times 2\% \square 22\%.$$
- Vậy tỷ lệ lương hưu của ông A là $r = 45\% + 22\% = 67\%.$

2. Bà B về hưu vào tháng 10/1996. Tính đến lúc nghỉ hưu bà có 28 năm 8 tháng đóng BHXH. Tính tỷ lệ lương hưu của bà B ? Bà B đủ tuổi nghỉ hưu.

- Xét điều kiện nghỉ hưu: bà B đủ điều kiện.
- Bà B nghỉ hưu vào tháng 10/1996 thuộc vào giai đoạn 1.
- Bà có thời gian đóng BHXH là 26 năm 8 tháng : tính 26 năm.
- Cứ 15 năm đóng BHXH $\square$ 45%.
- $$(26 - 15) = 11 \text{ năm} \times 2\% \square 22\%.$$
- Vậy tỷ lệ lương hưu của bà B là $r = 45\% + 22\% = 67\%.$

3. Ông C về hưu vào tháng 10/1996. Tính đến lúc nghỉ hưu ông có 26 năm đóng BHXH. Tính tỷ lệ lương hưu. Ông C đủ tuổi nghỉ hưu.

- Xét điều kiện nghỉ hưu: ông C đủ điều kiện.
- Ông C nghỉ hưu vào tháng 10/1996 thuộc giai đoạn 1.
- Ông có thời gian đóng BHXH là 26 năm : tính 26 năm.
- Cứ 15 năm đóng BHXH $\square$ 45%.
- $$(26 - 15) = 11 \text{ năm} \times 2\% \square 22\%.$$
- Vậy tỷ lệ lương hưu của ông C là $r = 45\% + 22\% = 67\%.$

Như vậy có sự bất công. Vì nam nữ đều như nhau và thời gian tháng lẻ đều bỏ qua.

- Giai đoạn 2: từ 12/1998 đến 12/2002:

- $\square$ r được tính giống như Nghị định 12/CP nhưng được điều chỉnh về tỷ lệ % trừ. Cứ đủ 1 năm (12 tháng) về trước tuổi thì bị trừ 1%.

- **Giai đoạn 3: từ 01/2003 đến 12/2006:**

□ r được tính theo Nghị định 01 có rất nhiều cách:

+ Tính tháng lẻ:

- Dưới 3 tháng : không tính.
- Từ đủ 3 đến đủ 6 tháng : tính 0.5 năm.
- Từ trên 6 tháng : tính 1 năm.

+ Có ưu đãi cho nữ:

- Đủ 15 năm đóng phí BHXH được hưởng 45 %.
- Sau đó cứ thêm 1 năm thì :
 - Được cộng thêm 2% đối với Nam.
 - Được cộng thêm 3% đối với Nữ.

+ Tỷ lệ % bị trừ khi về trước tuổi: cứ 1 năm về trước tuổi bị trừ 1%.

+ **Ví dụ:**

4. Ông D đủ 60 tuổi, có 36 năm đóng BHXH. Xác định r ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Ông D có 36 đóng BHXH.

+ Ông D 60 tuổi.

Như vậy theo Luật BHXH, ông D đủ điều kiện nghỉ hưu □ **BT1**

- Cứ 15 năm đóng BHXH □ 45%.

$$(36 - 15) = 21 \text{ năm} \times 2\% \square 42\%.$$

$$\text{Tổng cộng} = 45 + 42 = 87\% > \text{max} = 75\%.$$

- Vậy r = 75%.

5. Bà E đủ 55 tuổi, có 23 năm đóng BHXH. Xác định r ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Bà E có 23 đóng BHXH.

+ Bà E đủ 55 tuổi.

Như vậy theo Luật BHXH, bà E đủ điều kiện nghỉ hưu □ **BT1**

- Cứ 15 năm đóng BHXH □ 45%.

$$(23 - 15) = 8 \text{ năm} \times 3\% \square 24\%$$

$$\text{Tổng cộng} = 45 + 24 = 69\%.$$

- Vậy $r = 69\%$.

Cách khác:

- Chỉ áp dụng đối với Nữ : $r = \text{số năm đóng BHXH} \times 3\% = ?$

(vì 45% chia 15 = 3% mỗi năm)

- Áp dụng VD5 : $r = 23 \times 3\% = 69\%$.

6. Bà F nghỉ hưu đủ 50 tuổi, có 22 năm đóng BHXH, có 15 năm làm ngành nghề NNDH. Xác định r ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Bà F có 22 năm đóng BHXH.

+ Bà F 50 tuổi.

+ Có 15 năm làm ngành nghề NNDH.

Như vậy theo Luật BHXH, bà F đủ điều kiện nghỉ hưu □ **BT2**

- Tính $r = 22 \times 3\% = 66\%$.

7. Ông G về hưu vào tháng 06/2004. Tính đến lúc nghỉ hưu ông được 54 tuổi. Tỷ lệ mất sức lao động 61%. Ông có 27 năm 4 tháng đóng BHXH. Tính tỷ lệ lương hưu của ông G?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Ông G có 27 năm 4 tháng đóng BHXH : tính 27.5 năm.

+ Ông G 54 tuổi.

+ Mất sức lao động 61%.

Như vậy theo Luật BHXH, ông G đủ điều kiện nghỉ hưu □ **MT 1**

- Cứ 15 năm đóng BHXH □ 45%.

$$(27.5 - 15) = 12.5 \text{ năm} \times 2\% \square 25\%.$$

$$\text{Tổng cộng} = 45 + 25 = 70\%.$$

- Ông G về hưu sớm nên phải chịu mức lương hưu thấp.

- Ông G về trước: $60 - 54 = 6$ năm.

$$\text{Tỷ lệ bị trừ} : 6 \text{ năm} \times 1\% = 6\%.$$

Vậy tỷ lệ lương hưu của ông G là $r = 70\% - 6\% = 64\%$.

8. Bà H nghỉ hưu từ tháng 10/2005. Tính đến lúc nghỉ hưu bà H được 48 tuổi. Bà có 24 năm 8 tháng đóng BHXH. Bà bị mất sức lao động 61%. Tính tỷ lệ lương hưu của bà H?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Bà H có 24 năm 8 tháng đóng BHXH : tính 25 năm.

+ Bà H được 48 tuổi.

+ Mất sức lao động 61%.

Như vậy theo luật BHXH, bà H đủ điều kiện nghỉ hưu ☐ **MT 1**

- Cứ 15 năm đóng BHXH ☐ 45%.

$$(25 - 15) = 10 \text{ năm} \times 3\% \input{checkbox} 30\%.$$

$$\text{Tổng cộng} = 45 + 30 = 75\%.$$

- Bà H về hưu sớm nên phải chịu mức lương hưu thấp.

- Bà H về trước: $55 - 48 = 7$ năm.

$$\text{Tỷ lệ bị trừ} : 7 \text{ năm} \times 1\% = 7\%.$$

Vậy tỷ lệ lương hưu của bà H là $r = 75\% - 7\% = 68\%$.

9. Bà Lan sinh ngày 02/05/1955. Bà nghỉ hưu từ tháng 08/2007. Các thông tin liên quan đến bà như sau:

- Bắt đầu làm việc và đóng BHXH từ tháng 10/1983 và trong đó có 14 tháng bị đứt quãng không đóng BHXH.

- Bà bị mất sức lao động 61%.

Tính tỷ lệ lương hưu của bà Lan ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Tính tuổi bà Lan: $08/2007 - 05/1995 = 3 \text{ tháng } 52 \text{ năm } \square 52 \text{ tuổi } 3 \text{ tháng}$.

+ Tính thời gian đóng phí BHXH:

$08/2007 - 10/1983 = 10 \text{ tháng } 23 \text{ năm}$

Đứt quãng 14 tháng nên : $23 \text{ năm } 10 \text{ tháng} - 14 \text{ tháng} = 22 \text{ năm } 8 \text{ tháng}$.

Vậy thời gian đóng BHXH của bà: $22 \text{ năm } 8 \text{ tháng } \square 23 \text{ năm}$.

+ Bà mất sức lao động 61%.

Theo luật BHXH, bà Lan đủ điều kiện nghỉ hưu $\square$ **MT 1**

- Cứ 15 năm đóng BHXH $\square$ 45%.

$(23 - 15) = 8 \text{ năm} \times 3\% \square 24\%$.

Tổng cộng $= 45 + 24 = 69\%$.

- Bà Lan về hưu sớm nên phải chịu mức lương hưu thấp.

Bà về hưu lúc 52 tuổi 3 tháng, về trước tuổi:

$55 \text{ năm} - 52 \text{ năm } 3 \text{ tháng} = 2 \text{ năm } 9 \text{ tháng } \square 2 \text{ năm}$.

(Lưu ý: phải đủ 12 tháng mới tính 1 năm khi trừ % về trước tuổi)

Tỷ lệ bị trừ : $2 \text{ năm} \times 1\% = 2\%$

Vậy tỷ lệ lương hưu của bà Lan là $r = 69\% - 2\% = 67\%$.

10. Ông Hữu về hưu vào 10/2007. Lúc đó ông đủ 57 tuổi. Thời gian đóng phí BHXH của ông Hữu là 32 năm. Ông mất sức lao động 61%. Tính tỷ lệ lương hưu của ông?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Ông Hữu đủ 57 tuổi.

+ Có 32 năm đóng BHXH.

+ Mất sức lao động 61%.

Theo luật BHXH, ông Hữu đủ điều kiện nghỉ hưu $\square$ **MT 1**

- Cứ 15 năm đóng BHXH $\square$ 45%.

$(32 - 15) = 17 \text{ năm} \times 2\% \square 34\%$.

Tổng cộng $= 45 + 34 = 79\%$ vượt mức tối đa 75%

Đưa về mức tối đa 75%.

(Lưu ý: Khi tỷ lệ tính ra vượt 75% phải đưa về mức max = 75%)

- Ông Hữu về hưu sớm nên phải chịu mức lương hưu thấp.

Ông Hữu về trước: $60 - 57 = 3$ năm.

Tỷ lệ bị trừ : $3 \text{ năm} \times 1\% = 3\%$.

Vậy tỷ lệ lương hưu của ông Hữu là $r = 75\% - 3\% = 72\%$.

11. Ông Mạnh về hưu đủ 53 tuổi, có 22 năm đóng BHXH. Ông có 15 năm làm ngành nghề NNĐH và suy giảm 61% KNLD. Xác định r ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Ông Mạnh đủ 53 tuổi.

+ Có 22 năm đóng BHXH.

+ Có 15 năm làm ngành nghề NNĐH.

+ Mất sức lao động 61%.

Theo luật BHXH, ông Mạnh đủ điều kiện nghỉ hưu ☐ **MT 2**

- Cứ 15 năm đóng BHXH ☐ 45%.

$(22 - 15) = 7 \text{ năm} \times 2\% \input{checkbox} 14\%$.

Tổng cộng = $45 + 14 = 59\%$.

- Ông Mạnh về hưu sớm nên phải chịu mức lương hưu thấp

Ông Mạnh về trước: $55 - 53 = 2$ năm.

Tỷ lệ bị trừ : $2 \text{ năm} \times 1\% = 2\%$.

Vậy tỷ lệ lương hưu của ông Mạnh là $r = 59\% - 2\% = 57\%$.

12. Bà Mai nghỉ hưu lúc đủ 48 tuổi, có 22 năm 3 tháng đóng BHXH. Bà có 15 năm làm ngành nghề NNĐH và suy giảm 61% . Xác định r ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Bà Mai có 22 năm 3 tháng đóng BHXH : tính 22.5 năm.

+ Bà Mai được 48 tuổi.

+ Có 15 năm làm ngành nghề NNĐH.

+ Mất sức lao động 61%.

Như vậy theo luật BHXH, bà Mai đủ điều kiện nghỉ hưu ☐ **MT 2**

- Tính $r = 22.5 \times 3\% = 67.5\%$

- Bà Mai về hưu sớm nên phải chịu mức lương hưu thấp.

- Bà Mai về trước: $50 - 48 = 2$ năm.

Tỷ lệ bị trừ : $2 \text{ năm} \times 1\% = 2\%$.

Vậy $r = 67.5\% - 2\% = 65.5\%$.

13. Bà Linh sinh vào ngày 14/02/1962. Bà nghỉ hưu vào 03/2010. Bà có 24 năm 8 tháng đóng BHXH và suy giảm 61% KNLD. Xác định r ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Bà Linh có 24 năm 8 tháng đóng BHXH : tính 25 năm

+ Tuổi:

(28)(02)

01/03/2010

14/02/1962

14-00-48

48 tuổi 1 tháng

+ Mất sức lao động 61%.

Theo luật BHXH, bà Linh đủ điều kiện nghỉ hưu ☐ **MT 1**

- Tính $r = 25 \times 3\% = 75\%$

- Bà Linh về hưu sớm nên phải chịu mức lương hưu thấp.

Bà Linh về trước: **55 – 48 n 1 th = 6 năm 11 tháng : tính 6 năm**

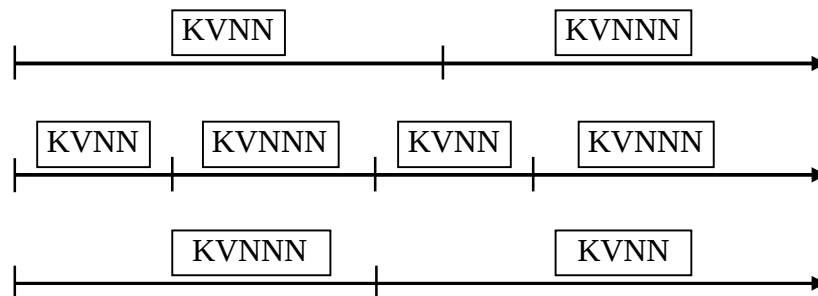
Tỷ lệ bị trừ : $6 \text{ năm} \times 1\% = 6\%$.

Vậy $r = 75\% - 6\% = 69\%$.

3.4.2. Tính tiền lương bình quân làm căn cứ đóng BHXH ($L_{BQCCDBHXX}$) :

Bao gồm 3 đối tượng:

- Người lao động làm việc trong khu vực nhà nước (lương tính theo HSL): hiện nay có nghỉ hưu (chủ yếu).
- Người lao động vừa làm việc trong khu vực nhà nước, vừa làm việc ở khu vực ngoài nhà nước. Bao gồm các trường hợp:



- Người lao động hoàn toàn hoạt động ở khu vực ngoài nhà nước: hiện nay chưa có trường hợp nghỉ hưu vì đóng BHXH từ 1995 (do KVNNN hoạt động từ 1995).

a. Nhóm 1: Người lao động làm việc trong khu vực nhà nước (chế độ tiền lương do Nhà nước quy định)

- Đối với người lao động làm việc trong khu vực nhà nước hưởng lương theo thang bảng lương nhà nước thì $L_{BQCCDBHXX}$ được tính dựa trên $L_{minchung}$.
- Người lao động làm việc trong khu vực nhà nước nghỉ hưu vào thời điểm nào thì mức $L_{BQCCDBHXX}$ được tính dựa trên mức $L_{minchung}$ **tại thời điểm đó** (nguyên tắc trượt giá).

(Tại sao phải lấy mức $L_{minchung}$ tại thời điểm nghỉ hưu ? Vì lúc này người lao động đang sinh sống với mức lương min hiện tại nên lấy mức $L_{minchung}$ tại thời điểm nghỉ hưu mới có thể phù hợp với thời giá, mang tính chất an sinh).

- Chia làm các giai đoạn sau:

Giai đoạn 1: Thời gian đóng phí BHXH trước tháng 01/1995 (hiện nay)

- $L_{BQCCDBHXX}$ (Lương bình quân làm căn cứ đóng BHXH) tính trên 5 năm cuối cùng (60 tháng) trước khi nghỉ hưu.

- Công thức:

$$L_{BQCCDBHXX} = \frac{\sum L_5 \text{ năm cuối cùng}}{5 \times 12} = \frac{\sum L_5 \text{ năm cuối cùng}}{60}$$

Giai đoạn 2: Thời gian đóng phí BHXH từ tháng 01/1995 đến tháng 12/2000:

- $L_{BQCCDBHXX}$ tính trên 6 năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu.

- Công thức:

$$L_{BQCCDBHXX} = \frac{\sum L_6 \text{ năm cuối cùng}}{6 \times 12} = \frac{\sum L_6 \text{ năm cuối cùng}}{72}$$

Giai đoạn 3: Thời gian đóng phí BHXH từ tháng 01/2001 đến tháng 12/2006:

- $L_{BQCCDBHXX}$ tính trên 8 năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu.

- Công thức:

$$L_{BQCCDBHXX} = \frac{\sum L_8 \text{ năm cuối cùng}}{8 \times 12} = \frac{\sum L_8 \text{ năm cuối cùng}}{96}$$

Giai đoạn 4: Thời gian đóng phí BHXH từ tháng 01/2007 đến nay:

- $L_{BQCCDBHXX}$ tính trên 10 năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu.

- Công thức:

$$L_{BQCCDBHXX} = \frac{\sum L_{10} \text{ năm cuối cùng}}{10 \times 12} = \frac{\sum L_{10} \text{ năm cuối cùng}}{120}$$

(Tại sao chỉ lấy 5,6,8,10 năm cuối KVVN ? Vì tiền lương các thời kỳ trước thấp và không phù hợp hiện tại. Những năm về sau thời gian tăng dần 6;8;10 năm vì những thời kỳ sau tiền lương đã được điều chỉnh tương đối hơn so với thời kỳ trước và cũng nhằm đảm bảo quỹ tài chính BHXH. Hầu hết các nước trên Thế giới đều tính cả quá trình)

- Ví dụ:

1. Bà Hoa nghỉ hưu lúc 52 tuổi, có 23 năm đóng BHXH, bà suy giảm 61% KNLĐ.

Diễn biến tiền lương đóng BHXH giai đoạn cuối trước khi nghỉ hưu của bà:

- 06/2004 đến 08/2006 : HSL : 3.99

- 09/2006 đến 08/2009 : HSL : 4.32

- 09/2009 đến 06/2010 : HSL : 4.66

Hãy tính L_H tại thời điểm nghỉ hưu của bà. Biết bà nghỉ hưu vào đầu tháng 07/2010.

- **Xét điều kiện nghỉ hưu:**

+ Bà Hoa đủ 52 tuổi.

+ Có 23 năm đóng BHXH.

+ Mất sức lao động 61%.

Theo luật BHXH, bà Hoa đủ điều kiện nghỉ hưu ☐ **MT 1**

$$L_H = L_{BQCCĐ BHXH} \times r$$

- **Tính r :**

$$r = 23 \times 3\% = 69\%$$

$$\text{Về sớm} : 55 - 52 = 3 \text{ năm } \square \text{ bị trừ } 3 \times 1\% = 3\%$$

$$\text{Vậy } r = 69\% - 3\% = \mathbf{66\%}.$$

- **Tính $L_{BQCCĐ BHXH}$:**

Vì bà Hoa làm việc toàn thời gian ở KV Nhà nước nên $L_{BQCCĐ BHXH}$ tính trên 5 năm cuối cùng (60 tháng) trước khi nghỉ hưu (thời gian đóng phí BHXH của bà trước tháng 01/1995)

+ Xác định thời gian: (xác định ngược)

$$06/2004 - 08/2006 : HSL : 3.99 \square \text{ chỉ lấy 14 tháng}$$

$$09/2006 - 08/2009 : HSL : 4.32 \square 36 \text{ tháng}$$

$$09/2009 - 06/2010 : HSL : 4.66 \square 10 \text{ tháng}$$

$$+ L_{BQCCĐ BHXH} = HSL_{BQ} \times L_{\text{minhchung 07/2010}}$$

$$HSL_{BQ} = [(3.99 \times 14) + (4.32 \times 36) + (4.66 \times 10)] / 60$$

$$= 4.30$$

$$L_{BQCCĐ BHXH} = 4.30 \times 730,000 = \mathbf{3,138,756 \text{ VNĐ}}$$

- **Vậy L_H :**

$$L_H = 3,138,756 \times 66\% = \mathbf{2,071,579 \text{ VNĐ}}$$

2. Bà Mai nghỉ hưu tháng 02/2010. Tại thời điểm nghỉ hưu bà được 53 tuổi 2 tháng. Bà có 26 năm đóng BHXH. Bà suy giảm 61% KNLD. Diễn biến tiền lương của bà như sau:

- 06/2004 đến 08/2006 : HSL : 4.32

- 09/2006 đến 08/2009 : HSL : 4.65 + PC công việc : 0.2 + PC chức vụ : 0.4

- 09/2009 đến 01/2010 : HSL : 4.98

Hãy xác định Lương hưu của bà ? Đến tháng 05/2010 Lương hưu của bà có thay đổi không ? Tại sao ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Bà Mai 53 tuổi 2 tháng.

+ Có 26 năm đóng BHXH.

+ Mất sức lao động 61%.

Theo luật BHXH, bà Mai đủ điều kiện nghỉ hưu ☐ MT 1

$$L_H = L_{BQCCĐ\ BHXH} \times r$$

- Tính r:

$$r = 26 \times 3\% = 78\% \quad \square \quad r_{\max} = 75\%$$

$$\text{Về sớm : } 55 - 53 \text{ n } 2 \text{ th} = 1 \text{ n } 10 \text{ th} \quad \square \quad \text{bị trừ } 1 \times 1\% = 1\%$$

$$\text{Vậy } r = 75\% - 1\% = 74\%.$$

- Tính $L_{BQCCĐ\ BHXH}$:

Vì bà Mai làm việc toàn thời gian ở KV Nhà nước nên $L_{BQCCĐ\ BHXH}$ tính trên 5 năm cuối cùng (60 tháng) trước khi nghỉ hưu (thời gian đóng phí BHXH của bà trước tháng 01/1995)

+ Xác định thời gian: (xác định ngược)

$$06/2004 - 08/2006 : HSL : 4.32 \quad \square \quad \text{chỉ lấy 19 tháng}$$

$$09/2006 - 08/2009 : HSL : 4.65 + PC \text{ chức vụ} : 0.4 \quad \square \quad 36 \text{ tháng}$$

$$09/2009 - 01/2010 : HSL : 4.98 \quad \square \quad 5 \text{ tháng}$$

$$+ L_{BQCCĐ BHXH} = HSL_{BQ} \times L_{minchung 01/2010}$$

$$HSL_{BQ} = \{(4.32 \times 19) + [(4.65 + 0.4) \times 36] + (4.98 \times 5)\} / 60 \\ = 4.813$$

$$L_{BQCCĐ BHXH} = 4.813 \times 650,000 = \mathbf{3,128,450 \text{ VNĐ}}$$

- **Vậy L_H :**

$$L_H = 3,128,450 \times 74\% = \mathbf{2,135,053 \text{ VNĐ}}$$

- **Đến tháng 05/2010 :** Bà Mai sẽ được hưởng mức Lương hưu được điều chỉnh lại, do $L_{minchung}$ tăng. Cụ thể như sau:

$$+ \text{Hệ số điều chỉnh} \quad a = (730,000 - 650,000) / 650,000 \\ = 0.123 \text{ (hay 12.3\%)}$$

+ Do đó Lương Hưu từ tháng 05/2010 của Bà Mai là:

$$L_H \text{ từ 05/2010} = L_H + L_H \times 0.123 \\ = 2,135,053 + 2,135,053 \times 0.123 \\ = \mathbf{2,397,664 \text{ VNĐ}}$$

b. Nhóm 2: Người lao động vừa làm việc trong khu vực nhà nước vừa có thời gian làm việc ở khu vực ngoài nhà nước

▪ $L_{BQCCĐBHXH}$ tính trên tổng thời gian đóng phí BHXH.

▪ Công thức:

$$L_{BQCCĐBHXH} = \frac{\sum L_{CCĐ BHXH KVNN} + \sum L_{CCĐ BHXH KVNNN}}{\sum \text{Thời gian đóng phí BHXH}}$$

▪ Trong đó:

+ $\sum L_{CCĐ BHXH - KVNN}$ được tính như sau:

$$\sum L_{CCĐ BHXH - KVNN} = L_{BQCCĐ BHXH} \text{ (tính trên 5;6;8 hay 10 năm cuối cùng)} \times \text{Số tháng làm việc ở khu vực nhà nước.}$$

(Chú ý: $L_{minchung}$ để tính $L_{BQCCĐ BHXH}$ ở KVNN lấy tại thời điểm nghỉ hưu)

+ $\sum L_{CCĐBHXXH} - KVN NN$ được tính bằng cách tính tổng $L_{BQCCĐ BHXH} - NNN$ khi người làm việc ở khu vực ngoài nhà nước.

(Hỏi: có trường hợp làm việc ở Nhà nước chỉ 4 năm thì tính như thế nào ? và năm 2010 có người nghỉ hưu nào rơi vào trường hợp đó không ? Tại sao ? Nếu chỉ làm việc ở Nhà nước 4 năm thì sẽ có hướng dẫn và thường làm việc bao nhiêu sẽ tính bấy nhiêu. Năm 2010 không thể có trường hợp đó vì năm 1995 mới có KV NNN nên tính đến năm 2010 chỉ được 19 năm chưa đủ để nghỉ hưu, 2011 sẽ có).

▪ Ví dụ:

1. Ông AB nghỉ việc từ đầu tháng 10/2008 hưởng lương hưu khi ông 60 tuổi. Ông có 22 năm 9 tháng đóng BHXH. Diễn biến thời gian đóng BHXH của ông như sau:

- Từ 01/1986 – 12/1996 : làm việc khu vực nhà nước.
- Từ 01/1997 – 09/2000 : làm việc khu vực ngoài nhà nước.
- Từ 10/2000 – 09/2008 : làm việc ở khu vực nhà nước.

Xác định $L_{BQCCĐBHXXH}$ của ông AB ?

- Xác định thời gian:

- + Từ 01/1986 – 12/1996 : lấy 12/1996 trừ 01/1986 = 11 năm.
- + Từ 01/1997 – 09/2000 : 3 năm 9 tháng.
- + Từ 10/2000 – 09/2008 : 8 năm.

- Tính $\sum L_{CCĐBHXXH} - KVNN = L_{BQCCĐ BHXH} (5;6;8;10 \text{ năm cuối cùng}) \times \text{Số tháng làm việc ở khu vực nhà nước.}$

+ Số tháng làm việc ở khu vực nhà nước của ông AB là :

$$11 \text{ năm} + 8 \text{ năm} = 19 \text{ năm} \square 228 \text{ tháng.}$$

+ $L_{BQCCĐ BHXH} (5 \text{ năm cuối cùng}) = [\text{tổng số tiền lương đóng BHXH của 5 năm cuối đóng BHXH làm việc ở khu vực nhà nước (từ tháng 10/2003 đến 09/2008)}] / 60 \text{ tháng}$

- Tính $\sum L_{CCĐ BHXXH} - KVN NN$.

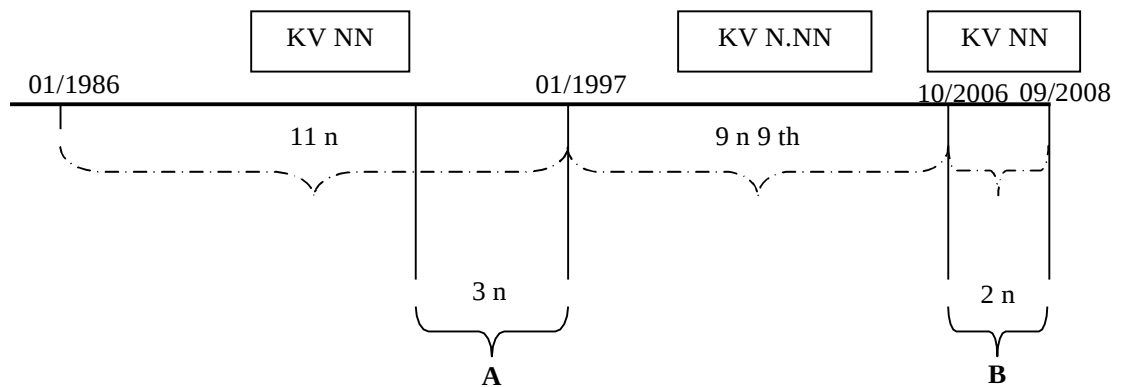
- $\sum \text{Thời gian đóng phí BHXH} = 11 \text{ năm} + 3 \text{ năm } 9 \text{ tháng} + 8 \text{ năm}$
 $= 22 \text{ năm } 9 \text{ tháng}$

= 273 tháng.

2. Tương tự ví dụ 1 nhưng thời gian thay đổi như sau:

- Từ 01/1986 – 12/1996 : làm việc khu vực nhà nước.
- Từ 01/1997 – 09/2006 : làm việc khu vực ngoài nhà nước.
- Từ 10/2006 – 09/2008 : làm việc ở khu vực nhà nước.

Xác định $L_{BQCCDBHXX}$ của ông B ?



- Tương tự cách tính như ví dụ 1.
- Lưu ý khu vực nhà nước lấy 5 năm cuối cùng = A + B để tính $L_{BQCCDBHXX-KVNN}$ và $L_{minchung}$ tính tại tháng 10/2008.

3. Ông Minh nghỉ hưu từ 04/2010, lúc đó ông 60 tuổi, có 30 năm đóng BHXH. Diễn biến tiền lương của ông như sau:

- 04/2001 đến 10/2004 : HSL : 3.33
- 11/2004 đến 08/2007 : HSL : 3.66
- 09/2007 đến 10/2008 : Lương = 3,000,000 VNĐ
- 11/2008 đến 03/2010 : Lương = 4,000,000 VNĐ

Hãy tính Lương Hưu của ông Minh ?

- Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Ông Minh có 30 năm (360 tháng) đóng BHXH.

+ Ông Minh 60 tuổi.

Như vậy theo Luật BHXH, ông Minh đủ điều kiện nghỉ hưu □ **BT1**

$$L_H = L_{BQCCĐ BHXH} \times r$$

- **Tính r:**

Cứ 15 năm đóng BHXH □ 45%.

$$(30 - 15) = 15 \text{ năm} \times 2\% \square 30\%.$$

$$\text{Tổng cộng} = 45 + 30 = \mathbf{75\%}.$$

- Vậy $r = 75\%$.

- **Tính $L_{BQCCĐ BHXH}$:**

Xét thời gian:

04/2001 đến 10/2004 : HSL : 3.33

26 tháng KVNN

11/2004 đến 08/2007 : HSL : 3.66

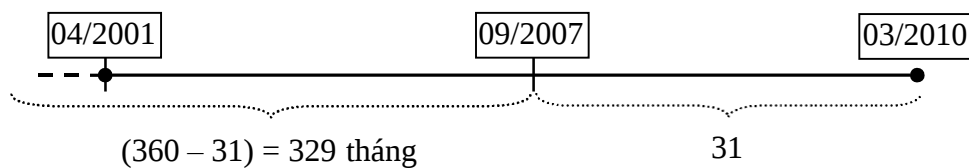
34 tháng KVNN

09/2007 đến 10/2008 : Lương = 3,000,000 VNĐ

14 tháng KV NNN

11/2008 đến 03/2010 : Lương = 4,000,000 VNĐ

17 tháng KV NNN



+ Xét KVNN:

$$\sum L_{CCĐBHXH - KVNN} = L_{BQCCĐ BHXH - KVNN} \times \text{Thg đóng phí BHXH KVNN}$$

$$\text{Mà } L_{BQCCĐ BHXH - KVNN} = HSL_{BQ} \times L_{\text{minchung 04/2010}}$$

$$HSL_{BQ} = [(3.33 \times 26) + (3.66 \times 34)] / 60 = 3.517$$

$$\text{Suy ra } L_{BQCCĐ BHXH} = 3.517 \times 650,000 = 2,286,050 \text{ VNĐ}$$

Vậy:

$$\sum L_{CCDBHXX} - KVNN = 2,286,050 \times 329 = \mathbf{752,110,450 \text{ VNĐ}}$$

+ Xét KVNNN:

$$\begin{aligned}\sum L_{CCDBHXX} - KVNNN &= (3,000,000 \times 14) + (4,000,000 \times 17) \\ &= \mathbf{110,000,000 \text{ VNĐ}}\end{aligned}$$

Tính KV NNN như vậy phát sinh bất cập: tại sao LKVNN thì được điều chỉnh theo Lminchung còn LKVNNN thì không điều chỉnh. Chính vì thế nên mỗi năm Cơ quan BHXH đều đưa ra một bảng điều chỉnh hệ số nhằm khắc phục tình trạng bất cập này do KVNNN không tính lương theo Lminchung.

*(Bảng do Tổng cục thống kê đưa ra theo yêu cầu của cơ quan BHXH hàng năm dựa trên mức chênh lệch tỷ số giá. **Đính kèm sau chương này**)*

Vì thế KVNNN sẽ được điều chỉnh như sau:

Từ 09/2007 đến 03/2010 có các giai đoạn sau:

- + 09/2007 – 12/2007: 4 tháng 2007 có hệ số điều chỉnh $a' = 1.31$
- + 01/2008 – 12/2008: 12 tháng 2008 có HS điều chỉnh $a' = 1.07$
- + 01/2009 – 12/2009: 12 tháng 2009 có HS điều chỉnh $a' = 1.00$
- + 01/2010 – 03/2010: 3 tháng 2010 có HS điều chỉnh $a' = 1.00$

Kết hợp với diễn biến tiền lương.

Suy ra

$$\begin{aligned}\sum L_{CCDBHXX} - KVNNN &= [(3,000,000 \times 4 \times 1.31) + (3,000,000 \times 10 \times 1.07) \\ &+ (4,000,000 \times 2 \times 1.07) + (4,000,000 \times 15 \times 1.00)] \\ &= \mathbf{116,380,000 \text{ VNĐ}}\end{aligned}$$

- Vậy $L_{BQCCDBHXX}$ được tính:

$$\begin{aligned}L_{BQCCDBHXX} &= (752,110,450 + 116,380,000) / 360 \\ &= \mathbf{2,412,473 \text{ VNĐ}}\end{aligned}$$

- Lương hưu của ông Minh:

$$L_H = 2,412,473 \times 75\% = 1,809,355 \text{ VNĐ}$$

c. Nhóm 3: Người lao động chỉ làm việc ở khu vực ngoài nhà nước (chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định)

- $L_{BQCCDBHXX}$ được tính trên tổng thời gian đóng phí BHXH theo tiền lương đã được ký kết.
- Công thức tính:

$$L_{BQCCDBHXX} = \frac{\sum L_{CCĐ BHXX KVNN}}{\sum \text{Thời gian đóng phí BHXH}}$$

Kết luận:

- Khi tính Lương hưu phải xác định được hai thành phần cơ bản : r và $L_{BQCCĐ BHXX}$
- Lương hưu thấp nhất = $L_{minchung}$ tại thời điểm nghỉ hưu.

(Thực hành phần Bài tập đính kèm từ Bài 1,2,3,4,5,6)

3.5. Trợ cấp 1 lần:

3.5.1. Trường hợp đủ điều kiện nghỉ hưu và có trợ cấp một lần khi nghỉ hưu:

Dành cho những người lao động có thời gian đóng phí BHXH dài lâu. Quy định cụ thể như sau:

- Đối với nữ : có thời gian đóng phí BHXH trên 25 năm (>25 năm).
- Đối với nam : có thời gian đóng phí BHXH trên 30 năm (>30 năm).

Cách tính:

+ Cứ **tăng 1 năm** thì được hưởng **0.5 x $L_{BQCCĐ BHXX}$** .

+ Tính tháng lẻ:

≤ 2 tháng : không tính

$3 \text{ tháng} \leq \text{Thời gian} \leq 6 \text{ tháng}$: tính 0.5 năm

> 6 tháng : tính 1 năm

Ví dụ:

1. Ông AC có thời gian đóng phí BHXH 31 năm 3 tháng. Tính tiền trợ cấp 1 lần của ông. Biết $T_{LBQCCĐBHXH}$ của ông AC là 2,870,000 VNĐ.

- Thời gian được trợ cấp 1 lần:

31 n 3 th □ được tính 31.5 năm

$31.5 \text{ n} - 30 \text{ n} = 1.5 \text{ năm}$

- Trợ cấp 1 lần = $1.5 \times 0.5 \times L_{BQCCĐ \text{ BHXH}} = 1.5 \times 0.5 \times 2,870,000 = 2,152,500 \text{ VNĐ}$.

2. Bà AD có thời gian đóng phí BHXH 29 năm 8 tháng. Tính tiền trợ cấp 1 lần của bà. Biết $T_{LBQCCĐBHXH}$ của bà AD là 1,850,000 VNĐ.

- Thời gian được trợ cấp 1 lần:

29 n 8 th □ được tính 30 năm

$30 \text{ n} - 25 \text{ n} = 5 \text{ năm}$

- Trợ cấp 1 lần = $5 \times 0.5 \times L_{BQCCĐ \text{ BHXH}} = 5 \times 0.5 \times 1,850,000 = 4,625,000 \text{ VNĐ}$.

3.5.2. Các trường hợp không đủ điều kiện nghỉ hưu:

3.5.2.1. Trường hợp không được trợ cấp 1 lần:

Nếu một người lao động :

- Đủ 20 năm đóng phí BHXH ($t \geq 20 \text{ năm}$)

- Và tuổi đời chưa đủ.

- Và đã kết thúc quá trình lao động.

□ Người lao động có thể hưởng hưu chờ nhưng không được trợ cấp 1 lần.

Tuy nhiên nếu trong thời gian chờ, người lao động này lại tiếp tục làm việc thì thời gian đóng phí BHXH này sẽ được cộng dồn.

- Mục đích: an sinh tuổi già cho người lao động.

- Ví dụ:

1. Ông K bị tình giảm biên chế, tính đến lúc nghỉ ông K có khoảng thời gian đóng phí BHXH là 21.5 năm và lúc đó ông được 41 tuổi.

+ Như vậy ông sẽ có thời gian chờ là 19 năm (vì $t = 21.5 \text{ năm} > 20 \text{ năm}$).

+ Lưu ý nếu $t < 20$ năm thì người lao động sẽ hưởng trợ cấp 1 lần), $t > 20$ không có trợ cấp 1 lần mà phải chờ đủ tuổi.

+ Trường hợp này ông K sẽ có thể đóng BHXH tự nguyện để cộng dồn thời gian hoặc chờ hưu (hưu chờ).

2. Chị A 47 tuổi, chị có 21 năm đóng BHXH, chị chấm dứt làm việc do bệnh hiểm nghèo, và chỉ còn sống 2 tháng. Chị yêu cầu BHXH trợ cấp 1 lần cho chị có được không ?

+ Không được trợ cấp vì chị đã đóng BHXH với $t > 20$ năm nên phải đợi hưu chờ. Đây là điểm bất cập nhưng phải chấp nhận theo Luật.

3.5.2.2. Trường hợp được nhận trợ cấp 1 lần:

a. Nếu một người lao động :

- Có thời gian đóng phí BHXH không đủ 20 năm nhưng đã đóng phí BHXH từ 15 năm trở lên ($15 \text{ năm} \leq t < 20 \text{ năm}$)

- Và tuổi đời đủ điều kiện.

☐ Người lao động có quyền đóng phí BHXH tự nguyện cho đến khi đủ 20 năm nhưng không được đóng dồn mà phải đóng theo quy định của BHXH tự nguyện.

b. Nếu một người lao động :

- Tuổi đời không đủ điều kiện.

- Và thời gian đóng phí BHXH không đủ ($t < 20 \text{ năm}$).

☐ BHXH sẽ kết sổ và cho người lao động giữ.

Sau **1 năm** nếu không có mối quan hệ về lao động thì người lao động sẽ có 2 lựa chọn:

+ Nếu người lao động yêu cầu thì cơ quan BHXH sẽ chi trợ cấp một lần và sau khi nhận trợ cấp nếu sau này người lao động tiếp tục đi làm và đăng ký BHXH thì thời gian đóng phí BHXH sẽ được xác lập mới lại từ đầu ;

+ Nếu người lao động không yêu cầu thì thời gian vẫn sẽ được bảo lưu và sẽ được cộng dồn thời gian nếu sau này người lao động có phát sinh quan hệ lao động và tham gia BHXH.

(Câu hỏi: Tại sao phải chờ 1 năm sau giải quyết ? trước năm 2003: không chờ, từ 2003 – 2007: chờ 0.5 năm, từ 2008 – nay: chờ 1 năm. Lý do: vì hưu trí là quan trọng nhất trong BHXH vì người gia có những rủi ro như: cô đơn, không tạo ra tài sản. Chính vì thế nếu xóa sạch thời gian đóng BHXH cho nhận trợ cấp 1 lần mà không

tính thời gian chờ thì cơ hội được hưởng lương hưu gần như bằng 0 vì tỷ lệ thất nghiệp lúc nào cũng tồn tại và người lao động khi thất nghiệp không tạo ra thu nhập họ sẽ yêu cầu trợ cấp 1 lần ngay. Chính vì thế Nhà nước ra quy định chờ 1 năm, với mục đích:

- + Bảo đảm tỷ lệ có lương hưu của người lao động;*
- + Tránh thâm hụt quỹ tài chính BHXH (do nhận trợ cấp gấp sẽ không chi trả kịp).*
- + Bảo đảm an sinh xã hội, giảm gánh nặng xã hội)*

c. Nếu một người lao động:

- Chưa đủ thời gian đóng phí BHXH ($t < 20$ năm).
 - Và suy giảm KNLD $\geq 61\%$.
 - Và kết thúc quá trình lao động.
- ☐ BHXH sẽ trợ cấp 1 lần cho người lao động này.

d. Nếu một người lao động:

- Ra nước ngoài định cư hợp pháp.
- ☐ BHXH cũng sẽ trợ cấp 1 lần cho người lao động này.

Mức trợ cấp 1 lần cho (a,b,c,d):

+ Mức trợ cấp 1 lần : cứ **1 năm** đóng phí BHXH sẽ được hưởng **1.5 x $L_{BQCCĐ\text{ BHXH}}$**

+ Tính tháng lẻ:

≤ 2 tháng : không tính

$3 \text{ tháng} \leq \text{Thời gian} \leq 6 \text{ tháng}$: tính 0.5 năm

> 6 tháng : tính 1 năm

+ Ví dụ: Bà H nghỉ việc và có 13 năm 5 tháng đóng phí BHXH. $L_{BQCCĐ\text{ BHXH}} = 2,500,000$ VNĐ. Tính trợ cấp 1 lần. Biết rằng bà H không có bất kỳ mối quan hệ về lao động nào tiếp diễn sau khi nghỉ việc.

$t = 13 \text{ n } 5 \text{ th}$ ☐ tính 13.5 n

Trợ cấp 1 lần = $13.5 \times 1.5 \times L_{BQCCĐ\text{ BHXH}}$

= $13.5 \times 1.5 \times 2,500,000$

Môn: Bảo Hiểm Xã Hội

= 50,625,000 VNĐ

PHẦN BÀI TẬP BHXH BB - CHẾ ĐỘ HƯU TRÍ - C.III

Bài 1: Ông X nghỉ hưu vào đầu tháng 09/2009, lúc đó ông đủ 58 tuổi và có 27 năm 2 tháng đóng BHXH. Biết:

- Ông bị mất SLD 61%.
- Diễn biến tiền lương ở giai đoạn cuối trước khi nghỉ hưu của ông như sau:
 - + Từ tháng 04/2002 đến tháng 07/2005 : hưởng lương theo hệ số 3.99
 - + Từ tháng 08/2005 đến tháng 07/2008 : hưởng lương theo hệ số 4.32
 - + Từ tháng 08/2008 đến lúc nghỉ hưu : hưởng lương theo hệ số 4.65

Hãy tính lương hưu của ông X ?

Hướng dẫn:

Xét điều kiện nghỉ hưu:

- + Ông X đủ 58 tuổi.
- + Có 27 n 2 th đóng BHXH.
- + Mất sức lao động 61%.

Theo luật BHXH, ông X đủ điều kiện nghỉ hưu.

$$\text{Lương hưu} = L_{\text{hưu}} = r \times L_{\text{BQCCDBHXH}}$$

1. Tính r:

$t = 27 \text{ n } 2 \text{ th} \square$ tính 27 năm.

Cứ 15 năm đóng BHXH $\square$ 45%.

$$(27 - 15) = 12 \text{ năm} \times 2\% \square 24\%.$$

$$\text{Tổng cộng} = 45 + 24 = 69\%$$

- Ông X về hưu sớm nên phải chịu mức lương hưu thấp.

- Ông X về trước: $60 - 58 = 2 \text{ năm}$.

$$\text{Tỷ lệ bị trừ} : 2 \text{ năm} \times 1\% = 2\%.$$

Vậy tỷ lệ lương hưu của ông X là $r = 69\% - 2\% = 67\%$.

2. Tính $L_{BQCCĐ\text{ BHH}}$

+ 04/2002 đến 07/2005 : 3 năm 4 tháng □ HSL = 3.99

Chỉ lấy **11 tháng** với HSL = 3.99

+ 08/2005 đến 07/2008 : 3 năm = **36 tháng** □ HSL = 4.32

+ 08/2008 đến 09/2009 : 1 năm 1 tháng = **13 tháng** □ HSL = 4.55

$$HSL_{BQ} = [(4.65 \times 13) + (4.32 \times 36) + (3.99 \times 11)] / 60 = 4.331$$

$$\begin{aligned} \square L_{BQCCĐ\text{ BHH}} &= HSL_{BQ} \times L_{\text{minchung tháng 09/2009}} \\ &= 4.332 \times 650,000 \\ &= \mathbf{2,815,150 \text{ VNĐ}} \end{aligned}$$

3. Tính $L_{hưu}$

$$\begin{aligned} L_{hưu} &= r \times L_{BQCCĐ\text{ BHH}} \\ &= 67\% \times 2,815,150 \\ &= \mathbf{1,886,150 \text{ VNĐ}} \end{aligned}$$

Bài 2: Bà P nghỉ hưu vào đầu tháng 04/2009. Lúc đó bà đủ 55 tuổi và có 32 năm đóng phí BHH.

Diễn biến tiền lương ở những năm cuối cùng trước khi nghỉ hưu của bà như sau:

+ Từ tháng 04/2003 đến tháng 10/2006 : có HSL 4.65

+ Từ tháng 11/2006 đến tháng 10/2008 : có HSL 4.98

+ Từ tháng 11/2009 đến lúc nghỉ hưu : có HSL 4.98, với PC vượt khung 6%, và PC chức vụ 0.3

Hãy tính $L_{hưu}$ của bà P ? Trợ cấp 1 lần bà được hưởng ?

Hướng dẫn:

Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Bà P đủ 55 tuổi.

+ Có 32 năm đóng BHXH.

Theo luật BHXH, bà P đủ điều kiện nghỉ hưu.

$$\text{Lương hưu} = L_{\text{hưu}} = r \times L_{\text{BQCCĐ BHXH}}$$

1. Tính r:

t = 32 năm

Cứ 15 năm đóng BHXH □ 45%.

$$(32 - 15) = 17 \text{ năm} \times 3\% \square 51\%.$$

$$\text{Tổng cộng} = 45 + 51 = 96\%$$

r tối đa 75% nên đưa về 75%.

Vậy tỷ lệ lương hưu của bà P là **r = 75%**.2. Tính $L_{\text{BQCCĐ BHXH}}$

+ 04/2003 đến 10/2006 : 3 năm 7 tháng = 43 tháng □ HSL = 4.65

Chỉ lấy **31** tháng với HSL = 4.65

+ 11/2006 đến 10/2008 : 24 tháng □ HSL = 4.98

+ 11/2008 đến 04/2009 : 5 tháng □ $\text{HSL}_{\text{tổng}} = 4.98 + (4.98 \times 6\%) + 0.3 = 5.5788$

$$\text{HSL}_{\text{BQ}} = [(5.5788 \times 5) + (4.98 \times 24) + (4.65 \times 31)] / 60 = 4.8594$$

$$\square L_{\text{BQCCĐ BHXH}} = \text{HSL}_{\text{BQ}} \times L_{\text{minchung tháng 04/2009}}$$

$$= 4.8594 \times 540,000$$

$$= \mathbf{2,624,076 \text{ VNĐ}}$$

3. Tính $L_{\text{hưu}}$ và trợ cấp 1 lần

$$+ L_{\text{hưu}} = r \times L_{\text{BQCCĐ BHXH}}$$

$$= 75\% \times 2,624,976$$

$$= 1,968,057 \text{ VNĐ}$$

+ Trợ cấp 1 lần: $t = 32$ năm

Số năm được trợ cấp 1 lần $= 32 - 25 = 7$ năm

$$\text{TC 1 lần} = 0.5 \times L_{\text{BQCCĐ BHXH}} \times 7$$

$$= 0.5 \times 2,624,976 \times 7$$

$$= 9,187,416 \text{ VNĐ}$$

Bài 3: Ông M nghỉ hưu vào đầu tháng 03/2010, lúc đó ông đủ 60 tuổi và có 24 năm 4 tháng đóng BHXH.

Biết quá trình đóng phí BHXH của ông như sau:

+ Từ tháng 05/2001 đến tháng 04/2003 : có HSL 4.27

+ Từ tháng 05/2003 đến tháng 04/2006 : có HSL 4.58

+ Từ tháng 05/2006 đến tháng 10/2007 : hưởng lương 4,000,000 VNĐ/tháng

+ Từ tháng 11/2007 đến lúc nghỉ hưu : hưởng lương 5,000,000 VNĐ/tháng

Hãy tính $L_{\text{hưu}}$ của ông M ?

Hướng dẫn:

Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Ông M đủ 60 tuổi.

+ Có 24 n 4 th đóng BHXH.

Theo luật BHXH, ông M đủ điều kiện nghỉ hưu.

$$\text{Lương hưu} = L_{\text{hưu}} = r \times L_{\text{BQCCĐ BHXH}}$$

1. Tính r:

$$t = 24 \text{ n } 2 \text{ th } \square 24 \text{ năm}$$

Cứ 15 năm đóng BHXH $\square$ 45%.

$$(24 - 15) = 9 \text{ năm} \times 2\% \square$$

18%.

$$\text{Tổng cộng} = 45 + 18 = 63\%$$

Vậy tỷ lệ lương hưu của ông M là **r = 63%**.

2. Tính $L_{BQCCĐ\ BHXH}$:

Ông M vừa làm việc ở khu vực Nhà nước và khu vực ngoài Nhà nước:

▪ Tính $\sum L_{CCĐ\ BHXH - KVNN} = L_{BQCCĐ\ BHXH - KVNN} \times \text{Thg đóng phí BHXH KVNN}$

+ $L_{BQCCĐ\ BHXH - KVNN}$:

+ 05/2001 đến 04/2003 : 24 tháng với HSL 4.27

+ 05/2003 đến 04/2006 : 36 tháng với HSL 4.58

$$\square \text{HSL}_{BQ} = [(4.27 \times 24) + (4.58 \times 36)] / 60 = 4.456$$

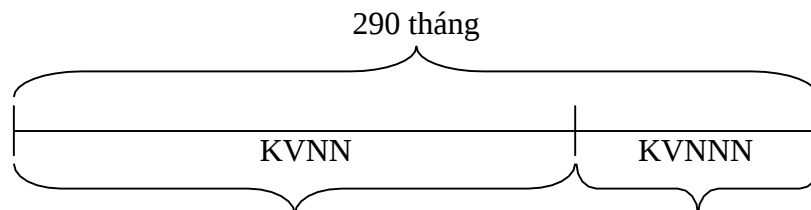
$$\square L_{BQCCĐ\ BHXH - KVNN} = \text{HSL}_{BQ} \times L_{\text{minchung tháng 03/2009}}$$

$$= 4.456 \times 540,000$$

$$= 2,406,240 \text{ VNĐ}$$

+ Thg đóng phí BHXH KVNN:

Tổng thời gian đóng phí BHXH của ông M là : 24 n 4 tháng = 290 tháng



Thời gian làm việc ở KVNNN:

05/2006 đến 10/2007 : 18 tháng với ML = 4,000,000 VNĐ

11/2007 đến 02/2010 : 28 tháng với ML = 5,000,000 VNĐ

Tổng thời gian làm việc ở KVNNN = 18+28 = 46 tháng

$$\square \text{Tổng thời gian làm việc ở KVNN} = 290 - 46 = 256 \text{ tháng}$$

$$\square \text{Thg đóng phí BHXH KVNN} = 244 \text{ tháng}$$

$$\text{Vậy } \sum L_{CCĐ\ BHXH - KVNN} = 2,406,240 \times 244 = \mathbf{587\ 122\ 560 \text{ VNĐ}}$$

▪ Tính $\sum L_{CCĐBHXH - KVNN}$

Từ 05/2006 đến 02/2010 có các giai đoạn sau:

+ 05/2006 – 12/2006: 8 tháng 2006 có hệ số điều chỉnh $a' = 1.42$

+ 01/2007 – 12/2007: 12 tháng 2007 có HS điều chỉnh $a' = 1.31$

+ 01/2008 – 12/2008: 12 tháng 2008 có HS điều chỉnh $a' = 1.07$

+ 01/2009 – 12/2009: 12 tháng 2009 có HS điều chỉnh $a' = 1.00$

+ 01/2010 – 02/2010: 2 tháng 2010 có HS điều chỉnh $a' = 1.00$

Kết hợp với diễn biến tiền lương.

+ 05/2006 đến 10/2007 : hưởng lương 4,000,000 VNĐ/tháng

+ 11/2007 đến 02/2010 : hưởng lương 5,000,000 VNĐ/tháng

$$\begin{aligned}\sum L_{CCĐBHXH - KVNN} &= [(4,000,000 \times 8 \times 1.42) + (4,000,000 \times 10 \times 1.31) \\ &\quad + (5,000,000 \times 2 \times 1.31) + (5,000,000 \times 12 \times 1.07) \\ &\quad + (5,000,000 \times 14 \times 1.00)] \\ &= 245,140,000 \text{ VNĐ}\end{aligned}$$

▪ Vậy $L_{BQCCĐBHXH} = (587,122,560 + 245,140,000) / 290 = 2,869,870 \text{ VNĐ}$

3. Tính $L_{hưu}$

$$\begin{aligned}L_{hưu} &= r \times L_{BQCCĐBHXH} \\ &= 63\% \times 2,869,870 \\ &= 1,808,018 \text{ VNĐ}\end{aligned}$$

Bài 4: Ông N về hưu vào đầu tháng 06/2010, lúc đó ông đủ 60 tuổi. Diễn biến tiền lương các thời kỳ của ông như sau:

- Khu vực Nhà nước: 19 năm 7 tháng, $L_{BQCCĐBHXH} = 1,000,000 \text{ VNĐ}$

- Khu vực ngoài Nhà nước:

+ 18 tháng (02/2008 – 07/2009), lương 500 USD với tỷ giá 16,500 VNĐ

+ 10 tháng cuối (08/2009 – 05/2010), lương 800 USD với tỷ giá 17,500 VNĐ

Hãy tính $L_{hưu}$ của ông N ?

Hướng dẫn:

Xét điều kiện nghỉ hưu:

+ Ông N đủ 60 tuổi.

+ Thời gian đóng phí BHXH:

- Thg đóng phí BHXH KVNN : 19 năm 7 tháng = 235 tháng

- Thg đóng phí BHXH KVNNN : 18th + 10th = 28 tháng

□ Tổng Thg đóng phí BHXH = 235 + 28 = 263 tháng = 21 n 11 th □ 22 năm

Theo luật BHXH, ông N đủ điều kiện nghỉ hưu.

$$\text{Lương hưu} = L_{hưu} = r \times L_{BQCCĐBHXH}$$

1. Tính r:

t = 22 năm

Cứ 15 năm đóng BHXH □ 45%.

(22 – 15) = 11 năm x 2% □ 14%.

Tổng cộng = 45 + 14 = 59%

Vậy tỷ lệ lương hưu của ông N là $r = 59\%$.

2. Tính $L_{BQCCĐBHXH}$:

Ông N vừa làm việc ở khu vực Nhà nước và khu vực ngoài Nhà nước:

$$\begin{aligned} \blacksquare \text{ Tính } \sum L_{CCĐBHXH - KVNN} &= L_{BQCCĐBHXH - KVNN} \times \text{Thg đóng phí BHXH KVNN} \\ &= 1,000,000 \times 235 \\ &= \mathbf{235,000,000 \text{ VNĐ}} \end{aligned}$$

$$\blacksquare \text{ Tính } \sum L_{CCĐBHXH - KVNNN}$$

Từ 02/2008 đến 05/2010 có các giai đoạn sau:

+ 02/2008 – 12/2008: 11 tháng 2008 có HS điều chỉnh $a' = 1.07$

+ 01/2009 – 12/2009: 12 tháng 2009 có HS điều chỉnh $a' = 1.00$

+ 01/2010 – 05/2010: 05 tháng 2010 có HS điều chỉnh $a' = 1.00$

Kết hợp với diễn biến tiền lương.

+ 500 USD x 16,500 = 8,250,000 VNĐ/tháng < 20 lần $L_{minchung}$

18 tháng từ tháng 02/2008 đến 07/2009 trong đó:

11 tháng (từ 02/2008 đến 12/2008) với $L = 8,250,000$ VNĐ

$$\square 11 \times 8,250,000 \times 1.07 = 97,102,500 \text{ VNĐ} \quad (1)$$

7 tháng (từ 01/2009 đến 07/2009) với $L = 8,250,000$ VNĐ

$$\square 7 \times 8,250,000 \times 1.00 = 57,750,000 \text{ VNĐ} \quad (2)$$

+ 800 USD x 17,500 = 14,000,000 VNĐ/tháng

10 tháng cuối từ tháng 08/2009 đến 06/2009 trong đó:

5 tháng (từ 08/2009 đến 12/2009) > 20 x $L_{minchung}$ với $L_{minchung} = 650,000$ VNĐ

$$\square 20 \times 650,000 \times 5 \times 1.00 = 65,000,000 \text{ VNĐ} \quad (3)$$

4 tháng (từ 01/2010 đến 04/2010) > 20 x $L_{minchung}$ với $L_{minchung} = 650,000$ VNĐ

$$\square 20 \times 650,000 \times 4 \times 1.00 = 52,000,000 \text{ VNĐ} \quad (4)$$

1 tháng (tháng 05/2010) < 20 x $L_{minchung}$ với $L_{minchung} = 730,000$ VNĐ

$$\square 14,000,000 \times 1 \times 1.00 = 14,000,000 \text{ VNĐ} \quad (5)$$

$$\square \sum L_{CCDBHXXH - KVN} = (1) + (2) + (3) + (4) + (5) = 285,852,500 \text{ VNĐ}$$

$$\blacksquare \text{Vậy } L_{BQCCĐ BHXXH} = (235,000,000 + 285,852,500) / 263 = 1,980,428 \text{ VNĐ}$$

3. Tính L_{huu}

$$\begin{aligned} L_{huu} &= r \times L_{BQCCĐBHXXH} \\ &= 59\% \times 1\,980\,428 \\ &= 1,168,452 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

Bài 5: Bà Quyên nghỉ hưu vào tháng 04/2010. Lúc đó bà được 51 tuổi 6 tháng. Bà có 22 năm 2 tháng đóng BHXH. Bà bị suy giảm 61% KNLD.

Diễn biến tiền lương giai đoạn cuối trước khi nghỉ hưu của bà như sau:

- 05/2002 – 10/2004 : HSL : 4.65
- 11/2004 – 09/2007 : HSL : 4.98
- 10/2007 – 03/2009 : L = 4,000,000 VNĐ
- 04/2009 – 03/2010 : L = 5,000,000 VNĐ

Hãy tính Lương hưu của bà tại thời điểm nghỉ hưu ?

$$\begin{aligned}
 \text{Kết quả: } & + t = 226 \text{ th} = 236 \text{ th}_{\text{KVNN}} + 30 \text{ th}_{\text{KVNNN}} = 22 \text{ n } 2 \text{ th} \\
 & + r = 63\% \\
 & + L_{\text{BQCCĐ BHXH}} = (742,839,500_{\text{KVNN}} + 139,080,000_{\text{KVNNN}}) / 236 \\
 & = 3,315,485 \text{ VNĐ} \\
 & + L_H = 2,088,756 \text{ VNĐ}
 \end{aligned}$$

Bài 6: Ông Nguyễn nghỉ hưu vào tháng 01/2010. Tại thời điểm nghỉ hưu ông 57 tuổi. Ông có 26 năm 3 tháng đóng BHXH. Ông bị suy giảm 61% KNLD.

Diễn biến tiền lương của ông như sau:

- 02/2002 – 06/2004 : HSL : 3.99
- 07/2004 – 04/2007 : HSL : 4.32
- 05/2007 – 08/2008 : L = 2,000,000 VNĐ
- 09/2008 – 12/2009 : L = 3,000,000 VNĐ

Tính Lương hưu của ông tại thời điểm nghỉ hưu. **Hỏi đến tháng 05/2010 Lương hưu của ông tính như thế nào ?**

$$\text{Kết quả: } + t = 315 \text{ th} = 283 \text{ th}_{\text{KVNN}} + 32 \text{ th}_{\text{KVNNN}} = 26 \text{ n } 3 \text{ th}$$

$$+ r = 65\%$$

$$+ L_{BQCCĐ\ BHXH} = (768,359,150_{KVNN} + 86,920,000_{KVNNN}) / 283$$
$$= 2,715,171 \text{ VNĐ}$$

$$+ L_H = 1,764,861 \text{ VNĐ}$$

+ Đến tháng 5/2010 chỉ điều chỉnh Lương KVNN thêm 12.3%, KVNNN đã điều chỉnh theo năm 2010 trước đó.

CHƯƠNG III

A. BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

A.5. CHẾ ĐỘ TỬ TUẤT



I. Khái niệm:

- Chế độ tử tuất là chế độ dành cho thân nhân của người lao động có tham gia đóng phí BHXH khi người lao động này chết đi, nhằm giúp cho thân nhân lo liệu mai táng (mai táng phí) và ổn định cuộc sống (trợ cấp tuất).
- Chế độ tử tuất bao gồm hai khoản trợ cấp:
 - + Trợ cấp mai táng (mai táng phí);
 - + Trợ cấp tuất (một lần hoặc hàng tháng).

II. Trợ cấp mai táng (mai táng phí):

- Các đối tượng sau đây khi chết thì người lo mai táng phí được nhận trợ cấp mai táng như sau:
 - + Những người lao động đã đóng BHXH và đang làm việc ☐ lúc chết thân nhân vẫn được nhận mai táng phí (cho dù đóng 1 tháng hay nhiều năm). Mang ý nghĩa nhân văn “nghĩa tử là nghĩa tận”.
 - + Những người đang bảo lưu thời gian đóng phí BHXH bao gồm: những người không tiếp tục mối quan hệ lao động (có thời gian đóng phí BHXH) và hưu chờ (đủ thời gian nhưng không đủ tuổi đời);
 - + Những người đang hưởng lương hưu;
 - + Những người đang hưởng trợ cấp TNLĐ & BNN hàng tháng và đã nghỉ việc.
- Mức trợ cấp mai táng phí (Luật BHXH) = $MTP = 10 \times L_{minchung}$
(Trước đây theo ND 12/CP thì TC mai táng = $8 \times L_{minchung}$)

III. Trợ cấp tuất:

- Bao gồm trợ cấp tuất hàng tháng và một lần.
- Để nhận trợ cấp tuất hàng tháng thì:
 - + Người lao động bị chết phải đảm bảo đủ các điều kiện đặt ra;
 - + Và thân nhân của người lao động đó cũng phải đảm bảo đủ các điều kiện quy định.
- Nếu người chết đủ điều kiện nhưng thân nhân không đủ điều kiện thì **thân nhân** sẽ nhận trợ cấp 1 lần.

3.1. Trợ cấp tuất hàng tháng:

3.1.1. Điều kiện hưởng:

3.1.1.1. Đối với người lao động bị chết:

- Đủ 15 năm đóng BHXH trở lên và chưa hưởng trợ cấp BHXH 1 lần.
(trường hợp 14 năm 11 tháng ☐ không được xét)
- Chết khi đang hưởng lương hưu;
- Chết do TNLĐ&BNN (không cần xét thời gian đóng phí BHXH).
- Người đang hưởng trợ cấp TNLĐ&BNN hàng tháng và có mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên.

3.1.1.2. Đối với thân nhân của người lao động bị chết:

- Hết tuổi lao động.
- Không có thu nhập hoặc nếu có thì thu nhập phải nhỏ hơn mức $L_{minchung}$ vào thời điểm người lao động bị chết.
- Nếu thân nhân có mức suy giảm khả năng lao động $\geq 81\%$ thì không xét đến tuổi.
(Ví dụ: vợ bị tâm thần, khi chồng chết thì vợ được hưởng không xét tuổi).
- Con đang đi học được hưởng trợ cấp hàng tháng (nuôi dưỡng hoặc cơ bản tùy từng trường hợp) đến dưới 18 tuổi (từ 17 tuổi 11 tháng trở xuống).
- Con không đi học thì được hưởng trợ cấp (nuôi dưỡng hoặc cơ bản tùy từng trường hợp) đến dưới 15 tuổi (từ 14 tuổi 11 tháng trở xuống).

Chú ý:

+ Chỉ xét những đối tượng thân nhân sau:

- ✓ Cha, mẹ đẻ; Cha, mẹ (vợ, chồng);
- ✓ Người nuôi dưỡng hợp pháp;
- ✓ Vợ, chồng hợp pháp;
- ✓ Con hợp pháp (con đẻ, con nuôi, con ngoài giá thú hợp pháp, con được pháp luật công nhận);

+ Nếu vợ (chồng) chết mà chồng (vợ) đang hưởng lương hưu thì không được xét trợ cấp tuất hàng tháng.

3.1.2. Mức trợ cấp hàng tháng :

- Có hai loại: Tuất cơ bản và Tuất nuôi dưỡng

+ Tuất cơ bản hàng tháng:

$$T_{cb} = 50\% \times L_{minchung}$$

+ Tuất nuôi dưỡng hàng tháng: trường hợp người thân của người lao động bị chết không có thân nhân nuôi dưỡng hoặc thân nhân không có khả năng nuôi dưỡng theo quy định thì sẽ được trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng theo Luật định)

$$T_{nd} = 70\% \times L_{minchung}$$

- Nếu có 1 người chết thì số thân nhân được hưởng trợ cấp tối đa là 4 người. Nếu có quá nhiều thân nhân thì BHXH sẽ xem xét và chọn ra những thân nhân cần được trợ cấp.

- Nếu có 2 người chết trở lên thì số thân nhân được hưởng cũng chỉ tối đa 4 người nhưng hưởng 2 lần mức trợ cấp.

- Thân nhân hưởng trợ cấp tính từ tháng liền kề sau khi người lao động bị chết.

(Hỏi: $L_{minchung}$ xác định như thế nào ? $L_{minchung}$ xác định vào tháng người lao động bị chết, dựa vào giấy chứng tử)

- Ví dụ:

1. Một trẻ đủ 7 tuổi đang đi học có cha, mẹ đều trong tuổi lao động và có sức khỏe tốt nhưng không may cha mất vì TNLĐ thì trợ cấp tuất hàng tháng tính như thế nào ? Nếu

sau đó hai năm mẹ cũng qua đời thì trợ cấp tuất hàng tháng như thế nào ? Cha, mẹ đều tham gia đóng BHXH.

Trả lời:

- Khi cha mất, vì còn mẹ nên trẻ này được nhận trợ cấp tuất cơ bản hàng tháng là $T_{cb} = 50\% \times L_{minchung}$.
- Sau đó mẹ mất thì trẻ này sẽ được nhận **2 x trợ cấp tuất cơ bản hàng tháng là $T_{cb} = 2 \times 50\% \times L_{minchung}$ cho đến 17 tuổi 11 tháng nếu trẻ tiếp tục đi học.**

(Hỏi: Đứa trẻ có được hưởng 1 lúc hai loại trợ cấp không?)

(Trả lời: Theo luật thì chỉ hưởng 1 loại trợ cấp.)

2. Một cặp vợ, chồng trong tuổi lao động và có sức khỏe tốt, có 1 con 2 tuổi. Chồng tham gia BHXH, vợ không tham gia BHXH. Không may, chồng chết thì trợ cấp tuất hàng tháng ? Sau đó 1 năm vợ mất thì trợ cấp tuất hàng tháng của đứa con ?

Trả lời:

- Khi người chồng chết thì đứa con hai tuổi được nhận tuất cơ bản hàng tháng là $T_{cb} = 50\% \times L_{minchung}$.
- Sau đó mẹ mất thì trẻ này sẽ được nhận trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng là $T_{nd} = 70\% \times L_{minchung}$ cho đến 17 tuổi 11 tháng nếu trẻ tiếp tục đi học.

3. Một cặp vợ, chồng trong tuổi lao động và có sức khỏe tốt, có 1 con 2 tuổi. Chồng tham gia BHXH, vợ không tham gia BHXH. Không may, vợ chết thì trợ cấp tuất hàng tháng ? Sau đó 1 năm chồng mất thì trợ cấp tuất hàng tháng của đứa con ?

Trả lời:

- Khi mẹ mất, vì mẹ không tham gia đóng phí BHXH nên không có bất cứ khoản trợ cấp nào.
- Sau đó cha mất thì trẻ này sẽ được nhận trợ cấp tuất nuôi dưỡng hàng tháng là $T_{nd} = 70\% \times L_{minchung}$ cho đến 17 tuổi 11 tháng nếu trẻ tiếp tục đi học vì cha có tham gia đóng phí BHXH.

3.2. Trợ cấp tuất một lần:

3.2.1. Các trường hợp hưởng trợ cấp 1 lần:

- Người lao động không đủ điều kiện để thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.

- Người lao động đủ điều kiện để thân nhân được hưởng trợ cấp tuất hàng tháng nhưng thân nhân không đủ điều kiện.

3.2.2. Mức trợ cấp tuất 1 lần:

- Đối người chết đang làm việc có đóng phí BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng phí BHXH. Trợ cấp 1 lần được tính theo số năm đã đóng BHXH:

+ Cứ 1 năm đóng phí BHXH thì thân nhân được nhận $(1.5 \times L_{BQCCĐBHXXH})$

+ Công thức:

$$T_{1\text{lần}} = (1.5 \times L_{BQCCĐBHXXH}) \times t$$

Trong đó:

$L_{BQCCĐBHXXH}$: cho dù làm việc ở KVNN hay KVNNN thì $L_{BQCCĐBHXXH}$ không tính như chế độ hưu trí mà phải tính Bình quân gia quyền.

t : thời gian đóng phí BHXH, tính tháng lẻ:

- Dưới 3 tháng : không tính.
- Từ đủ 3 đến đủ 6 tháng : tính 0.5 năm.
- Từ trên 6 tháng : tính 1 năm.

$T_{1\text{lần}}$: tối thiểu phải được $(3 \times L_{\text{minchung}})$, nếu tính ra $T_{1\text{lần}} \leq (3 \times L_{\text{minchung}})$ thì nâng thành $(3 \times L_{\text{minchung}})$.

- Đối với những người chết khi đang hưởng lương hưu:

+ Nếu chết ở ngay 2 tháng đầu tiên hưởng lương hưu thì thân nhân sẽ được nhận trợ cấp 1 lần:

$$T_{1\text{lần}} = 48 \times L_{\text{hưu}}$$

+ Nếu chết từ tháng thứ 3 trở đi thì thân nhân sẽ được nhận trợ cấp 1 lần là:

$$T_{1\text{lần}} = 48 \times L_{\text{hưu}} - (t - 2) \times 0.5 \times L_{\text{hưu}}$$

Trong đó :

t : số tháng nhận lương hưu và $t > 2$. $t_{\text{max}} = 92$

Nếu $t \geq 92$ thì $T_{1\text{lần}} \leq 3$, như vậy đối với những người chết đã nhận lương hưu từ tháng 92 trở lên thì thân nhân được nhận trợ cấp tối thiểu $T_{1\text{lần}} = (3 \times L_{\text{hưu}})$.

PHẦN BÀI TẬP:

Bài 1 : Một người bị TNLĐ và tử vong. Người lao động này có tham gia đóng phí BHXH. Yêu cầu tính tất cả các chế độ BHXH có liên quan đến người lao động này ? Biết lúc còn sống, ông phải nuôi mẹ già 62 tuổi và 1 đứa con 12 tuổi đang đi học.

Hướng dẫn :

Các chế độ : TNLĐ và Tử tuất

- Tai nạn lao động : đủ điều kiện và được hưởng trợ cấp 1 lần TNLĐ là

$$M_{1\text{lần}} = 36 \times L_{\text{minchung}}$$

- Tử tuất : đủ điều kiện xét vì chết do TNLĐ

+ Trợ cấp mai táng :

$$T_{\text{maitáng}} = 10 \times L_{\text{minchung}}$$

+ Trợ cấp tuất :

✓ Mẹ già 62 tuổi :

Trợ cấp tuất nuôi dưỡng = $70\% \times L_{\text{minchung}}$.

✓ Con 12 tuổi :

- Nếu tiếp tục đi học thì trợ cấp nuôi dưỡng = $70\% \times L_{\text{minchung}}$ đến 17 tuổi 11 tháng.
Nếu nhận đến 16 tuổi mà nghỉ học thì ngừng trợ cấp.

- Nếu không đi học thì trợ cấp nuôi dưỡng = $70\% \times L_{\text{minchung}}$ đến 14 tuổi 11 tháng.

Bài 2 : Ông A có 16 năm đóng phí BHXH và bị tai nạn rủi ro dẫn đến tử vong vào tháng 10/2009. Cho biết các chế độ BHXH liên quan. Biết trong gia đình ông A có :

- Mẹ già đang hưởng lương hưu.

- Con A1 được 10 tuổi đang học cấp 1.

- Con A2 được 16 tuổi và đã nghỉ học.

- Vợ 36 tuổi và đang đi làm.

Hướng dẫn :

Các chế độ : Tử tuất

- Tử tuất : đủ điều kiện xét.

+ Trợ cấp mai táng : $T_{\text{maitáng}} = 10 \times L_{\text{minchung}} 10/2009$

+ Trợ cấp tuất :

- ✓ Mẹ đang hưởng lương hưu : không có trợ cấp tuất.
- ✓ Con A1 được 10 tuổi đang đi học :
 - Nếu tiếp tục đi học thì trợ cấp nuôi dưỡng = $70\% \times L_{\text{minchung}}$ đến 17 tuổi 11 tháng.
 - Nếu nhận đến 16 tuổi nghỉ học thì ngừng trợ cấp.
 - Nếu không đi học thì trợ cấp nuôi dưỡng = $70\% \times L_{\text{minchung}}$ đến 14 tuổi 11 tháng.
- ✓ Con A2 được 16 tuổi và đã nghỉ học : không có trợ cấp tuất.
- ✓ Vợ 36 tuổi : không có trợ cấp tuất vì còn trong độ tuổi lao động.

Bài 3 : Ông B bị tai nạn rủi ro dẫn đến chết vào tháng 03/2009, có đóng phí BHXH 30 năm và $L_{BQCCDBHXXH} = 3,000,000 \text{ VNĐ}$. Biết ông B có :

- Vợ 46 tuổi và đang đi làm ;
- Con 17 tuổi 8 tháng và đang đi học.

Tính tổng tiền trợ cấp mà gia đình ông B nhận được ?

Hướng dẫn :

Chế độ tử tuất : đủ điều kiện để xét.

+ Trợ cấp mai táng :

$$T_{\text{maitáng}} = 10 \times L_{\text{minchung}} 03/2009 = 10 \times 540,000 = 5,400,000 \text{ VNĐ}$$

+ Trợ cấp tuất :

- ✓ Vợ 46 tuổi : không có trợ cấp tuất vì còn trong độ tuổi lao động.
- ✓ Con 17 tuổi 8 tháng và đang đi học : xét trợ cấp tuất cơ bản hàng tháng, còn lại số tháng = 17 tuổi 11 tháng – 17 tuổi 8 tháng = 3 tháng.

$$\begin{aligned} \Sigma T_{\text{cb}} &= (50\% \times L_{\text{minchung}} 03/2009) \times 3 \\ &= (0.5 \times 540,000) \times 3 \end{aligned}$$

$$= 810,000 \text{ VNĐ}$$

$$\begin{aligned} \square \text{ Vậy } \sum T &= T_{\text{maitáng}} + \sum T_{\text{cb}} \\ &= 5,400,000 + 810,000 \\ &= \mathbf{6,210,000 \text{ VNĐ.}} \end{aligned}$$

Bài 4 : Tương tự bài 3 nhưng đổi các thông tin sau :

- Vợ 46 tuổi và đang đi làm ;
- Con 18 tuổi và đang đi học.

Tính tổng tiền trợ cấp mà gia đình ông B nhận được ?

Hướng dẫn :

Chế độ tử tuất : đủ điều kiện để xét.

+ Trợ cấp mai táng :

$$T_{\text{maitáng}} = 10 \times L_{\text{minchung 03/2009}} = 10 \times 540,000 = 5,400,000 \text{ VNĐ}$$

+ Trợ cấp tuất :

- ✓ Vợ 46 tuổi : không đủ điều kiện xét hàng tháng.
- ✓ Con 18 tuổi và đang đi học : không đủ điều kiện xét hàng tháng.

Vậy những thân nhân của ông B không đủ điều kiện xét trợ cấp hàng tháng nên thân nhân của ông được nhận trợ cấp 1 lần :

$$\begin{aligned} T_{\text{1lần}} &= (1.5 \times L_{\text{BQCCĐBHXXH}}) \times t \\ &= (1.5 \times 3,000,000) \times 30 \\ &= 135,000,000 \text{ VNĐ} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \square \text{ Vậy } \sum T &= T_{\text{maitáng}} + T_{\text{1lần}} \\ &= 5,400,000 + 135,000,000 \\ &= \mathbf{140,400,000 \text{ VNĐ.}} \end{aligned}$$

Ghi chú: So sánh điểm khác biệt giữa kết quả của Bài 3 và Bài 4 từ đó cho nhận xét ? Có thể dẫn đến tiêu cực và chính sách còn nhiều điểm cần lưu ý).

Bài 5: Anh F bị TNLD dẫn đến tử vong. Hãy tính tất cả các chế độ BHXH liên quan đến trường hợp tử vong này. Cho biết khi còn sống ông phải nuôi dưỡng mẹ già (62 tuổi) không có lương hưu, 1 con 12 tuổi đang đi học.

Hướng dẫn: Trợ cấp: + TNLD : chết $\square$ $TC_{TNLD} = 36 \times L_{minchung}$

+ Mai táng phí : $MTP = 10 \times L_{minchung}$

+ Trợ cấp tuất nuôi dưỡng : người mẹ già và đứa con.

Bài 6: Anh G có 16 năm đóng phí BHXH, anh bị TN rủi ro dẫn đến tử vong vào tháng 06/2009. Tính tất cả các chế độ BHXH liên quan đến trường hợp tử vong này.

Cho biết, anh có: + Người mẹ già đang hưởng lương hưu.

+ Vợ 36 tuổi đang đi làm.

+ 1 con 16 tuổi đã nghỉ học.

+ 1 con 10 tuổi đang đi học cấp 1.

Hướng dẫn: Trợ cấp: + Mai táng phí : $MTP = 10 \times L_{minchung}$

+ Trợ cấp: - Người mẹ già: không

- Vợ 36 tuổi: không

- 1 con 16 tuổi đã nghỉ học: không

- 1 con 10 tuổi đang đi học: TC cơ bản.

Bài 7: Ông H tham gia đóng BHXH vào tháng 10/1999, bị ốm đau dẫn đến tử vong vào 10/2009. Hãy tính tất cả các chế độ BHXH liên quan đến trường hợp tử vong này. Cho biết khi còn làm việc ông phải nuôi dưỡng cha, mẹ già hết tuổi lao động và đứa con gái 9 tuổi đang đi học. $L_{BQCCĐ BHXH} = 2,000,000 VNĐ$.

Hướng dẫn: Trợ cấp :+ $MTP = 10 \times L_{minchung}$

+ Trợ cấp tuất 1 lần (do đóng phí BHXH < 30 năm)

$T1 \text{ lần} = 10 \times 1.5 \times L_{BQCCĐ BHXH}$

Bài 8: Ông M bắt đầu hưởng chế độ BHXH về TNLĐ (tỷ lệ mất sức lao động do TNLĐ là 72%) từ tháng 10/1999, ông bị tử vong vào tháng 07/2009. Hãy **nêu** tất cả các chế độ BHXH liên quan đến trường hợp tử vong này. Biết rằng gia đình ông có vợ đang hưởng lương hưu, các con đều trưởng thành.

Hướng dẫn: Trợ cấp: $+ MTP = 10 \times L_{\text{minchung}}$

+ Trợ cấp tuất 1 lần: hiện nay chưa có cách tính.

Bài 9: Ông N là cán bộ hưu trí hưởng lương hưu từ tháng 10/1990, bị tử vong vào tháng 10/2009. Hãy tính tất cả các chế độ BHXH liên quan. Cho biết gia đình ông chỉ có vợ (65 tuổi) trước đây sống nhờ vào Lương hưu của ông.

Hướng dẫn: Trợ cấp: $+ MTP = 10 \times L_{\text{minchung}}$

+ Trợ cấp tuất nuôi dưỡng cho người vợ.

CHƯƠNG III

A. BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

A6. BẢO HIỂM THẤT NGHIỆP

(Hiệu lực từ 01/01/2009)



I. Khái niệm:

- Bảo hiểm thất nghiệp là một chính sách của Đảng và Nhà nước ban hành nhằm hoàn thiện hệ thống các chính sách an sinh xã hội ở nước ta. Mục tiêu của chính sách BH thất nghiệp là bù đắp một phần thu nhập cho người lao động khi bị mất việc làm hoặc chấm dứt HĐLĐ, HĐ làm việc, đồng thời tạo điều kiện để họ có cơ hội tìm kiếm được việc làm mới thích hợp và ổn định trong thời gian sớm nhất.

II. Đối tượng áp dụng:

- Đối với người lao động:

Là công dân Việt Nam làm việc theo HĐLĐ hoặc HĐ làm việc mà các HĐ này không xác định thời hạn hoặc xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng với người SDLĐ có sử dụng từ 10 lao động trở lên.

- Đối với người SDLĐ:

Khi sử dụng từ 10 lao động tham gia BHXH bắt buộc trở lên thì người SDLĐ phải tham gia đóng BH thất nghiệp cho người lao động.

- Ví dụ:

1. Một doanh nghiệp có:

5 lao động với HĐLĐ 2 tháng;

2 lao động với HĐLĐ 3 tháng;

2 lao động với HĐLĐ 12 tháng;

3 lao động với HĐLĐ không xác định thời hạn;

Hỏi:

- Có bao nhiêu người tham gia BHXH bắt buộc ? BHXH tự nguyện ?
- Bao nhiêu người tham gia BHXH thất nghiệp ?

Trả lời:

- Số người lao động có HĐLĐ từ đủ 3 tháng trở lên : 7 người tham gia BHXH bắt buộc.
- Số người lao động có HĐLĐ dưới 3 tháng : 5 người tham gia BHXH tự nguyện.
- Chỉ có 7 người tham gia BHXH bắt buộc nên không đủ điều kiện tham gia BH thất nghiệp.

2. Một doanh nghiệp có:

- 3 lao động với HĐLĐ 2 tháng;
- 4 lao động với HĐLĐ 3 tháng;
- 2 lao động với HĐLĐ 12 tháng;
- 6 lao động với HĐLĐ không xác định thời hạn;

Hỏi:

- Có bao nhiêu người tham gia BHXH bắt buộc ? BHXH tự nguyện ?
- Bao nhiêu người tham gia BHXH thất nghiệp ?

Trả lời:

- Số người lao động có HĐLĐ từ đủ 3 tháng trở lên : 12 người tham gia BHXH bắt buộc.
- Số người lao động có HĐLĐ dưới 3 tháng : 3 người tham gia BHXH tự nguyện.
- Số người lao động có HĐLĐ từ đủ 12 tháng trở lên : 8 người tham gia BHXH thất nghiệp.

III. Điều kiện hưởng Bảo hiểm thất nghiệp:

- Đã đóng BH thất nghiệp đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi thất nghiệp
- Đã đăng ký thất nghiệp với tổ chức BHXH.
- Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày kể từ ngày đăng ký thất nghiệp.

(Ở nước ta, BH thất nghiệp bắt đầu thực hiện từ 01/01/2009 cho đến đến 16/01/2010 người lao động mới có thể hưởng chế độ).

IV. Mức phí đóng Bảo hiểm thất nghiệp:

- Người lao động : đóng = $(1\% \times L_{CCDBH \text{ thất nghiệp}})$ hàng tháng
- Người SDLĐ : đóng = $1\% \times$ Quỹ $L_{CCDBH \text{ thất nghiệp}}$ của những lao động tham gia BHTN của Cty, doanh nghiệp...hàng tháng.
- Nhà nước : hỗ trợ từ ngân sách = $1\% \times$ Quỹ $L_{CCDBH \text{ thất nghiệp}}$ của những lao động tham gia BHTN trong cả nước và mỗi năm chuyển 1 lần.

V. Trợ cấp thất nghiệp:

5.1. Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp:

- Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp được quy định như sau:

Thời gian hưởng	Thời gian đóng BH thất nghiệp
3 tháng	$12 \text{ tháng} \leq t_{BHTN} < 36 \text{ tháng}$
6 tháng	$36 \text{ tháng} \leq t_{BHTN} < 72 \text{ tháng}$
9 tháng	$72 \text{ tháng} \leq t_{BHTN} < 144 \text{ tháng}$
12 tháng	$t_{BHTN} \geq 144 \text{ tháng}$

5.2. Mức trợ cấp thất nghiệp:

- *Mức trợ cấp 1 tháng:*

$$TC_{TN} = 60\% \times L_{BQCCDBHTN \text{ 6 tháng liên kế trước khi thất nghiệp}}$$

+ Trong đó:

$L_{BQCCDBHXH \text{ 6 tháng liên kế trước khi thất nghiệp}}$ tính như sau:

Ví dụ:

Ông A đóng BH thất nghiệp từ 01/01/2009. Đến 01/01/2012 ông A thất nghiệp. Biết trong thời gian đóng BH thất nghiệp ông có 2 tháng gián đoạn là T10/2009 và T11/2009. Ông bị chấm dứt HĐLĐ vào tháng 01/2012.

Tính trợ cấp thất nghiệp của ông A ?

Biết:

$L_{CC\overline{BHTN}}$ các tháng của ông như sau:

05/2011 : 3,000,000 VNĐ

06/2011 : 3,500,000 VNĐ

07/2011 : 3,000,000 VNĐ

08/2011 : 4,000,000 VNĐ

09/2011 : 4,000,000 VNĐ

12/2011 : 5,000,000 VNĐ

Hướng dẫn:

+ Ông A đóng BH thất nghiệp được: 3 năm = 36 tháng, vì thế ông được hưởng trợ cấp thất nghiệp 6 tháng.

+ Tính trợ cấp 1 tháng:

$$TC_{TN} = 60\% \times L_{BQCC\overline{BHTN} \text{ 6 tháng liền}}$$

$$\text{Mà } L_{BQCC\overline{BHTN} \text{ 6 tháng liền}} = L_{BQCC\overline{BHTN} \text{ tháng 5;6;7;8;9;12}} / 6$$

$$= 22,500,000 / 6$$

$$= 3,750,000 \text{ VNĐ}$$

$$\text{Vậy } TC_{TN} = 0.6 \times 3,750,000 = 2,250,000 \text{ VNĐ}$$

5.3. Hỗ trợ học nghề và tìm việc làm:

5.3.1. Hỗ trợ học nghề:

- Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được hỗ trợ học nghề với thời gian không quá 6 tháng (tối đa = 6 tháng).
- Mức hỗ trợ học nghề = mức chi phí học nghề ngắn hạn theo quy định của Pháp luật về dạy nghề.

5.3.2. Hỗ trợ tìm việc làm:

- Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí.

5.3.4. Bảo hiểm y tế:

- Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp được hưởng chế độ BH Y tế và do tổ chức BHXH đóng.

VI. Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp:

- Không thực hiện theo các quy định sau:
 - + Đóng BHXH;
 - + Về việc lập hồ sơ BHXH;
 - + Bảo quản sổ BHXH;
 - + Đăng ký thất nghiệp với tổ chức BHXH;
 - + Thông báo hàng tháng với tổ chức BHXH về việc tìm kiếm việc làm trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp;
 - + Nhận việc làm hoặc tham gia khóa học nghề phù hợp khi tổ chức BHXH giới thiệu.
- Bị tạm giam.

VII. Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp: các trường hợp sau

1. Hết thời hạn hưởng trợ cấp thất nghiệp;
2. Có việc làm;
3. Thực hiện nghĩa vụ quân sự;
4. Hưởng lương hưu;
5. Sau hai lần từ chối nhận việc làm do tổ chức BHXH giới thiệu mà không có lý do chính đáng.
6. Không:
 - + Đăng ký thất nghiệp với tổ chức BHXH trong 3 tháng liên tục;
 - + Thông báo hàng tháng với tổ chức BHXH về việc tìm kiếm việc làm trong thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp trong 3 tháng liên tục;
 - + Nhận việc làm hoặc tham gia khóa học nghề phù hợp khi tổ chức BHXH giới thiệu trong 3 tháng liên tục.
7. Ra nước ngoài để định cư;

8. Chấp hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục, cơ sở chữa bệnh hoặc chấp hành hình phạt tù nhưng không được hưởng án treo;

9. Bị chết.

- Trường hợp chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp tại mục 2 và 3 thì:

+ Được trợ cấp 1 lần = giá trị còn lại của trợ cấp thất nghiệp

- Sau khi đã chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp thì t_{BHTN} trước đó không được tính nữa.

CHƯƠNG III

CÁC CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI

B. CHẾ ĐỘ BHXH TỰ NGUYỆN

(Có hiệu lực từ 01/01/2008)



I. Khái niệm và đối tượng:

- *Bảo hiểm xã hội tự nguyện* là loại hình bảo hiểm xã hội mà *người lao động* tự nguyện tham gia, được lựa chọn mức đóng và phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình để hưởng BHXH.

- Đối tượng: *người lao động* tham gia BHXH bắt buộc là công dân Việt Nam trong độ tuổi lao động và không thuộc các đối tượng người lao động quy định tại chế độ BHXH bắt buộc (ngoại trừ trường hợp hết tuổi lao động nhưng đã có thời gian tham gia BHXH ≥ 15 năm).

- Ví dụ: Chị A sinh tháng 05/1953 và đã nghỉ việc tháng 05/2008 với thời gian đóng BHXH là 14 năm 11 tháng. Hỏi chị A có được tham gia đóng tiếp BHXH tự nguyện cho đủ 20 năm để hưởng lương hưu không ?

Trả lời: Không vì chưa đóng phí BHXH đủ 15 năm. Trường hợp này hiện nay rất nhiều, ở TPHCM khoảng 90% người lao động đã tham gia đóng BHXH rơi vào trường hợp này.

II. Phương thức đóng:

- Theo tháng, quý, 6 tháng. Thời gian phải chặt chẽ:

+ Hàng tháng (15 ngày đầu của tháng).

+ Quý (45 ngày đầu của quý).

+ 6 tháng (3 tháng đầu).

III. Mức đóng:

- Mức đóng hàng tháng:

$C_{BHXHTN/tháng} = \% \text{ đóng vào BHXH tự nguyện} \times \text{Mức thu nhập tháng NLĐ chọn đóng (I)}.$

Trong đó:

+ % đóng vào BHXH tự nguyện : giống như % đóng vào lương hưu và tử tuất bắt buộc nhưng chỉ có người lao động đóng. Cụ thể như sau:

2008 – 2009 : $5\% + 11\% = 16\%$

2010 – 2011 : $6\% + 12\% = 18\%$

2012 – 2013 : $7\% + 13\% = 20\%$

2014 – về sau : $8\% + 14\% = 22\%$

+ Mức thu nhập tháng mà NLĐ chọn tham gia BHXH tự nguyện (I):

$$I = L_{\text{minchung}} + m \times 50,000$$

$m = 0;1;2;3;4;.....$ là số tự nhiên, mục đích của m là làm chẵn số tiền đóng phí BHXH nhưng do L_{minchung} thay đổi nhiều nên m không còn chức năng làm chẵn nữa.

Vậy $I_{\text{min}} = L_{\text{minchung}}$

$$I_{\text{max}} = 20 \times L_{\text{minchung}}$$

(giảm phân hóa giàu nghèo, vì trước đây không giới hạn I nên có những người có $L_{\text{hưu}}$ rất cao và $L_{\text{hưu}}$ rất thấp)

- Ví dụ:

Ông A tham gia BHXH tự nguyện từ tháng 05/2010, ông chọn $m = 16$. Hãy tính mức thu nhập tháng lựa chọn của ông A để đóng BHXH tự nguyện trong tháng 05/2010 ?

Hướng dẫn:

+ $m = 18$

+ $L_{\text{minchung 05/2010}} = 730,000 \text{ VNĐ}$

+ % đóng = 16%.

+ $C_{BHXHTN} = \% \text{ đóng} \times I$

$$= \% \text{ đóng} \times (L_{\text{minchung 05/2008}} + m \times 50,000)$$

$$= 16\% \times (730,000 + 16 \times 50,000)$$

$$= 244,800 \text{ VNĐ}$$

IV. Các chế độ:

- Chỉ có hai chế độ dài hạn là **hưu trí** và **tử tuất** và mức trợ cấp tính như BHXH bắt buộc cho hai chế độ này.

(Tại sao BHXH tự nguyện chỉ có 2 chế độ mà không có 5 chế độ như BHXH bắt buộc ? BHXH tự nguyện thường được tham gia bởi những người không đi làm, thất nghiệp. Vì thế nếu có các chế độ:

- + Ốm đau: rất khó xét điều kiện hưởng.
- + Thai sản: người nam sẽ không tham gia hoặc người đã hoàn thành sinh con sẽ không tham gia.
- + TNLĐ&BNN: những người đi làm mới xét được.

(Chỉ có Hưu trí và Tử tuất thì ai cũng phải có nên có BHXH tự nguyện cho 2 chế độ này.)

4.1. Chế độ hưu trí:

4.1.1. Điều kiện nghỉ hưu:

- Nam đủ 60 tuổi, nữ đủ 55 tuổi.
- Có đủ 20 năm đóng BHXH.

4.1.2. Cách tính Lương hưu:

Lương hưu = Thu nhập bình quân x Tỷ lệ hưởng lương hưu

- Thu nhập bình quân: tính giống như BHXH BB đối với KVNNN và được điều chỉnh theo tỷ số giá sinh hoạt và tăng trưởng kinh tế.

$$TN_{BQ} = \text{Tổng TN các tháng đóng BHXH} / \text{Tổng số tháng đóng BHXH}$$

- Tỷ lệ hưởng lương hưu (r):

r tính giống như BHXH bắt buộc.

$$R_{\max} = 75\%$$

4.1.3. Trợ cấp 1 lần:

4.1.3.1. Trợ cấp 1 lần đối với những trường hợp đóng BHXH lâu dài: tính giống BHXH bắt buộc.

4.1.3.2. *Trợ cấp 1 lần đối với những trường hợp không đủ điều kiện nghỉ hưu*: tính giống BHXH bắt buộc. Và trợ cấp ngay khi có yêu cầu, không cần chờ 1 năm.

Ví dụ: Một người đang đóng BHXH bắt buộc, sau đó ngưng và chuyển sang đóng BHXH tự nguyện và ngưng đóng. Người đó yêu cầu trợ cấp sẽ được trợ cấp ngay.

4.2. Chế độ tử tuất:

4.2.1. Trợ cấp mai táng phí:

- Các đối tượng sau đây khi chết thì người lo mai táng được trợ cấp mai táng:
 - + Người lao động đã có ít nhất 5 năm đóng BHXH (hạn chế trường hợp lợi dụng đóng 2 tháng để nhận trợ cấp)
 - + Người đang hưởng lương hưu.
- Mức trợ cấp: $MTP = 10 \times L_{\text{minchung}}$

4.2.2. Trợ cấp tuất 1 lần:

Chỉ có Trợ cấp tuất 1 lần, không có hàng tháng:

- Đối với thân nhân của người đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng :

$$TC_{1 \text{ lần}} = \text{Mức } TN_{BQ} \times \text{Số năm đóng BHXH} \times 1.5$$

- Đối với thân nhân của người đang hưởng lương hưu:

- + Nếu chết trong 2 tháng đầu hưởng lương hưu:

$$TC_{1 \text{ lần}} = 48 \times L_H$$

- + Nếu chết từ tháng thứ 3 trở đi:

$$TC_{1 \text{ lần}} = 48 \times L_H - (t - 2) \times 0.5 \times L_H$$

CHƯƠNG IV

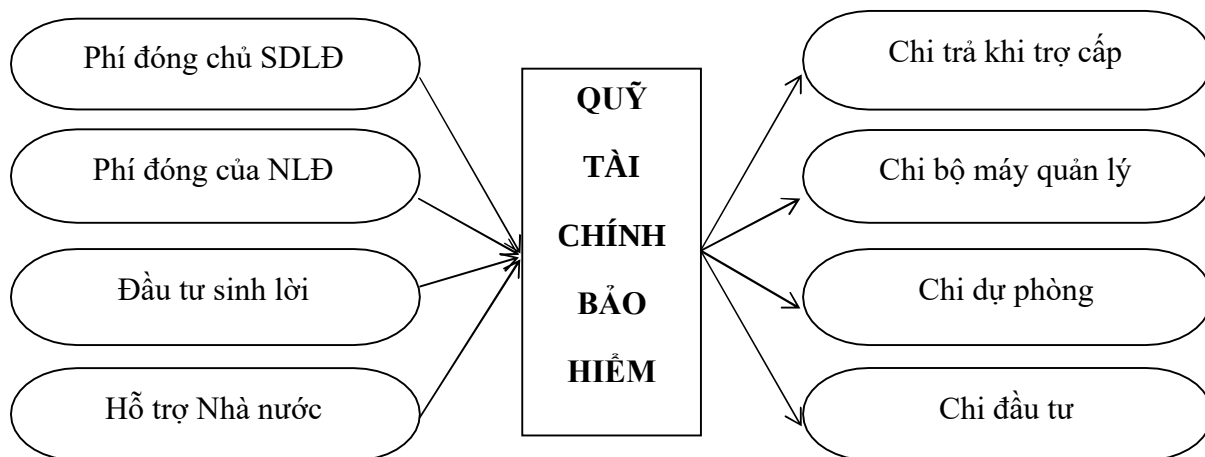
QUỸ TÀI CHÍNH BHXH



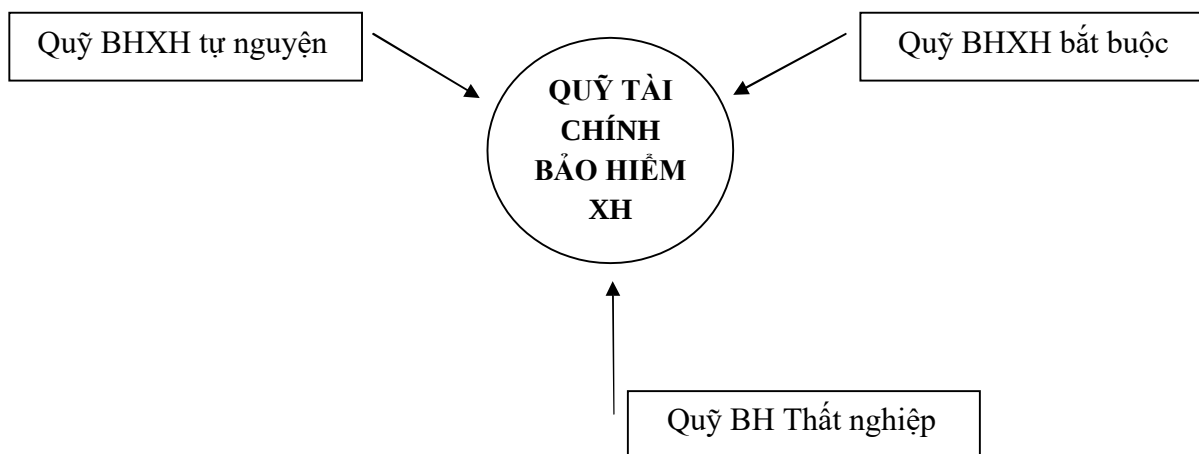
I. Nguồn hình thành quỹ:

Sơ đồ minh họa

Sơ đồ 1: Sự lưu thông quỹ



Sơ đồ 2: Nguồn thu



II. Các mức đóng theo các giai đoạn:

2.1. Đối với BHXH bắt buộc:

Giai đoạn	Người lao động	Người chủ SDLĐ	Tổng cộng
01/2007 - 12/2008	$5\% \times L_{CC\grave{D}BHXH}$	$15\% \times \text{Quỹ } L_{CC\grave{D}BHXH}$	20%
01/2009 - 12/2009	$5\% \times L_{CC\grave{D}BHXH} + 1\% \text{ TN}$	$15\% \times \text{Quỹ } L_{CC\grave{D}BHXH} + 1\% \text{ TN}$	22%
01/2010 – 2011	$6\% \times L_{CC\grave{D}BHXH} + 1\% \text{ TN}$	$16\% \times \text{Quỹ } L_{CC\grave{D}BHXH} + 1\% \text{ TN}$	24%
01/2012 – 2013	$7\% \times L_{CC\grave{D}BHXH} + 1\% \text{ TN}$	$17\% \times \text{Quỹ } L_{CC\grave{D}BHXH} + 1\% \text{ TN}$	26%
01/2014 – về sau	$8\% \times L_{CC\grave{D}BHXH} + 1\% \text{ TN}$	$18\% \times \text{Quỹ } L_{CC\grave{D}BHXH} + 1\% \text{ TN}$	28%

Diễn giải như sau:

- Xét giai đoạn 2008 – 2009 thì:

Năm 2008:

+ Người lao động : 5% bao gồm Hưu trí và Tử tuất

+ Người chủ SDLĐ : 15% bao gồm:

3% Ốm đau thai sản;

1% Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;

11% Hưu trí và Tử tuất.

Năm 2009:

+ Người lao động : 5% cho Hưu trí và Tử tuất.

+ Người chủ SDLĐ : 15% bao gồm:

3% Ốm đau thai sản;

1% Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;

11% Hưu trí và Tử tuất.

+ Và nếu đủ điều kiện thì cả NLĐ và NSDLĐ phải đóng thêm 1% BH thất nghiệp.

Vậy tổng cộng là: $(5\%+1\%) + (15\% + 1\%) = 22\%$.

- Đến giai đoạn 2010 – 2011 thì:

+ Người lao động : 6% bao gồm Hưu trí và Tử tuất (tăng 1%)

+ Người chủ SDLĐ : 16% bao gồm:

3% Ốm đau thai sản;

1% Tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp;

12% Hưu trí và Tử tuất (tăng 1%)

+ Và nếu đủ điều kiện thì cả NLĐ và NSDLĐ phải đóng thêm 1% BH thất nghiệp.

Vậy tổng cộng là: $(6\%+1\%) + (16\% + 1\%) = 24\%$.

- Tương tự cho hai giai đoạn còn lại.

2.2. Đối với BHXH tự nguyện:

- Vì BHXH tự nguyện có Hưu trí và Tử tuất mà chỉ có người lao động tham gia đóng phí nên người lao động sẽ đóng cả phần phí Hưu trí và Tử tuất của người SDLĐ.

Cụ thể như sau:

Giai đoạn	Người lao động	NLĐ đóng thêm	Tổng cộng NLĐ phải đóng
2008 – 2009	5% x I	11% x I	16% x I
2010 – 2011	6% x I	12% x I	18% x I
2012 – 2013	7% x I	13% x I	20% x I

2014 – về sau	8% x I	14% x I	22% x I
---------------	--------	---------	---------

2.3. Bảng tổng hợp:

(Đính kèm)

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ TỔ CHỨC BẢO HIỂM XÃ HỘI



I. Tổ chức Bảo hiểm xã hội:

- Tổ chức BHXH là tổ chức sự nghiệp, có chức năng thực hiện chế độ, chính sách BHXH, quản lý và sử dụng các quỹ BHXH theo quy định của Luật BHXH.
- Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ của Tổ chức BHXH do Chính phủ quy định.

II. Sổ Bảo hiểm xã hội:

- Sổ BHXH được cấp đối với từng người lao động để theo dõi việc đóng, hưởng các chế độ BHXH và là cơ sở để giải quyết các chế độ BHXH theo quy định của Luật BHXH.
- Mẫu Sổ BHXH do tổ chức BHXH quy định. Và Sổ BHXH được thay thế dần bằng thẻ BHXH để đơn giản hóa quá trình xét BHXH.
- Tổ chức bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cấp sổ bảo hiểm xã hội trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp; 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

III. Hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội:

3.1. Hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc bao gồm:

- Tờ khai cá nhân của người lao động theo mẫu do tổ chức bảo hiểm xã hội quy định.
- Danh sách người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc do người sử dụng lao động lập.
- Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép hoạt động đối với người sử dụng lao động tham gia bảo hiểm xã hội lần đầu; hợp đồng lao động đối với người sử dụng lao động là cá nhân có thuê mướn, sử dụng lao động.

3.2. Hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện : Tờ khai cá nhân theo mẫu do tổ chức bảo hiểm xã hội quy định.

3.3. Hồ sơ tham gia bảo hiểm thất nghiệp bao gồm:

- Tờ khai cá nhân theo mẫu do tổ chức bảo hiểm xã hội quy định
- Danh sách người lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp do người sử dụng lao động lập.

IV. Cấp Sổ bảo hiểm xã hội:

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc tuyển dụng, người sử dụng lao động nộp hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội cho tổ chức bảo hiểm xã hội.
- Tổ chức bảo hiểm xã hội có trách nhiệm cấp sổ bảo hiểm xã hội:
 - + Trong thời hạn 30, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp.
 - + Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.
 - + Trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

V. Hồ sơ hưởng Bảo hiểm xã hội:

5.1. Hồ sơ hưởng chế độ ốm đau:

- Sổ bảo hiểm xã hội.
- Giấy xác nhận nghỉ ốm đối với người lao động điều trị ngoại trú, giấy ra viện đối với người lao động điều trị nội trú tại cơ sở y tế, giấy ra viện hoặc phiếu hội chẩn của bệnh viện đối với người lao động mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày.
- Xác nhận của người sử dụng lao động về điều kiện làm việc đối với người lao động làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc thường xuyên ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên.
- Giấy xác nhận của người sử dụng lao động về thời gian nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau, kèm theo giấy khám bệnh của con đối với người lao động nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau.
- Danh sách người nghỉ ốm và người nghỉ việc để chăm sóc con ốm đau do người sử dụng lao động lập.

5.2. Hồ sơ hưởng chế độ thai sản:

- Sổ bảo hiểm xã hội.
- Bản sao giấy chứng sinh hoặc bản sao giấy khai sinh của con hoặc giấy chứng tử trong trường hợp sau khi sinh con mà con chết hoặc mẹ chết.

Trường hợp lao động nữ đi khám thai, sảy thai, nạo, hút thai hoặc thai chết lưu, người lao động thực hiện các biện pháp tránh thai phải có giấy xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền; nhận nuôi con nuôi dưới bốn tháng tuổi phải có chứng nhận theo quy định của pháp luật.

- Xác nhận của người sử dụng lao động về điều kiện làm việc đối với người lao động làm nghề hoặc công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; làm việc theo chế độ ba ca; làm việc thường xuyên ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số từ 0,7 trở lên hoặc xác nhận của người sử dụng lao động đối với lao động nữ là người tàn tật.
- Danh sách người hưởng chế độ thai sản do người sử dụng lao động lập.

5.3. . Hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động:

- Sổ bảo hiểm xã hội.
- Biên bản điều tra tai nạn lao động, trường hợp bị tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì phải có thêm bản sao Biên bản tai nạn giao thông.
- Giấy ra viện sau khi đã điều trị tai nạn lao động.
- Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.
- Văn bản đề nghị giải quyết chế độ tai nạn lao động.

5.4. Hồ sơ hưởng chế độ bệnh nghề nghiệp:

- Sổ bảo hiểm xã hội.
- Biên bản đo đạc môi trường có yếu tố độc hại, trường hợp biên bản xác định cho nhiều người thì hồ sơ của mỗi người lao động có bản trích sao.
- Giấy ra viện sau khi điều trị bệnh nghề nghiệp, trường hợp không điều trị tại bệnh viện thì phải có giấy khám bệnh nghề nghiệp.
- Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa.
- Văn bản đề nghị giải quyết chế độ bệnh nghề nghiệp.

5.5. Hồ sơ hưởng trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe:

- Danh sách người đã hưởng chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà sức khỏe còn yếu do người sử dụng lao động lập.
- Văn bản đề nghị giải quyết trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe.

5.6. . Hồ sơ hưởng lương hưu đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc:

- Sổ bảo hiểm xã hội.
- Quyết định nghỉ việc đối với người đang đóng bảo hiểm xã hội; đơn đề nghị hưởng lương hưu đối với người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội.
- Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng Giám định y khoa đối với người nghỉ hưu theo quy định tại Điều 51 của Luật này.

5.7. Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất đối với người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc:

5.7.1. Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất đối với người đang đóng bảo hiểm xã hội và người bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội bao gồm:

- Sổ bảo hiểm xã hội;
- Giấy chứng tử, giấy báo tử hoặc quyết định của Toà án tuyên bố là đã chết;
- Tờ khai của thân nhân theo mẫu do tổ chức bảo hiểm xã hội quy định;
- Biên bản điều tra tai nạn lao động, bệnh án điều trị bệnh nghề nghiệp trong trường hợp chết do tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

5.7.2. Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất của người đang hưởng lương hưu, trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hằng tháng với mức suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên bao gồm:

- Giấy chứng tử, giấy báo tử hoặc quyết định của Toà án tuyên bố là đã chết;
- Tờ khai của thân nhân theo mẫu do tổ chức bảo hiểm xã hội quy định.

5.8. Hồ sơ hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội một lần, chế độ tử tuất đối với người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện:

5.8.1. Hồ sơ hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội một lần bao gồm:

- Sổ bảo hiểm xã hội;

- Tờ khai cá nhân theo mẫu do tổ chức bảo hiểm xã hội quy định.

5.8.2. Hồ sơ hưởng chế độ tử tuất bao gồm:

- Sổ bảo hiểm xã hội đối với người đang đóng bảo hiểm xã hội;
- Giấy chứng tử, giấy báo tử hoặc quyết định của Toà án tuyên bố là đã chết;
- Tờ khai của thân nhân theo mẫu do tổ chức bảo hiểm xã hội quy định.
